|  |
| --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  Description: http://tuyensinh2019.vinhuni.edu.vn/images/logo.png  **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  **NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2019-2024**  **Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  **của Bộ Giáo dục và Đào tạo**  **Nghệ An, Tháng 8/2024** |



# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 2](#_1fob9te)

[DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 8](#_2et92p0)

[PHẦN I. KHÁI QUÁT 10](#_3dy6vkm)

[1.1. Đặt vấn đề 10](#_1t3h5sf)

[1.2. Tổng quan chung 15](#_4d34og8)

[PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ 21](#_17dp8vu)

[Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 21](#_3rdcrjn)

[Mở đầu 21](#_26in1rg)

[Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học 21](#_lnxbz9)

[Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo 24](#_35nkun2)

[Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai 26](#_1ksv4uv)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 1 29*](#_44sinio)

[Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo 30](#_2jxsxqh)

[Mở đầu 30](#_z337ya)

[Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật 30](#_4i7ojhp)

[Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật 33](#_1ci93xb)

[Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận 37](#_3whwml4)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 2 39*](#_2bn6wsx)

[Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 40](#_xisaoz)

[Mở đầu 40](#_3hiftcs)

[Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra 40](#_1wnq3kl)

[Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng 47](#_4gndm8e)

[Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp 52](#_2vsnwg7)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 3 58*](#_1axy6o0)

[Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học báo cáo đánh giá tiêu chuẩn 59](#_1baon6m)

[Mở đầu 59](#_3uxlpbt)

[Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan 59](#_2a2vzjm)

[Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR 62](#_p869rf)

[Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH 66](#_397tsf8)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 4 69*](#_1od42n1)

[Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học 71](#_3vac5uf)

[Mở đầu 71](#_2250f4o)

[Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. 71](#_319y80a)

[Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học 76](#_1gf8i83)

[Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. 79](#_40ew0vw)

[Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. 82](#_2fk6b3p)

[Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. 85](#_upglbi)

[*Kết luận Tiêu chuẩn 5 87*](#_3ep43zb)

[Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 89](#_48crlau)

[Mở đầu 89](#_2ni1vin)

[Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 89](#_12nc5qg)

[Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng. 96](#_3mmzoe9)

[Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. 100](#_21s9ym2)

[Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá. 104](#_gxk8tv)

[Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. 108](#_30x7rho)

[Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 112](#_1g2i1ph)

[Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 116](#_4025kda)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 6 121*](#_2f7ful3)

[Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên 123](#_ucq4sw)

[Mở đầu 123](#_3ecdngp)

[Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng 124](#_1thnxoi)

[Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai 127](#_4dhbgcb)

[Tiêu chí: 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá 129](#_2smlqk4)

[Tiêu chí: 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó 131](#_17rw0rx)

[Tiêu chí: 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng 134](#_3rrjjfq)

[*Kết luận của Tiêu chuẩn 7 136*](#_26wttnj)

[Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học 137](#_2koq656)

[Mở đầu 137](#_zu0gcz)

[Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật 137](#_1yyy98l)

[Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá 140](#_2ce457m)

[Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học 142](#_3bj1y38)

[Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học 146](#_1qoc8b1)

[Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học 150](#_14ykbeg)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 8 154*](#_243i4a2)

[Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị 155](#_j8sehv)

[Mở đầu 155](#_338fx5o)

[Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo 155](#_42ddq1a)

[Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo 159](#_20xfydz)

[Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 162](#_2wwbldi)

[Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 165](#_415t9al)

[Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật 168](#_4jpj0b3)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 9 172*](#_2i9l8ns)

[Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng 174](#_3hej1je)

[Mở đầu 174](#_1wjtbr7)

[Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học 174](#_1au1eum)

[Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến 177](#_1q7ozz1)

[Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra 181](#_2rb4i01)

[Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học 185](#_3sek011)

[Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến 189](#_30cnrca)

[Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến 193](#_32b5gho)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 10 197*](#_2ijv8qh)

[Tiêu Chuẩn 11: Kết quả đầu ra 199](#_3hot1m3)

[Mở đầu 199](#_1wu3btw)

[Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 199](#_3v3yxl4)

[Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 203](#_1f1at83)

[Tiêu chí 11.3: Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 205](#_40zg11a)

[Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 207](#_oxw9oq)

[Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 209](#_1cm5vqp)

[*Kết luận về Tiêu chuẩn 11 212*](#_4bzgzix)

[PHẦN III. KẾT LUẬN 214](#_16a1jyj)

[1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT 214](#_3q9p2mc)

[2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT 219](#_25ezcu5)

[3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT 222](#_kk9n1y)

[4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT 226](#_34jx5pr)

[PHẦN IV. PHỤ LỤC 228](#_1jp7fxk)

[Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành KTXD 228](#_43ouyld)

[I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục 228](#_2iu58t6)

[II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo 228](#_31duzto)

[III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo 229](#_4j2ijps)

[VII. Cơ sở vật chất, thư viện 242](#_1j8k7lk)

[VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng 244](#_4387q9d)

[Phụ lục 2. Các văn bản liên quan 246](#_2idi0h6)

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ cái viết tắt** | **Ý nghĩa** |
| CĐR | Chuẩn đầu ra |
| CN | Cử nhân |
| CTCT&HSSV | Công tác chính trị, học sinh, sinh viên |
| CTDH | Chương trình dạy học |
| CTĐT | Chương trình đào tạo |
| ĐBCL | Đảm bảo chất lượng |
| ĐCCT | Đề cương chi tiết |
| ĐH | Đại học |
| GD&ĐT | Giáo dục và đào tạo |
| GDĐH | Giáo dục đại học |
| GV | Giảng viên |
| GVC | Giảng viên chính |
| GVCC | Giảng viên cao cấp |
| HTSV | Hỗ trợ sinh viên |
| HV | Học viên |
| KĐCLGD | Kiểm định chất lượng giáo dục |
| KH&HTQT | Khoa học và hợp tác quốc tế |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| KS | Kĩ sư |
| KTXD | Kỹ thuật xây dựng |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| NH | Người học |
| PPDH | Phương pháp dạy học |
| SV | Sinh viên |
| THPT | Trung học phổ thông |
| ThS | Thạc sĩ |
| THTN | Thực hành thí nghiệm |
| TS | Tiến sĩ |

# PHẦN I. KHÁI QUÁT

## 1.1. Đặt vấn đề

***1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá***

Thực hiện tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trong những năm qua, đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đã được các trường đại học hết sức coi trọng.

Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh là đơn vị đào tạo kỹ sư các ngành Kỹ thuật của Trường Đại học Vinh và khu vực Bắc Trung Bộ. Trong những năm qua Khoa Xây dựng thường xuyên quan tâm đến việc đổi mới và nâng cao chất lượng CTĐT các chương trình mà khoa đảm nhận trong đó có ngành Kỹ thuật xây dựng (KTXD). Chương trình đào tạo ngành KTXD đã được trung tâm kiểm định Đại học Quốc gia Hà Nội cấp chứng nhận kiểm định năm 2019. Với mong muốn rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành KTXD sau lần kiểm định thứ nhất.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành KTXD, Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh đã căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, Công văn 774/QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại và kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm tồn tại.

Công tác tự đánh giá CTĐT ngành KTXD đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KTXD được thành lập theo Quyết định số 375-QĐ/ĐHV ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm Ban Giám hiệu, cán bộ giảng viên Khoa Xây dựng, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Các bên liên quan như SV, cựu SV, nhà tuyển dụng,... là nguồn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu (BGH) chỉ đạo chung, Trung tâm Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kĩ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTXD bao gồm 4 phần:

**+ Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học, v.v..) cũng như cách thức tổ chức các thành phần này tham gia vào hoạt động tự đánh giá CTĐT.

**+ Phần II:** Tự đánh giá CTĐT ngành KTXD theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: *(1) Mô tả hiện trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá* mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

**+ Phần III:** Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những điểm tồn tại, cần cải tiến chất lượng, Kế hoạch hành động và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

**+ Phần IV:** Phụ lục, bao gồm cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTXD dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, bao gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 tự đánh giá về hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá việc tuyển sinh, các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành KTXD trong chu kì đánh giá (2019-2024).

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef;Trong đó:

* *H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)*
* *n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)*
* *ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)*
* *cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)*
* *ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)*

*Ví dụ: H1.01.01.01:* là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1*; H3.03.02.15:* là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

***1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá***

***Mục đích tự đánh giá***:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH*** của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo. Công văn 774/QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành KTXD và Khoa Xây dựng tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo kỹ sư xây dựng, nghiên cứu và triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm tồn tại của ngành KTXD, Khoa Xây dựng trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của ngành KTXD.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của khoa Xây dựng trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, tự đánh giá sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành KTXD theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

*Bước 1*: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KTXD

*Bước 2*: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KTXD

*Bước 3*: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

*Bước 4*: Xử lí, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

*Bước 5*: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 08 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả hiện trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá.

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KTXD, các nhóm chuyên trách phụ trách từng tiêu chuẩn, tiêu chí khác nhau, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành KTXD; trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể:

+ Nhóm 1: PGS.TS. Nguyễn Duy Duẩn, làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2;

+ Nhóm 2: TS. Nguyễn Văn Hóa, làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3, 4;

+ Nhóm 3: TS. Nguyễn Trọng Hà, làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5, 8;

+ Nhóm 4: ThS. Nguyễn Duy Khánh, làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7;

+ Nhóm 5: ThS. Nguyễn Tuấn Anh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;

+ Nhóm 6: PGS.TS Trần Ngọc Long, làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Khoa Xây dựng tổ chức, Khoa Xây dựng đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành KTXD, tiến hành họp cán bộ toàn ngành để phổ biến kế hoạch và phân công rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá, góp ý và hoàn thiện dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng*… Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở phân công, giao việc của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá và của nhóm trưởng. Khoa giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Hội đồng Tự đánh giá cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa và Trường.

***Phương pháp và công cụ tự đánh giá:*** Việc tự đánh giá CTĐT ngành KTXD được thực hiện theo phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu...Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ sinh viên (SV) năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng… Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lí thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

## 1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kĩ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước”.

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQTW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh, Trường đã điều chỉnh sứ mạng và tầm nhìn. Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường, Sứ mạng: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”. Tầm nhìn: “Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các Điểm tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Đơn vị thực hiện CTĐT chuyên ngành KTXD là Khoa Xây dựng. Đồng hành với trường ĐH Vinh trong hơn 23 năm Đại học Vinh đa ngành, quá trình phát triển của Khoa Xây dựng trải dài 23 năm lịch sử (từ năm 2022).

Để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường Đại học Sư phạm Vinh đã phát triển thành Trường Đại học đa ngành vào năm 2001 với các ngành ngoài sư phạm. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường Đại học trọng điểm.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 42 cán bộ, trong đó có 40 cán bộ giảng dạy, gồm: 03 PGS.TS, 18 tiến sĩ, 21 Thạc sĩ, trong đó có 03 tiến sĩ đang thực hiện chương trình Sau tiến sĩ ở nước ngoài và 02 giảng viên đang làm NCS. Đội ngũ GV có trình độ được đào tạo tại các trường có uy tín trong và ngoài nước, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa Xây dựng có các chức năng chủ yếu sau:

- Đào tạo trình độ kỹ sư KTXD, kỹ sư KTXD Công trình giao thông, Kinh tế xây dựng và Kiến trúc;

- Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành KTXD;

- Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng;

- Triển khai các hoạt động NCKH thuộc lĩnh vực xây dựng như hội thảo, hội nghị, báo cáo chuyên đề, đề tài, v.v..

- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công hội thảo khoa học về Kỹ thuật xây dựng trong bối cảnh biến đổi khí hậu; xuất bản giáo trình, tập bài giảng; công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Xây dựng đã chủ trì và tham gia thực hiện đề tài các cấp. Bên cạnh đó, giai đoạn 2019-2024, cán bộ khoa đã tham gia biên soạn đề thi kiểm tra đánh giá, xây dựng đề thi, tài liệu học tập...

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Xây dựng đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành KTXD. Trong giai đoạn 2019-2024, Ngành KTXD đã đào tạo hơn 1500 kỹ sư xây dựng chính quy, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành KTXD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có: Mục tiêu của ngành Kỹ thuật xây dựng được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. *Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai xây dựng và vận hành các công trình xây dựng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật các vấn đề mới nhất liên quan đến CTĐT. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành KTXD được thiết kế dựa trên 4 trụ cột của CDIO, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Sinh viên tốt nghiệp chương trình ngành KTXD có: năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức và sức khỏe tốt, có tri thức và năng lực hoạt động nghề nghiệp với trình độ chuyên môn tiên tiến trong những chuyên ngành lựa chọn, phù hợp với yêu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, tùy thuộc vào chuyên ngành được đào tạo, các kỹ sư có thể đảm nhiệm các công việc khảo sát, thiết kế, thi công, quản lý khai thác và đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Các kỹ sư cũng có khả năng nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

Các học phần trong chương trình đào tạo ngành KTXD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Xây dựng có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lí, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa đã có chính sách tạo nguồn cán bộ từ sinh viên của khoa; chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%. Nhiều giảng viên đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ.

Khoa Xây dựng đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Khoa đã thành lập 01 nhóm nghiên cứu về lĩnh vực Kết cấu công trình. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành KTXD và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành KTXD có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Xây dựng.

Bản “*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng*” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng Trường, Khoa Xây dựng, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

**PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ**

## Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

### Mở đầu

Khoa Xây dựng, Trường Đại học Vinh là một trong những cơ sở đào tạo kỹ sư các ngành Kỹ thuật xây dựng, KTXD công trình giao thông, Kinh tế xây dựng và Kiến Trúc tại khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

CTĐT trình độ đại học ngành KTXD được xây dựng theo tiếp cận năng lực trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Tiêu chuẩn CDIO với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. CTĐT đã thể hiện được quy định về CĐR của CTĐT, bao trùm kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

### Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

*1.**Mô tả hiện trạng*

Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học [[H1.01.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.01/)]. Từ năm 2016, CTĐT theo tiếp cận CDIO bắt đầu được xây dựng và áp dụng cho ngành KTXD tại Trường Đại học Vinh. Năm 2021, CTĐT ngành KTXD theo tiếp cận CDIO tiếp tục được cập nhật và điều chỉnh, về cơ bản 4 trụ cột năng lực của CDIO được chú trọng, bao gồm: (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến). Năm 2021, sau 4 năm thực hiện CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường tiến hành đánh giá tổng kết CTĐT tiếp cận CDIO trên cơ sở đó Nhà trường tiến hành hướng dẫn xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [[H1.01.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.02/).

Mục tiêu CTĐT ngành KTXD phiên bản 2021 đã bám sát sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh. Sứ mạng của Trường Đại học Vinh được xác định *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”.* Tầm nhìn được thể hiện rõ “*Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045*”. Theo đó, CTĐT ngành KTXD được rà soát, điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, trong đó chú trọng đến mục tiêu đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành KTXD đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Sau khi tiến hành quy trình rà soát và khảo sát các bên liên quan, Khoa Xây dựng đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu của CTĐT ngành KTXD. Cụ thể là: *Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai xây dựng và vận hành các công trình xây dựng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.* [[H1.01.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.03/)]. Các mục tiêu cụ thể của CTĐT được thể hiện như sau nhằm đáp ứng với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh và bối cảnh đất nước trong thời kỳ mới, như sau:

- Áp dụng kiến thức nền tảng, kiến thức lập luận ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật xây dựng;

- Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, tính chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp và khả năng thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp;

- Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; năng lực ngoại ngữ;

- Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường.

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Xây dựng đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên Mục tiêu và CĐR của CTĐT [[H1.01.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.04/)]. Đồng thời, Khoa Xây dựng đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành KTXD của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học GTVT Hà Nội, Trường ĐH BK TPHCM, Trường ĐH Bách khoa - Đại học Đà Nẵng và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành KTXD. CĐR của CTĐT ngành KTXD Trường Đại học Vinh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [[H1.01.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.05/)].

Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục số 43 năm 2019 như sau: Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Từ năm 2017, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành KTXD theo tiếp cận năng lực, trong đó chú trọng nâng cao năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp của người học.

Sau khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, CĐR và đề cương chi tiết các học phần, Khoa Xây dựng đã khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT ngành KTXD đáp ứng yêu cầu của xã hội; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa và Nhà trường.

*2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được định kì rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học.

1. *Điểm tồn tại*

Việc tham vấn, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành KTXD chưa được tiến hành một cách hệ thống và khoa học, chưa đa dạng hình thức và cập nhật thường xuyên. Nhà trường chưa có các số liệu dự báo chính xác về nhu cầu thị trường lao động đối với ngành KTXD.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | - Khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành KTXD  - Thành lập mạng lưới/ ban tư vấn gồm các chuyên gia, các nhà tuyển dụng lao động liên quan đến CTĐT ngành KTXD | Nhà trường  Khoa Xây dựng | 06/2024  06/2024 | Hàng năm  12/2024 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Rà soát, cập nhật CTĐT thường xuyên để phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường Đại học Vinh; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo từng giai đoạn. | Khoa Xây dựng | Hàng  năm | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá: 5/7*

### Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

*1. Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT ngành KTXD xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành KTXD đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT theo tiếp cận CDIO được xây dựng mới và áp dụng từ năm 2017; đến năm 2021 CTĐT tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy, do số lượng CĐR của CTĐT ngành KTXD năm 2017 còn khá nhiều (với 19 CĐR cấp độ 2 và 75 CĐR cấp độ 3), nên việc phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các học phần gặp một số khó khăn. Sau 4 năm thực hiện CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường tiếp tục hướng dẫn xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT [[H1.01.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.01/)]. CĐR của CTĐT KTXD đã phản ánh được thế mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về lĩnh vực kỹ thuật xây dựng công trình. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí và mức độ năng lực về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo. CĐR cũng chính là cam kết của Nhà trường với người học và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo KTXD. Các CĐR của CTĐT ngành KTXD được công bố rộng rãi cho người học, giảng viên và các bên liên quan trên website của Trường và Khoa và tờ rơi quảng bá tuyển sinh về CTĐT [[H1.01.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.02/)].

CĐR của CTĐT ngành KTXD bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thànhCTĐT ngành KTXD của Trường Đại học Vinh: *Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai xây dựng và vận hành các công trình xây dựng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*, phù hợp các quy định của Luật Giáo dục, phù hợp với chiến lược và tầm nhìn của Khoa Xây dựng và Trường Đại học Vinh [[H1.01.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.03/)].

CĐR của CTĐT đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai; trong đó chú trọng đến việc hình thành các năng lực chuyên môn gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến kỹ thuật xây dựng công trình trong giai đoạn hiện nay [[H1.01.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.04/)], cụ thể:

- Về kiến thức và lập luận ngành,CTĐT ngành KTXD trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến yêu cầu của vị trí việc làm của người học khi tốt nghiệp là trở thành kỹ sư xây dựng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- CĐR ngành KTXD xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực xây dựng; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy trong lĩnh vực kỹ thuật. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành KTXD. Cụ thể, SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau; nhấn mạnh đến tư duy phản biện và thể hiện khả năng tự học và rèn luyện suốt đời. CĐR ngành KTXD cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; tự chủ và tự chịu trách nhiệm, ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, thể hiện sự công bằng và tôn trọng trong công việc.

Ngoài ra, các CTĐT còn có các CĐR về khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện công việc; người học có thể tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân; lập kế hoạch, điều phối và quản lý nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng thiết kế, thực hiện và phát triển hạ tầng kỹ thuật trong lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp đã được nhấn mạnh trong CĐR ngành KTXD; cụ thể, có hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành; hiểu biết bối cảnh xã hội; xác định nhu cầu và mục tiêu phát triển trong lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp; CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

Đồng thời, SV ngành KTXD có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ. Dựa vào đó CTĐT xây dựng được bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

*2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT ngành KTXD được thiết kế nhằm hướng đến phát triển các năng lực, phẩm chất chung của người kỹ sư và năng lực đặc thù của kỹ sư xây dựng đồng thời phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học.

*3. Điểm tồn tại*

Số lượng CĐR của CTĐT ngành KTXD năm 2017 còn khá nhiều (18 CĐR cấp độ 2,75 CĐR cấp độ 3). Điều này dẫn đến khó khăn trong thực tế triển khai phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các học phần.

1. *Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Rà soát CĐR chương trình đào tạo theo hướng cập nhật, tích hợp các CĐR theo nhóm trụ cột CDIO | Khoa Xây dựng | 6/2024 | 6/2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT | Khoa Xây dựng | Hàng năm | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* 5/7

### Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT ngành KTXD phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các Hội nghị tham vấn, khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, chính thức và không chính thức. Trên cơ sở dự thảo CĐR của CTĐT được xây dựng, các bên liên quan được xin ý kiến tham vấn về sự cần thiết và mức độ đáp ứng đối với người học khi tốt nghiệp CTĐT kỹ sư ngành KTXD [[H1.01.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.01/)]. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Xây dựng đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT. Đồng thời, Khoa Xây dựng đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành KTXD của Trường ĐH xây dựng Hà Nội, Trường GTVT Hà Nội, Trường ĐH BK TPHCM, Trường ĐH BK- Đại học Đà Nẵng và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành KTXD. CĐR của CTĐT ngành KTXD Trường Đại học Vinh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [[H1.01.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.02/)].

Trong giai đoạn tự đánh giá (2019-2024), CĐR của CTĐT ngành KTXD đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường [[H1.01.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.03/)]. Đầu năm 2019, CĐR được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được năng lực của SV khi tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO. Đến năm 2021 CTĐT được rà soát, cập nhật theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến). Năm 2021, sau 4 năm thực hiện CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường tiến hành đánh giá tổng kết CTĐT tiếp cận CDIO trên cơ sở đó Nhà trường tiến hành hướng dẫn xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT. Một số điểm mới của CTĐT năm 2021 so với phiên bản 2017 và 2019 có thể kể đến sau đây [[H1.01.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.04/)]:

- CĐR năm 2021 CTĐT tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được năng lực của Sinh viên khi tốt nghiệp. CĐR năm 2021 được tinh gon xuống 9 CĐR cấp độ 2 và 26 CĐR cấp độ 3.

- Đã xây dựng Bảng phân nhiệm CĐR cho học phần được thiết kế chi tiết hơn đến từng chương trong học phần và phân nhiệm CĐR về kỹ năng nghề nghiệp (CĐR về CDIO) cho các học phần dự án.

- CTĐT phiên bản 2021 có 10 học phần dạy học dựa trên dự án, trong đó có 04 học phần cấp chương trình đào tạo.

- Đề cương chi tiết học phần được thiết kế đầy đủ và cụ thể hơn, trong đó có thiết kế các bài đánh giá năng lực, CĐR cho từng bài học và bài kiểm tra đánh giá, phương pháp tổ chức dạy học rõ ràng hơn.

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi tới các CB GV và người học, nhà sử dụng lao động. Thông tin về CĐR của CTĐT được đăng tải trên website của Nhà trường, subweb của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang SV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa.

Như vậy, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn giáo dục, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

*2. Điểm mạnh*

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành KTXD được được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến phản hồi và đóng góp của các bên liên quan. CĐR được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật và đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa và nhà trường chưa đa dạng hóa các kênh thông tin nhằm bảo đảm người học tiếp cận CĐR của CTĐT một cách dễ dàng và toàn diện

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Đa dạng hóa các kênh thông tin để người học dễ dàng tiếp cận với CĐR của CTĐT (triển khai trên kênh Truyền hình Đại học Vinh VUTV, vv) | Khoa Xây dựng Trung tâm CNTT | 6/2022 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT | Khoa Xây dựng | Hàng năm | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* ***5/7***

## Kết luận về tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật của CTĐT ngành KTXD là đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Đồng thời, CĐR của CTĐT ngành KTXD cũng được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được phổ biến cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ năm), ở từng học phần cụ thể.

Điểm tồn tại cơ bản là việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường, chưa có sự chủ động của Khoa đào tạo; số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT còn chưa nhiều. Hiện nay, Nhà trường và Khoa chưa có thông tin dự báo chính xác nhu cầu đào tạo SV ngành KTXD. Do vậy, Khoa cần chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, tạo nhiều kênh thông tin để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

## Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

### Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT ngành KTXD cho người học và các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng phù hợp với các quy định của Nhà nước trên cơ sở biểu mẫu quy định thống nhất của Trường Đại học Vinh. Bản mô tả CTĐT Ngành KTXD cung cấp các thông tin về cơ sở giáo dục; CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học (CTDH); ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung hàng năm theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội.

### Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT được Khoa Xây dựng có đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. Từ năm 2017 trở về trước, bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Vinh. Từ năm học 2017-2018 (áp dụng từ khóa đào tạo thứ 58 Trường Đại học Vinh), Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO [[H2.02.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.01/)]; do vậy, bản mô tả CTĐT cũng được rà soát và cập nhật theo văn bản hướng dẫn mới bao gồm các nội dung thông tin cụ thể [[H2.02.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.02/)]:

1. Cơ sở giáo dục: Tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh
2. Chương trình đào tạo: KTXD trình độ đại học
3. Thời gian đào tạo: 4.5 năm
4. Mục tiêu: bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể
5. CĐR của CTĐT: được mô tả theo 4 trụ cột của CDIO bao gồm: (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển ý tưởng liên quan đến lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
6. Tiêu chí tuyển sinh: áp dụng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Vinh.
7. Cấu trúc chương trình dạy học (CTDH): được thể hiện qua chương trình khung gồm 150 tín chỉ, 40 học phần và kế hoạch dạy học dự kiến và mô tả vắn tắt môn học.
8. Ma trận kỹ năng
9. Đề cương các môn học/học phần
10. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT

Từ năm 2017 đến nay, bản mô tả CTĐT ngành KTXD đã được rà soát, cập nhật 3 lần trung bình ít nhất 2 năm/lần [[H2.02.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.03/)]. Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng phù hợp với các quy định của Nhà nước trên cơ sở biểu mẫu quy định thống nhất của Trường Đại học Vinh. Bản mô tả CTĐT Ngành KTXD cung cấp các thông tin về cơ sở giáo dục; CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học (CTDH); ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành KTXD đã cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến các nội dung đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng [[H2.02.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.02/)]. Tuy nhiên, việc phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, các nhà tuyển dụng đôi lúc chưa kịp thời.

Những thông tin trong bản mô tả CTĐT cập nhật bao gồm đầy đủ các thông tin như phiên bản trước. Điểm mới của bản mô tả năm 2021 là ma trận CĐR phân nhiệm cho các học phần được mô tả chi tiết về sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR [[H2.02.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.02/)].

Bảng 2.1.1: So sánh Bản mô tả CTĐT ngành KTXD giai đoạn 2016-2025

|  | **Khóa 57**  **(2016 - 2021)** | **Khóa 58**  **(2017 - 2022)** | **Khóa 62**  **(2021 - 2025)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian đào tạo** | 4.5 năm | 4.5 năm | 4.5 năm |
| **Mục tiêu và CĐR đào tạo** | Chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ | Theo 4 trụ cột của CDIO | Theo 4 trụ cột của CDIO |
| **Tiêu chí tuyển sinh** | Tổ hợp A00, A01, D01 | Tổ hợp A00, A01, D01 | Tổ hợp A00, A01, D01 |
| **Số tín chỉ** | 150 tín chỉ | 150 tín chỉ | 150 tín chỉ |
| **Số học phần** | 66 học phần | 52 học phần | 44 học phần |

*2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT Ngành KTXD có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo và cung cấp thông tin cho các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên về nội dung và hình thức, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

*3. Điểm tồn tại*

Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, các nhà tuyển dụng chưa được chủ động và kịp thời.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Thiết lập mạng lưới các cựu sinh viên ngành KTXD hiện nay là kỹ sư thi công, thiết kế công trình, nhà quản lý để thường xuyên góp ý và phản hồi về bản mô tả CTĐT của đơn vị | Khoa Xây dựng | 5/2024 | 12/2024 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Cập nhật bản mô tả CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT | Khoa Xây dựng | Hàng năm | Hàng  năm |

1. *Tự đánh giá:* ***5/7***

### Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

*1. Mô tả hiện trạng*

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành KTXD cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu. Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình khung đào tạo hệ đại học và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [[H2.02.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.01/)]. Khi xây dựng đề cương học phần, các giảng viên phụ trách học phần bám vào ma trận kỹ năng phân nhiệm cho học phần để đảm bảo sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần, cụ thể:

(1) Thông tin tổng quát (tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy)

(2) Mô tả học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/thực hành/thảo luận/tự học ...)

(3) Mục tiêu học phần

(4) Chuẩn đầu ra học phần

(5) Đánh giá học phần

(6) Nội dung và kế hoạch dạy - học

(7) Nguồn học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.

(8) Quy định học phần

(9) Phụ trách học phần

Mặc dù cấu trúc trình bày của Đề cương học phần có 09 mục nêu trên nhưng các thông tin trong Đề cương học phần đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản, trong đó đã nêu rõ được tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy (Mục 1: Thông tin tổng quát); tên môn học/ học phần; số tín chỉ; (Mục 2: Mô tả học phần), mục tiêu, (Mục 3: Mục tiêu học phần), CĐR của môn học/ học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR (Mục 4: Chuẩn đầu ra học phần); các yêu cầu của môn học/ học phần (Mục 8: Quy định học phần); cấu trúc môn học/ học phần; phương pháp dạy học (Mục 6: Nội dung và kế hoạch dạy học)- phương thức kiểm tra đánh giá (Mục 5: Đánh giá học phần); tài liệu chính và tài liệu tham khảo (Mục 7: Nguồn học liệu). Ngoài ra, Đề cương môn học còn có thêm Mục 9: Phụ trách học phần quy định Bộ môn/ Khoa/ Ngành quản lý học phần để thuận lợi trong công tác quản lý đào tạo. Đề cương học phần giúp GV và SV nắm vững nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy học, đảm bảo đạt CĐR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương học phần, mỗi SV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CĐR có cơ sở rõ ràng và minh bạch. Đề cương học phần có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng hơn trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của học phần, đồng thời giúp các bên liên quan có thông tin đầy đủ về học phần để giám sát quá trình đào tạo của chương trình.

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành KTXD được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. Trong quá trình rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật đề cương chi tiết đã được tham vấn các bên liên quan như cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và nhất là cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy. Trong quá trình xây dựng đề cương học phần Khoa Xây dựng, bộ môn đã tham khảo đề cương chi tiết của một số trường đại học tiên tiến có ngành nghề đào tạo như University of New Haven- England; University of Arkansas- USA, Connecticut State University- USA, trường Đại học Xây dựng Hà Nội, trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Bách khoa ĐHQG TP HCM [[H2.02.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/)]. Các nội dung trong đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hóa, xã hội, chính trị của Việt Nam [[H2.02.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.01/)].

Năm 2016, Nhà trường chủ trương áp dụng tiếp cận CDIO trong việc xây dựng và đổi mới CTĐT. Đề cương các học phần cũng được thay đổi đáng kể, được xây dựng theo biểu mẫu mới và ban hành năm 2017 [[H2.02.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.03/). Trong đó, các nội dung liên quan đến mô tả học phần, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, quy định kiểm tra đánh giá, nội dung và kế hoạch dạy học cũng có sự điều chỉnh cho phù hợp. Hoạt động dạy - học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của học phần; trong đó chú trọng đến phần tự học, nội dung và thời gian chuẩn bị của sinh viên trước khi lên lớp. Nhà trường cũng đã ban hành các quy định đánh giá cho CTĐT tiếp cận CDIO nhằm phát triển năng lực của người học, bao gồm đánh giá quá trình (thái độ, chuyên cần, hồ sơ môn học, đánh giá giữa kỳ), đánh giá cuối kỳ (tự luận, trắc nghiệm, thực hành, kết hợp tự luận và thực hành, đồ án môn học). Năm 2021, sau 01 chu trình triển khai các CTĐT theo tiếp cận CDIO, các giảng viên đã tiến hành đối chiếu, rà soát lại các nội dung trong Đề cương học phần nhằm tương thích với sự phân nhiệm của CĐR đối với học phần, góp phần đáp ứng CĐR của CTĐT. Một số học phần được điều chỉnh số tín chỉ, phân nhiệm CĐR cho phù hợp hơn với CTĐT sau rà soát, điều chỉnh (áp dụng từ khóa đào tạo thứ 62). Có thể thấy rõ sự điều chỉnh, cập nhật đề cương các học phần trong CTĐT ngành KTXD qua bảng sau đây:

*Bảng 2.2.1 So sánh đề cương học phần của khóa 57, 58 và 62 ngành KTXD*

| **Đặc điểm** | **Khóa 57**  **(2016 - 2021)** | **Khóa 58**  **(2017 - 2022)** | **Khóa 62**  **(2021 - 2025)** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Cấu trúc | 15 mục | 9 mục | 9 mục |
| 2. Mục tiêu học phần | Tuyên bố chung về kiến thức, kỹ năng và thái độ | Gắn với khả năng đáp ứng CĐR CTĐT, thang đo năng lực | Gắn với kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được; thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên |
| 3. CĐR học phần | Không có | Phát biểu CĐR, tương quan mức độ dạy học ITU, thang đo năng lực | Thể hiện sự đóng góp của môn học để đạt được CĐR CTĐT; |
| 4. Đánh giá học phần | Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-GV tự tổ chức), cuối kỳ (70%) | Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-test online), hồ sơ học phần (20%), cuối kỳ (50%) | Đánh giá thường xuyên (30%), đánh giá giữa kỳ (20%) và cuối kỳ (50%);  Bộ tiêu chí đánh giá (Rubric) cho từng bài đánh giá. |
| 5. Kế hoạch giảng dạy | Nội dung buổi học, số tiết lý thuyết/ thực hành | Nội dung buổi học, hoạt động dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CĐR | Nội dung buổi học, phương pháp dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CĐR |
| 6. Hướng dẫn tự học | Không | Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học | Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học |

*2. Điểm mạnh*

Tất cả đề cương chi tiết của học phần đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ và tường minh các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận liên quan đến đào tạo, cũng như các bên liên quan giám sát.

Đề cương học phần liên tục được thường xuyên cập nhật, bổ sung về nội dung và thay đổi về hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT.

*3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Bộ môn định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần để làm cơ sở cho các điều chỉnh | Khoa Xây dựng | 6/2024 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Cập nhật đề cương học phần thường xuyên để phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT | Khoa Xây dựng | Hàng năm | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* ***5/7***

### Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD sau khi được Trường Đại học Vinh phê duyệt và ban hành được công bố công khai cho người học và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Khoa Xây dựng, công bố trên trang đăng ký học của SV, giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV [[H2.02.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.01/). Hàng năm, khi tiếp đón tân SV, Khoa Xây dựng tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả. 100% đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp cho người học theo đúng quy định. Các thông tin liên quan đến Đề cương học phần đã được tích hợp và quản lý trên hệ thống quản lí học tập (LMS), nhằm chuyển tải đến người học một cách thuận tiện và chính xác nhất [[H2.02.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.02/). Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được. CTĐT ngành KTXD tiếp cận CDIO dành một học phần Nhập môn ngành xây dựng với thời lượng 04 tín chỉ để giúp SV năm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó có các nội dung giới thiệu về CTĐT, cấu trúc, logic và yêu cầu cần đạt của CTĐT [[H2.02.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.03/)].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giáo viên, người học đã tốt nghiệp, vv đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT thông qua website của Nhà trường và đơn vị [[H2.02.03.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErVKNumjNJNHs-gQOsiCbQ8BOvEChxlpgsKB-Kajh9UdNw?e=27Ymfc)]. Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn Bản mô tả CTĐT.

Tuy nhiên, nhà trường chưa chú trọng đến việc truyền thông rộng rãi và hiệu quả các nội dung đổi mới trong từng Đề cương học phần, ví dụ áp dụng các hình thức dạy học theo Đồ án/ Dự án, mô hình lớp học đảo ngược, dạy học kết hợp, vv

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

*3. Điểm tồn tại*

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các đơn vị sử dụng lao động còn chưa hiệu quả. Một số nội dung đổi mới trong CTĐT chưa được cập nhật và lan tỏa đến cộng đồng các nhà tuyển dụng.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | - Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động liên quan truyền thông về CTĐT ngành KTXD như các cuộc thi rèn nghề, câu lạc bộ chuyên ngành, v.v..  - Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên là các cán bộ kỹ thuật, nhà quản lý để quảng bá và lan tỏa CTĐT | Khoa Xây dựng  Khoa Xây dựng | 6/2024  6/2024 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT | Khoa Xây dựng | Hàng  năm | Hàng  năm |

*5. Tự đánh giá:* ***5/7***

**Kết luận về tiêu chuẩn 2**

Điểm mạnh nổi bật là Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng Khoa Xây dựng, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG,… của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học; được công bố công khai cho các đối tượng liên quan dễ tiếp cận.

Tuy nhiên, việc ban hành và cung cấp thông tin về bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên liên quan vẫn còn hạn chế; phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

**Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

### Mở đầu

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra. Phương pháp dạy-học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT.

Chủ đề và nội dung của CTDH được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của người học theo trình tự: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành. Đồng thời, CTDH của ngành Kỹ thuật xây dựng liên tục được rà soát định kỳ 2 năm/ lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

### Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

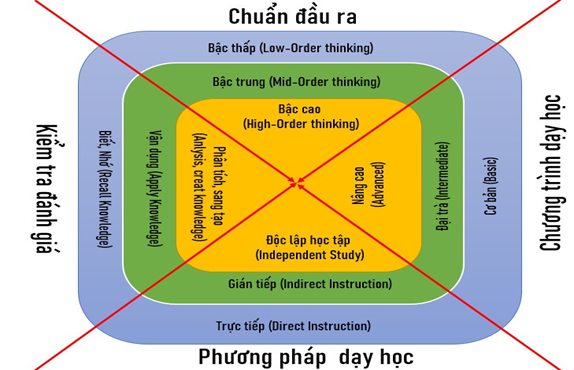
*1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình dạy học (CTDH) ngành Kỹ thuật xây dựng được ngành xây dựng dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, thể hiện trong quá trình thiết kế sửa đổi CTDH từ năm 2017 cho đến nay. Theo đó, CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng được xây dựng dựa theo các văn bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Vinh quy định về hình thức đào tạo theo tín chỉ [[H3.03.01.01]](ftp://ktxd@14.238.3.10/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.01) [[H3.03.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.02/). Quy định về thiết kế CTDH trong Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0 và các văn bản hướng dẫn của nhà trường về xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT [[H3.03.01.02],](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.02/) [[H3.03.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.03/)

Để xây dựng CTDH cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành, các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành Kỹ thuật xây dựng. Mô hình CDIO thiết kế với 4 trụ cột đảm bảo yêu cầu kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Tính đến thời điểm CTDH mới nhất năm 2021, chương trình của ngành đã nhiều lần xây dựng, điều chỉnh [[H3.03.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.03/)

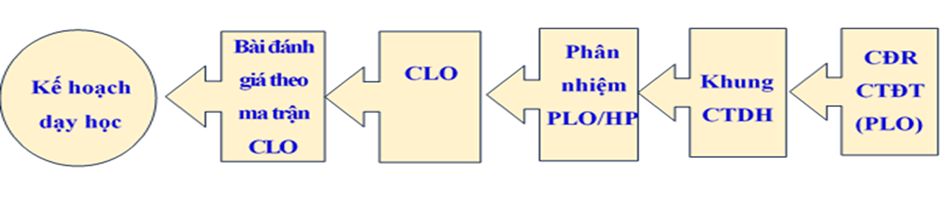
Trên cơ sở mục tiêu và CĐR, và quy trình hướng dẫn về thiết kế CTDH tương thích với CĐR [[H3.03.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/). Khoa tiến hành thiết kế CTDH theo hướng tích hợp dựa trên CĐR nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng đạt được những kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ và trách nhiệm sau khi ra trường. Chương trình dạy học (CTDH) bao gồm Chuẩn đầu ra PLO, khung CTDH, ma trận phân nhiệm các PLO cho các học phần, sơ đồ mô tả cấu trúc và trình tự các học phần, đề cương học phần. Chương trình dạy học được thiết kế theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB.

- Mô hình tương thích kiến tạo (CAM - Constructive Alignment Model) là mô hình này dựa trên thuyết kiến tạo (Constructivism) và mô hình tương thích (Alignment Model). Theo mô hình này, CTDH được thiết kế nhằm đảm bảo sự tương thích giữa 3 trụ cột (Chuẩn đầu ra, Phương pháp dạy học và Kiểm tra đánh giá) tương ứng với 3 cấp độ từ cơ bản đến nâng cao (Hình 3.1.1). CTDH của Trường Đại học Vinh định hướng thiết kế CTDH theo mô hình tương thích kiến tạo ở cấp độ nâng cao, tương ứng với CĐR ở mức năng lực cao (Mức 4, 5); phương pháp dạy học chủ động, độc lập nghiên cứu; hoạt động kiểm tra đánh giá hướng tới các sản phẩm có tính sáng tạo. Để đảm bảo tính tương thích này, Nhà trường chú trọng việc triển khai các hình thức dạy học tích cực, trọng tâm là dạy học dự án (Project Based Learning- PBL), với trọng số tối thiểu 25% tổng số tín chỉ trong toàn CTDH.



*Hình 3.1.1. Mô hình tương thích kiến tạo (CAM) trong phát triển CTDH*

- *Quy trình thiết kế ngược*: quy trình thiết kế CTDH được xuất phát từ CĐR của ngành đào tạo (PLO), từ đó triển khai thiết kế theo tuần tự: *Khung CTDH; Phân nhiệm các PLO cho các học phần (HP)*; *CĐR học phần* (CLO); *Bài đánh giá theo ma trận các CLO; Kế hoạch dạy học* theo ma trận bài đánh giá (Hình 3.1.2).

*Hình 3.1.2. Quy trình thiết kế ngược đối với CTDH*

- *Mô hình CFB* (**C**DIO-**F**lipped- **B**lended Learning) là mô hình tích hợp giữa các mô hình: CDIO, dạy học đảo ngược (Flipped Learning) và dạy học kết hợp (Blended Learning).

Việc thiết kế CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng được thực hiện theo quy trình do Nhà trường ban hành bao gồm 7 bước, trong đó các bước 1, 2 và 5 thể hiện rõ CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm: (1)Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, ***CĐR***, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình....); (2) Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1; (3)Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; (4) Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất; (5) ***Tổ chức xây dựng CĐR*** và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (6) Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (7) Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT [[H3.03.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.03/).

CTDH hiện tại đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, cung cấp cho người học nhiều thông tin về ngành Kỹ thuật xây dựng. Chương trình dạy học theo hướng dẫn của Trường, bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra của chương trình và chuẩn đầu ra của mỗi học phần; Nội dung đào tạo; Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/).

Phiên bản CTDH năm 2017 và 2021 có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành Kỹ thuật xây dựng CTDH năm 2017, trình độ đại học, thời gian đào tạo là 5 năm, 10 học kì. Trong mô tả học phần, ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện chuẩn đầu ra, chương trình CTDH 2017 được thiết kế gồm các khối kiến thức: *kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, khối kiến thức cơ bản và kỹ thuật cơ sở, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành.* CTDH năm 2021 được thiết kế gồm 2 khối kiến thức là *khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức thực tập và đồ án)*. Cụ thể:

*Bảng 3.1.1. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức trong cấu trúc CTDH   
năm 2017, 2021*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối kiến thức** | **Năm 2017** | | **Năm 2021** | | |
| ***Số TC*** | ***Tỷ lệ*** | ***Số TC*** | ***Tỷ lệ*** | |
| Khối kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật | 25 TC | 17% | 44 TC | 29% | Khối kiến thức giáo dục đại cương |
| khối kiến thức cơ bản và kỹ thuật cơ sơ | 35 TC | 23% |
| Khối kiến thức cơ sở ngành | 40 TC | 27% | 51 TC | 34% | Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp |
| Khối kiến thức chuyên ngành | 32 TC | 21% | 43 TC | 29% |
| Khối kiến thức thực hành, thực tế và thực tập | 18TC | 12% | 12TC | 8% | Học phần thực hành, trải nghiệm |

CTDH được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Cụ thể là CTDH được thiết kế dựa trên các chủ đề, cấp độ 3 của chuẩn đầu ra, dựa trên bảng phân nhiệm mức độ giảng dạy (ITU) và bảng phân nhiệm trình độ năng lực (Ma trận ITU và TĐNL giữa học phần và chuẩn đầu ra) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/). Đối với từng học phần sau khi hoàn thành CTDH, HĐKH Khoa Xây dựng yêu cầu GV trong các bộ môn tổ chức rà soát CTDH học phần với chuẩn đầu ra cấp độ 4 phân nhiệm rõ Chuẩn đầu ra đến từng học phần. CTDH được cụ thể hóa trong chương trình dạy học học phần chi tiết với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần đều xác định danh mã CĐR thành một khối thống nhất từ Chuẩn đầu ra cấp chương trình đến điểm đạt được Chuẩn đầu ra cuối cùng là kiểm tra đánh giá theo Chuẩn đầu ra [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành Kỹ thuật xây dựng đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, và năng lực.

Trên cơ sở CTĐT được phê duyệt, CTDH của các học phần được thiết kế phù hợp với nội dung mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra CTDH với Chuẩn đầu ra học phần, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, góp phần đạt chuẩn đầu ra [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/). Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình. Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng theo hướng dạy học khám phá, hoạt động hóa người học, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm… Hoạt động kiểm tra, đánh giá quá trình dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể như chuyên cần, thái độ học tập, bài tập cá nhân, bài thu hoạch nhóm, bài kiểm tra định kì. Hoạt động kiểm tra đánh giá cuối kì có sự phối hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, bài kiểm tra, đồ án học tập…, đồng thời có sự hỗ trợ của các phần mềm dạy học và quản lý học tập. Ma trận đề thi được cài đặt phù hợp với thang năng lực của CĐR và bảng ma trận phân nhiệm CĐR [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/), [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/). Kiểm tra/đánh giá cũng đã cải tiến đáng kể qua việc thay đổi nhiều hình thức kiểm tra linh động (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, chấm đồ án/dự án…). Trước đây, điểm đánh giá học phần được chia thành (chuyên cần 10%, giữa kỳ 20%, hồ sơ học phần 20%, đánh giá cuối kỳ 50%) và ấn định việc đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm khách quan. Từ năm 2021, cải tiến điểm đánh giá học phần bao gồm 2 nhóm điểm (đánh giá quá trình 50% và đánh giá cuối kỳ 50%) trong đó điểm đánh giá giữa kỳ linh động hình thức đánh giá hơn có sự chủ động của giảng viên giảng dạy. Hình thức đánh giá bài giữa kỳ phong phú, gồm bài tập cá nhân, thảo luận, bài tập nhóm, bài kiểm tra viết trên lớp, bài tiểu luận. Bài thi kết thúc học phần nhằm mục đích đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức, những kỹ năng thu được của người học trong học phần đó, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của người học.

Các phương pháp giảng dạy được sử dụng để đạt được các CĐR của CTĐT được mô tả trong Bảng 3.1.2.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bảng 3.1.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Hoạt động giảng dạy và học tập | CĐR | | | | | | | | | | 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 3.1 | 3.2 | 4.1 | 4.2 | | Thuyết trình | √ | √ | √ |  |  |  |  |  |  | | Vấn đáp | √ | √ | √ |  |  |  |  |  |  | | Hướng dẫn | √ | √ | √ |  |  |  |  |  |  | | Tự học | √ | √ | √ | √ | √ |  |  | √ | √ | | Thảo luận | √ | √ | √ |  |  |  |  |  |  | | Thực hành |  | √ | √ |  | √ | √ | √ | √ | √ | | Hoạt động nhóm |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  |  | | Nghiên cứu tình huống |  | √ | √ |  | √ |  |  | √ | √ | | Học dựa trên đồ án |  | √ | √ | √ | √ | √ | √ | √ | √ | |

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, kinh tế, xã hội, toán, khoa học tự nhiên, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên đồ án. Những hoạt động này nằm nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thi công, đánh giá chất lượng, nghiên cứu giải pháp mới các dự án Xây dựng để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội

Hồ sơ giảng dạy của giảng viên đều thể hiện đầy đủ việc thực hiện các phương pháp giảng dạy phù hợp với đề cương chi tiết đã ban hành [[H3.03.01.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.08/). Nhà trường đã tiến hành triển khai thực hiện các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường nhằm mục đích đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận năng lực. Các đề tài này nhằm giúp hoàn thiện CTDH nói chung và CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng [[H3.03.01.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.09/). Từ kết cấu thống nhất đó có thể khẳng định việc đánh giá năng lực người học có sự phù hợp, logic theo chiều dọc của tiến trình đào tạo và tương ứng với nội dung cốt lõi của từng học phần.

CTDH được thường xuyên điều chỉnh phù hợp hơn thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (khảo sát ý kiến của sinh viên, nhà tuyển dụng…). Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập với khu vực và thế giới, Trường và Khoa đã gửi bảng khảo sát “Phiếu đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo” đến các doanh nghiệp, để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng [[H3.03.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.07/).

*Bảng 3.1.3. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **2019-2024** |
| 1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%). | 30/85  (35%) |
| 2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm ít hơn 3 tháng (%). | 55/85  (65%) |

Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành Kỹ thuật xây dựng, chủ yếu là có thể đào tạo bổ sung thời gian ngắn (dưới 3 tháng) để phù hợp với đặc trưng văn hóa và kỹ năng nghề của từng doanh nghiệp cụ thể.

*2. Điểm mạnh*

CTDH được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của ngành Kỹ thuật xây dựng có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực; đáp ứng được yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực và được điều chỉnh, cập nhật hàng năm.

*3. Điểm tồn tại*

Các CĐR còn nhiều dẫn tới thiết kế CTDH một số học phần phải đảm nhận nhiều CĐR, tạo áp lực lớn về thời gian đáp ứng yêu cầu các CĐR.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Rà soát, xây dựng chương trình theo tiếp cận CDIO, trong đó đặc biệt chú ý so sánh đối chiếu các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CĐR thông qua Ma trận trình độ năng lực và Ma trận mức độ giảng dạy (ITU) | Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thường xuyên cập nhật kịp thời, tiếp tục khảo sát và có những thay đổi CTDH phù hợp với chuẩn đầu ra đã công bố. | Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: :* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

*1. Mô tả hiện trạng*

Tất cả các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT. CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng phiên bản 2021 với khối lượng 150 tín chỉ, 44 học phần. Trường đã ban hành Thông báo Số 04/HD-ĐHV ngày 14 tháng 5 năm 2021, Hướng dẫn Số 18/HD-ĐHV ngày 06/12/2021, Kế hoạch Số 72/KH-ĐHV ngày 11/11/2020, trong đó quy định rõ các nguyên tắc thiết kế ma trận phân nhiệm CĐR cấp CTĐT cho các học phần. Trên cơ sở đó khoa đã tiến hành họp lấy ý kiến của GV về việc điều chỉnh CTĐT, giữa trên những ý kiến đóng góp của GV khoa tiến hành thiết kế khung CTDH, thiết kế CĐR của các học phần để đảm bảo sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng, làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học sau khi hoàn thành CTĐT đồng thời xây dựng ma trận kỹ năng của CTĐT. Mỗi học phần trong CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua các nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.08/). Các học phần được thiết kế dựa trên các CĐR thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ giảng dạy ITU). Các môn học được phân nhiệm vào các chủ đề của chuẩn đầu ra: *Kiến thức lập luận ngành* (Nhập môn ngành xây dựng, Tiếng anh, Giải tích,…); *Kĩ năng phẩm chất cá nhân* (Kỹ năng nhận dạng và xác định vấn đề kỹ thuật, Kỹ năng phân tích tổng hợp vấn đề, hiểu biết văn hóa làm việc của công ty, hiểu biết luật pháp…); *Kĩ năng làm việc nhóm* ( Kỹ năng thực hành chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng, Thực tập cuối khóa…); *Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình* (Kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, vận hành dự án,…). Mỗi học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, năng lực của người học sau khi hoàn thành chương trình [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/). Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm chuẩn đầu ra trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học/học phần. [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/) và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đặc biệt từ phía nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên) cho nội dung các học phần/môn học trong CTDH [[H3.03.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.07/). Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận môn học - chuẩn đầu ra và ma trận phân nhiễm [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

CTĐT năm 2021 thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra với 2 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp *(trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức thực tập và đồ án)* [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

*Ở khối kiến thức giáo dục đại cương*, để đạt được chuẩn đầu ra, chương trình được thiết kế bao gồm các học phần theo mođun:

*(1) chính trị, kinh tế, xã hội: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng CSVN, tư tưởng HCM.*

*(2) Toán, khoa học tự nhiên Đại số tuyến tính, giải tích, Xác suất - Thống kê, vật lý đại cương, Tin học nhóm ngành kỹ thuật, hóa học đại cương*

*(3) Tiếng anh Tiếng anh 1, tiếng anh 2*

Cung cấp cho người học những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước cũng như kiến thức, kĩ năng về ngoại ngữ, tin học. Sau khi hoàn thành khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

*Ở khối kiến thức chuyên ngành*, để đạt được chuẩn đầu ra, chương trình được thiết kế bao gồm các học phần theo mođun:

*(1) Cơ sở ngành gồm các học phần như: Hình họa – Vẽ kỹ thuật, Cơ học cơ sở, trắc địa, cơ kết cấu 1, cơ kết cấu 2, địa kỹ thuật công trình, vật liệu xây dựng, sức bền vật liệu 1, sức bền vật liệu 2...* Các học phần này cung cấp cho người học những kiến thức hình họa, vẽ kỹ thuật trong hoạt động triển khai các bản vẽ của công trình; Kiến thức về vật liệu, cơ học để mô hình hóa các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp cũng như các kiến thức trong công tác khảo sát công trình. Sau khi học các học phần này, người học có nền tảng kiến thức về xây dựng ở các lĩnh vực và có khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các công việc trên thực tiễn [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

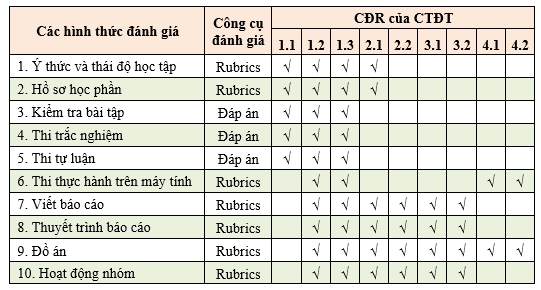
*(2) Chuyên ngành gồm các học phần như*: *Kiến trúc và đồ án, Nền móng công trình, Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu nhà bê tông cốt thép, Kỹ thuật thi công toàn khối, Kỹ thuật thi công lắp ghép, Kết cấu thép 1, Kết cấu nhà thép, Tổ chức thi công, Thí nghiệm công trình,...* Các học phần này cung cấp kiến thức về phương pháp, kĩ năng thực hiện các hoạt động thiết kế, thi công trong thực tiễn công trình.

*(3) Thực tập và đồ án tốt nghiệp* bao gồm các học phần: *Thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp*. Các học phần này tổ chức cho sinh viên có các hoạt động thực hành các hoạt động xây dựng tại các công trường thi công xây dựng, các văn phòng công ty, doanh nghiệp trên thực tiễn để sinh viên được học kỹ năng phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Đồng thời, thông qua việc thực tập, người học có cơ hội để thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát công trình [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

*Khối kiến thức giáo dục đại cương* có khối lượng 44 TC chiếm 29 %, *khối kiến thức cơ sở ngành* có 51 TC chiếm 34 %, như vậy khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành chiếm 63% làm tiền đề cho *khối kiến thức chuyên ngành* và *khối kiến thức thực tế, thực hành và thực tập*. Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kĩ năng như kĩ năng giao tiếp; kĩ năng làm việc nhóm; kĩ năng tư duy sáng tạo; kĩ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành Kỹ thuật xây dựng khi ra trường được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và chuẩn đầu ra của CTĐT [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Nhìn chung, CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt chuẩn đầu ra cũng tăng dần qua từng học kì. Các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT. [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/).

Trong CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng, tất cả các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. CĐR được phân nhiệm cho các học phần trực tiếp ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và đánh giá người học. Trong mỗi học phần, tương ứng với nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy, giảng viên lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, bài tập theo đồ án, thi trắc nghiệm, tự luận, v.v... nhằm giúp sinh viên đạt được CĐR.

*Bảng 3.2.1. Các hình thức đánh giá và công cụ đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT*



Để đánh giá người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần (*CĐR về kiến thức và lập luận ngành, CĐR về kĩ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp, CĐR về Kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp, CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý phù hợp với bối cảnh xã hội nghề nghiệp và tổ chức*), bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thực hành, bài tập, báo cáo thực địa, kiểm tra thường kì…) đáp ứng chuẩn đầu ra môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Nội dung kiểm tra đánh giá cũng được mã hóa chuẩn đầu ra tương ứng của môn học [[H3.03.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.01/). CTDH được thực hiện có khoa học, chương trình hợp lý theo tiến độ tuân thủ kế hoạch về thời gian, nhân lực phù hợp [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/). Phương pháp giảng dạy của giảng viên được Nhà trường lấy ý kiến khảo sát từ người học tiến hành định kỳ mỗi học kỳ vào thời điểm kết thúc học phần [[H3.03.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.02/).

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Nội dung các học phần trong CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng liên quan mật thiết với nội dung CĐR, thể hiện rõ trong phần kế hoạch giảng dạy của đề cương chi tiết các học phần [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Đề cương chi tiết các học phần đều dựa trên ma trận môn học - chuẩn đầu ra và phân nhiệm ma trận ITU trong CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng. Trong từng chương mục của đề cương môn học đều thể hiện rõ các chuẩn đầu ra. Định kỳ, căn cứ trên sự phản hồi của người học và các bên liên quan [[H3.03.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.07/) [[H3.03.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.02/), Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất [[H3.03.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.03/). Trường Đại học Vinh đã xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho ngành Kỹ thuật xây dựng, chuẩn đầu ra này được xây dựng dựa trên trên cơ sở khảo sát các bên liên quan và các CTĐT, đề cương chi tiết học phần của ngành Kỹ thuật xây dựng được công bố công khai trên trang web của trường để thuận lợi cho hoạt động khảo sát ý kiến của người học và các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên) bằng hình thức phiếu khảo sát trực tuyến [[H3.03.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.04/).

Như vậy, khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng được chuẩn đầu ra về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực hành, thực tế và thực tập.

*2. Điểm mạnh*

CTDH đã thể hiện rõ việc đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng dựa trên ma trận phân nhiệm đóng góp của mỗi CĐR học phần cho CĐR cấp CTĐT trong ma trận phân nhiệm CĐR cấp CTĐT cho CĐR các học phần.

*3. Điểm tồn tại*

Chưa xây dựng ma trận trọng số đóng góp của mỗi CĐR học phần cho CĐR cấp CTĐT . Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về trọng số đóng góp của mỗi CĐR học phần cho CĐR cấp CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên.

*4. Kế hoạch hành động:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Khoa Xây dựng tiếp tục có kế hoạch triển khai rà soát và thiết kế tỷ lệ hợp lý hơn giữa các học phần trên cơ sở ý kiến đóng góp của người học, giảng viên và các nhà tuyển dụng để đáp ứng kịp thời nhu cầu về nhân lực của xã hội cũng như đáp ứng CĐR của CTĐT | Khoa Xây dựng | 6/2023 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục duy trì rà soát CTĐT để điều chỉnh nội dung cho phù hợp chuẩn đầu ra. | Khoa Xây dựng | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

*1. Mô tả hiện trạng*

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Năm 2017, CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế theo tiếp cận CDIO có 46 học phần gồm 150 tín chỉ, chia làm 10 kỳ trung bình 15 tín chỉ/1 học kì; trong đó có 2 học phần tự chọn với 04 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 2,6%), 10 đầu môn. CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng năm 2021 có sự thay đổi nhất định sau quy trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung có 43 học phần gồm 150 tín chỉ, chia làm 9 kỳ, trung bình 16,6 tín chỉ/1 học kì [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/) [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/).

*Bảng 3.3.1: Bảng số liệu các nội dung trong CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng năm 2017, 2021*

| **Đối sánh** | **Năm 2017** | **Năm 2021** |
| --- | --- | --- |
| Số tín chỉ (TC) | 150 | 150 |
| Số học phần (HP) | 46 | 43 |
| Tín chỉ trung bình (TC) | 15 | 16,6 |
| Số học phần (HP)  /tín chỉ (TC) tự chọn | 2HP/4TC  (chiếm tỷ lệ 1,6%) | 6HP/15TC  (chiếm tỷ lệ 11,9%) |
| Số học phần (HP)  /tín chỉ (TC) dự án | Không có | 2 HP/8TC  (chiếm tỷ lệ 5,3%) |
| Số học phần (HP)  /tín chỉ (TC) đồ án | 5HP/14TC (chiếm tỷ lệ 9,3%) | 1HP/12TC  (chiếm tỷ lệ 8%) |

Đối với phiên bản CTĐT năm 2021*, Ở khối kiến thức giáo dục đại cương* cung cấp cho người học những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước cũng như kiến thức, kĩ năng về ngoại ngữ, tin học. Sau khi hoàn thành khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

*Ở khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*, để đạt được chuẩn đầu ra, chương trình được thiết kế bao gồm các học phần: *Cơ sở ngành (51TC) chiếm 34 %, c*ác học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về cơ kỹ thuật, địa kỹ thuật, vật liệu xây dựng, nền móng công trình và kỹ năng thực hiện các vấn đề thực tiễn. Sau khi học các học phần này, người học có nền tảng kiến thức về xây dựng ở các lĩnh vực và có khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các công việc trên thực tiễn [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Các học phần *Chuyên ngành (43 TC) chiếm 29%,* các học phần này cung cấp kiến thức về phương pháp, kĩ năng thực hiện các hoạt động tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công trong thực tiễn công trình. Học phần *Thực tập và đồ án tốt nghiệp (12 TC)* chiếm 08 %. Các học phần này tổ chức cho sinh viên có các hoạt động thực hành các hoạt động xây dựng tại các công trường thi công xây dựng, các văn phòng công ty, doanh nghiệp trên thực tiễn để sinh viên được học kỹ năng phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Đồng thời, thông qua việc thực tập, người học có cơ hội để thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát công trình [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

Nhìn chung, CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt chuẩn đầu ra cũng tăng dần qua từng học kì.

*Bảng 3.3.2: Các tỷ lệ các khối kiến thức, số học phần bắt buộc, học phần tự chọn trong CTDH năm 2017, 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối sánh** | **Năm 2017** | **Năm 2021** |
| Khối kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật | 08HP/25 TC (chiếm tỷ lệ 17%) | Giáo dục đại cương/44TC (chiếm tỷ lệ 29%)  (14 HP bắt buộc và 0 HP tự chọn) |
| Khối kiến thức cơ bản và kỹ thuật cơ sở | 9HP/35 TC (chiếm tỷ lệ 23%)  (1 HP tự chọn) |
| Khối kiến thức cơ sở ngành | 14HP/40 TC (chiếm tỷ lệ 30,2%) | Cơ sở ngành/51TC (chiếm tỷ lệ 34%)  (có 14 HP bắt buộc và 01 HP tự chọn) |
| Khối kiến thức chuyên ngành | 12HP/32 TC (chiếm tỷ lệ 22,6%) | Chuyên ngành/43TC (chiếm tỷ lệ 29%)  (10 HP bắt buộc, 4 HP tự chọn) |
| Khối kiến thức thực tập và đồ án | 02HP/14 TC (chiếm tỷ lệ 9,3%) | Học phần thực tập, đồ án/12TC (chiếm tỷ lệ 8%) |

Có thể thấy, CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thực tế, thực hành và thực tập theo tuần tự mạch kiến thức và tăng dần mức độ đạt được của chuẩn đầu ra tạo nên một khối thống nhất liền mạch.

Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lí (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kì thực hiện). Các học phần kiến thức giáo dục đại cương được dạy 2 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến chuyên sâu, phù hợp với sự tăng lên về nhận thức của người học. Nội dung kiến thức các học phần giáo dục đại cương được học trước, tiếp đó học phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành và kiến thức thực tập và đồ án được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến thực tiễn [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/) [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/). Việc bố trí hợp lý về các học phần điều kiện, tiên quyết và thời gian thực hiện giảng dạy được thể hiện rõ trong nội dung các học phần được quy định là học phần tiên quyết - điều kiện ràng buộc trước khi đăng ký các học phần (như học phần xây dựng đường và xây dựng cầu chỉ được đăng ký học khi SV đã hoàn thành học phần thiết kế đường và thiết kế cầu) [[H3.03.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.01/).

CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Tỉ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỉ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng các phiên bản đều học phần tự chọn giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu hơn [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/) [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/).

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2024, CTDH môn học ngành Kỹ thuật xây dựng năm 2017 được định kỳ rà soát, điều chỉnh cập nhật năm 2021. Năm 2021, CTDH của ngành Kỹ thuật xây dựng có sự thay đổi khá lớn, được ban hành theo quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, trong đó CTDH có sự thay đổi về sự phân bổ khối kiến thức và thay đổi số học phần tự chọn trong chương trình, bổ sung thêm các học phần dự án và học phần đồ án trong CTDH. Bên cạnh đó, Nhà trường có thực hiện các đề tài nghiên cứu để cập nhật các nhóm môn học trong CTDH hàng năm [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/). Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn [[H3.03.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.02/).

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng [[H3.03.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.02/). Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào chuẩn đầu ra của ngành. Để có được kết quả này, Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng luôn chú ý tới việc lấy ý kiến của người dạy, người học và nhà tuyển dụng về CTDH thông qua các hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Khoa và Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, các chuyên gia đến từ các cơ sở đào tạo và các Doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, và các kỹ sư lâu năm đến từ các Doanh nghiệp lớn về mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng. Phương pháp khảo sát gồm: Khảo sát trực tuyến thông qua website: <http://khaosat.vinhuni.edu.vn/khaosat/default.aspx> và Khảo sát trực tiếp thông qua Hội nghị tham vấn các bên liên quan: Nhà trường tổ chức Hội nghị tham vấn trực tiếp các bên liên quan, đồng thời các Khoa tổ chức Hội nghị tham vấn cấp khoa để khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng [[H3.03.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.07/).

*Bảng 3.3.3. Đối tượng khảo sát*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đối tượng khảo sát | | | | | | | | | | | | Tổng cộng | |
| Sinh viên | | Cựu sinh viên | | Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | | Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật | | Trưởng phòng/ban tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ | | Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất | |
| Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS |
| 20 | 87 | 20 | 25 | 20 | 25 | 20 | 44 | 20 | 26 | 20 | 28 | 120 | 235 |

*Bảng 3.3.4. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng khảo sát*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất | 28 | 11,91 |
| Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 26 | 11,06 |
| Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật | 44 | 18,72 |
| Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 25 | 10,63 |
| Cựu sinh viên | 25 | 10,63 |
| Sinh viên | 87 | 37,02 |
| Tổng | 235 | 100% |

*Bảng 3.3.5. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giới tính** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Nam | 224 | 4,68 |
| Nữ | 11 | 95,32 |
| Tổng | 235 | 100% |

Nội dung khảo sát: Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo; Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo; Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo; Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Sau đó tiến hành tổng kết phân tích kết quả khảo sát. Ngoài ra, Khoa Xây dựng đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa Xây dựng, hội đồng Nhà trường để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH [[H3.03.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.02/) [[H3.03.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.04/).

Trong các lần điều chỉnh, CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Các tổ chuyên môn đã đối sánh Chương trình trong nước và quốc tế từ trường *University of New Haven- England; University of Arkansas- USA, Connecticut State University- USA, trường Đại học Xây dựng Hà Nội, trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Bách khoa ĐHQG TP HCM,*để tham khảo về sự tương thích và không tương thích về chuẩn đầu ra và khối kiến thức trong chương trình. Ngoài ra, Khoa Xây dựng còn mời chuyên gia nhận xét chương trình của chuyên gia đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng hệ đại học [[H3.03.03.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.03/). CTDH có sự tham khảo mô hình CDIO và chương trình đào tạo của các trường có kinh nghiệm đào tạo CDIO trên thế giới [[H3.03.03.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.03/). Từ tham khảo chương trình các trường và áp dụng mô hình CDIO, CTDH từ năm 2021 đã có các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, và kiến thức chuyên ngành. Với thời gian đào tạo là 4,5 năm với 9 học kì, khối lượng kiến thức trên 150 tín chỉ, người học có thể học thêm ngành học thứ hai tại trường. Đồng thời, CTDH cũng thể hiện tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tạo điều kiện cho SV học cùng một lúc 2 chương trình, mỗi học kì SV có thể đăng ký hoặc từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình [[H2.02.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

*2. Điểm mạnh*

Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý theo phân kỳ, đảm bảo giảng dạy từ kiến thức cơ bản đến chuyên sâu, từ hình thành kỹ năng mềm cơ bản đến kỹ năng nghề nghiệp cụ thể. Đồng thời, CTDH được Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hai năm/lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế, đảm bảo sự tích hợp với các chuyên ngành khác trong trường.

*3. Điểm tồn tại*

Hiện nay, Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng đã được thực hiện đồng bộ trong toàn trường. Tuy nhiên kết quả có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Khoa tiếp tục có kế hoạch triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực, bám sát những ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu SV | Khoa Xây dựng | 1/2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần. | Khoa Xây dựng | 1/2025 |  |

*5. Tự đánh giá:*Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

## Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của ngành với sự khảo sát ý kiến từ các bên liên quan và có sự đối sánh với các CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng trong và ngoài nước. Khoa Xây dựng chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình nhằm đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho sinh viên trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao. Cấu trúc và nội dung CTDH được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế, bám sát CĐR. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

**Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học báo cáo đánh giá tiêu chuẩn**

### Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học dựa trên chuẩn đầu ra ở cấp độ chương trình đào tạo, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình. Có thể nói, phương pháp tiếp cận trong dạy và học mà một trong những nội dung trọng tâm của CTĐT.

### Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có tuyên bố rõ ràng, chính thức về triết lý, mục tiêu giáo dục.

Những sự điều chỉnh triết lý, mục tiêu giáo dục của Nhà trường phù hợp với từng giai đoạn. Năm 2013, Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 1828/QĐ-ĐHV Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh 2011-2020. Năm 2018, Trường rà soát, chỉnh sửa và tuyên bố trong Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2025 tầm nhìn 2030 và các Nghị quyết của Đảng ủy. Năm 2021, Các nội dung về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục được đăng công khai trên Website của Nhà trường và được văn bản hóa trong Nghị quyết của Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường (Quyết Nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường ngày 1/12/2021), sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục đặt ra rõ ràng, phù hợp với sự thay đổi của kinh tế-xã hội. Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 theo Nghị quyết của Hội đồng Trường số 18/NQ-HĐT ngày 26 tháng 12 năm 2022, với triết lý giáo dục được giữ nguyên [[H4.04.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.01/)]. Nội dung của Triết lý giáo dục là “***Hợp tác - sáng tạo***” được diễn dải cụ thể như sau:

“*Trường Đại học Vinh xác định* ***Hợp tác*** *(Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn.*

*Trường Đại học Vinh coi* ***Sáng tạo*** *(Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm*”.

Triết lý giáo dục của nhà trường được công bố rộng rãi trên Website Trường ([*https://www.vinhuni.edu.vn/truong-dai-hoc-vinh-gioi-thieu-c01l0v0p0a33.html*](https://www.vinhuni.edu.vn/truong-dai-hoc-vinh-gioi-thieu-c01l0v0p0a33.html)), trong các ấn phẩm giới thiệu về Trường (brochure) cho các bên liên quan biết góp ý xây dựng [[H4.04.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.02/)].

Triết lý giáo dục cũng được Nhà trường, Khoa gửi đến tất cả CB-GV, SV trong Trường và được phổ biến bằng nhiều hình thức như tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên [[H4.04.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.05/)]

Triết lý giáo dục “*Hợp tác - Sáng tạo*” được đăng tải trên website chính thống của Nhà trường tại địa chỉ vinhuni.edu.vn. Đồng thời, Triết lý giáo dục được phổ biến tại các sự kiện liên quan đến hoạt động đào tạo của Nhà trường và trong khuôn viên của Nhà trường [[H4.04.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.02/)].

Đối với CB-GV, Triết lý giáo dục của Nhà trường là “Hợp tác - Sáng tạo”, được chuyển tải vào chương trình dạy học, cụ thể:

*Bảng 4.1.1: Triết lý giáo dục được chuyển tải vào chương trình dạy học*

|  |  |
| --- | --- |
| **Triết lý giáo dục** | **Nội dung chuyển tải vào chương trình dạy học** |
| **Hợp tác** | Được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác, giao tiếp, trách nhiệm với bản thân và trách nhiệm với xã hội, từ đó triển khai vào hoạt động dạy học cho các học phần (đặc biệt là các học phần dạy học dự án - Project Based Learning) |
| **Sáng tạo** | Được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tri thức, thích ứng với sự thay đổi và hướng tới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, “Sáng tạo” còn yêu cầu một số CĐR cần hướng tới mức độ nhận thức cao nhất (mức 5 - sáng tạo) trong thang đo CĐR. Ưu tiên việc chuyển tải triết lý “Sáng tạo” vào các học phần dạy học dự án |

+ “*Hợp tác - Sáng tạo*” chuyển tải vào chu trình dạy học CDIO (Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành) về kiến tạo “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” của ngành đào tạo. Tất cả các CTĐT đều có PLO gắn với chu trình dạy học CDIO. Tùy thuộc vào đặc điểm ngành học và học phần, giảng viên lựa chọn “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” cụ thể để thiết kế hoạt động dạy học theo chu trình CDIO có thể được thiết kế theo chuỗi các học phần (đối với kiến tạo “sản phẩm” cấp CTĐT) hoặc chuỗi các hoạt động trong phạm vi một học phần (đối với kiến tạo “sản phẩm” cấp học phần).

Trên cơ sở Triết lý giáo dục của Nhà trường và Triết lý CDIO, giảng viên thiết  
 kế các CLO và thể hiện vào đề cương học phần. Triết lý giáo dục giúp Khoa Xây dựng thiết kế CTDH và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với CTDH để đạt CĐR, Triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của Khoa và được thể hiện trong CĐR chương trình đào tạo tiếp cận CDIO thể hiện rõ trong mục tiêu, CĐR và đề cương chi tiết học phần. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Xây dựng và triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Trong đó, CĐR của ngành Xây dựng đặt ra là người học cần đạt được các yêu cầu của CĐR CTĐT [[H4.04.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.03/).

*Đối với sinh viên*: Ngay từ khi sinh viên nhập học, Triết lý giáo dục được phổ biến tới sinh viên trong buổi lễ Khai giảng đón chào tân sinh viên, nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường. Ngoài ra, Khoa Xây dựng cũng tổ chức buổi gặp gỡ và giao lưu giữa tân sinh viên của Khoa cùng với BCN và các cán bộ giảng viên của Khoa nhằm cung cấp các thông tin về CTĐT, phương pháp học tập, các hình thức kiểm tra đánh giá, giới thiệu các Câu lạc bộ học thuật hiện có của Nhà trường, của Khoa các hoạt động hướng nghiệp,…giúp các sinh viên hiểu rõ hơn về Khoa, về ngành và tiềm năng ngành học mà mình đã chọn để gắn bó nghề nghiệp trong tương lai và về phương pháp học tập chủ động trong quá trình học tập tại Trường.

Thông qua các kỳ họp khai giảng, tổng kết, mục tiêu giáo dục cũng được công bố [[H4.04.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.03/). Năm 2017, Trong quá trình xây dựng, rà soát, mục tiêu giáo dục đổi mới chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, Khoa Xây dựng đã thành lập Ban xây dựng và phát triển chương trình đào tạo [[H4.04.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.04/), đã căn cứ vào mục tiêu của Trường để xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Từ tuyên bố mục tiêu của Trường đến chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng đã được cụ thể hóa trong từng bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần, phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV thông qua việc dạy và học [[H4.04.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.02/), [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/), [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/).

Đối với giảng viên, triết lý, mục tiêu giáo dục được quán triệt cho giảng viên trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Đối với SV, triết lý, mục tiêu giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu khóa dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng cho SV của Khoa [[H4.04.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.05/). Ngoài ra, hàng năm, công tác lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục công được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa, các nhà tuyển dụng; tất cả cán bộ và nhân viên của Trường được đánh giá từ mức hài lòng trở lên, đồng thời, kết quả khảo sát cũng xác định CĐR của ngành phù hợp với mục tiêu, triết lý giáo dục của nhà trường, [[H4.04.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.03/)

*2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phù hợp với thực tế xu hướng phát triển toàn cầu. Việc phù hợp nhằm giúp trường đào tạo phát triển bền vững trong môi trường giáo dục chịu nhiều ảnh hưởng của các vấn đề tự nhiên, xã hội.

*3. Điểm tồn tại*

Hình thức phổ biến triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục còn chưa đa dạng, gần như việc phổ biến chỉ mới thông qua website của nhà trường mà chưa thực hiện thông qua các kênh khác như: gửi văn bản trực tiếp đến các hiệp hội doanh nghiệp, các trường phổ thông...

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Gửi văn bản tuyên bố về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường đến các bên liên quan  - Đăng tải mục tiêu, triết lý giáo dục trên fanpage và các trang mạng xã hội khác | Trường ĐH Vinh,  Khoa Xây dựng | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Trường/Khoa tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương để truyền bá được mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của ngành. | Trường ĐH Vinh  Khoa Xây dựng | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

### Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

*1. Mô tả hiện trạng*

GV Khoa Xây dựng xây dựng hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Cùng với sự điều chỉnh CTĐT, Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định về CTĐT hướng dẫn thực hiện kèm theo [[H3.03.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/). Các CTDH và phương pháp giảng dạy đổi mới đều được thể hiện trong các đề cương chi tiết các học phần của các khóa K58 trở đi (đào tạo theo tiếp cận CDIO) và đề cương chi tiết, ấn phẩm nghiên cứu năm 2021. Hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/), [[H4.04.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.02/).

Từ năm 2017, CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng được xây dựng và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực nhằm tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành. Theo đó, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kĩ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn từ thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp [[H4.04.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.02/). Ma trận các học phần trong chương trình đào tạo được bố trí, sắp xếp khoa học, thể hiện sự tiếp nối, kế thừa, nâng cao các chuẩn đầu ra của CTĐT [[H4.04.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.01/). Trong đó giảng viên xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR của học phần và của CTĐT. Các hoạt động này được thể hiện tổng hợp trong bản mô tả CTĐT và thể hiện chi tiết trong các ĐCCT từng học phần [[H4.04.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.02/). Nhà trường đã ban hành Quy định về hình thức tổ chức dạy học ở trường Đại học Vinh (theo quyết định số 3091/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2023). Trong đó quy định rõ các hình thức tổ chức dạy và học [[H4.04.02.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.07/)

Thực hiện các Công văn hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực, GV các Bộ môn ngành Xây dựng đã xây dựng và triển khai các hình thức, phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp dạy học theo Dự án/ đồ án...; Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Bên cạnh đó, người học còn được gia tăng cơ hội học tập trải nghiệm chủ động và tích cực thông qua hệ thống bài giảng/ bài tập trên hệ thống học tập trực tuyến LMS. Trong tình hình dịch bệnh, dựa trên công văn, kế hoạch của nhà trường về việc tổ chức giảng dạy học tập trực tuyến trong thời gian dãn cách do Covid 19, các bộ môn và GV cũng đã điều chỉnh phương pháp dạy - học nhằm phù hợp với hoàn cảnh [[H4.04.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/).

Các tổ bộ môn thuộc Khoa Xây dựng đã hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức để đạt được chuẩn đầu ra. Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. [[H4.04.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.03/), [[H3.03.01.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.08/). SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia câu lạc bộ thực hành tin học chuyên ngành, CLB tiếng Anh, các hình thức thực tập, thực tế chuyên môn [[H4.04.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.04/). Khoa thành lập tổ cố vấn học tập kết hợp với giáo viên chủ nhiệm của từng lớp để giúp đỡ, tư vấn người học về lộ trình cũng như các hình thức đăng ký, cách thức quản lý thời gian nhằm đạt được hiệu quả cao nhất, trong quá trình người học được đào tạo chương trình đổi mới, tổ chức các Hội nghị học tốt đầu năm nhằm giúp sinh viên thích nghi với chương trình đào tạo mới [[H4.04.02.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.05/), [[H4.04.02.12]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.12/).

Các phương pháp giảng dạy được sử dụng để đạt được các CĐR của CTĐT được mô tả trong Bảng 4.2.1.

*Bảng 4.2.1. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động giảng dạy và học tập** | **CĐR** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Thuyết trình | X | X | X |  |  |  |  |  |  |
| Vấn đáp | X | X | X |  |  |  |  |  |  |
| Hướng dẫn | X | X | X |  |  |  |  |  |  |
| Tự học | X | X | X | X | X |  |  | X | X |
| Thảo luận | X | X | X |  |  |  |  |  |  |
| Thực hành |  | X | X |  | X | X | X | X | X |
| Hoạt động nhóm |  | X | X | X |  | X | X |  |  |
| Nghiên cứu tình huống |  | X | X |  | X |  |  | X | X |
| Học dựa trên đồ án |  | X | X | X | X | X | X | X | X |

*Sử dụng đa dạng phương pháp giảng dạy:* Các hoạt động dạy và học của ngành Kỹ thuật Xây dựng được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy học và công nghệ dạy học được sử dụng đa dạng như: thuyết giảng, làm việc nhóm, thuyết trình, dạy học dự án… GV bắt buộc phải đưa phương pháp giảng dạy cụ thể vào từng bài, từng buổi học trong kế hoạch lên lớp đầu mỗi học kỳ. Xu hướng giảm thuyết giảng, tăng tỷ lệ các phương pháp khác như làm việc nhóm, trình diễn, vấn đáp, tăng cường các phương pháp dạy học gián tiếp, dạy học trải nghiệm, dạy học tương tác và tự học của sinh viên nhằm phát huy tính chủ động học tập trong sinh viên. Từng GV luôn linh hoạt phối hợp các phương pháp khác nhau trong từng phần nội dung nhỏ của học phần, hướng đến giúp sinh viên đạt CĐR.Đối với các học phần kiến thức đại cương, các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các công trình cụ thể và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nằm nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá chất lượng, phân tích nghiên cứu giải quyết các bài toán thực tiễn trong chuyên ngành.

*Sử dụng đa dạng phương tiện dạy học:* GV sử dụng nhiều phương tiện dạy học đa dạng,kết hợp luân phiên các phương pháp hiện đại (giáo án điện tử), lời nói của GV, mô hình thí nghiệm, hình ảnh, âm thanh trong việc trình bày nội dung của bài giảng [[H4.04.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/) [H4.04.02.09]

Trong năm 2020 và 2021 (thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19), Nhà trường đã chỉ đạo việc dạy học chuyển sang hình thức trực tuyến, sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp với phương thức dạy học mới đòi hỏi sự chủ động của sinh viên cao hơn. Sinh viên được GV hướng dẫn cụ thể để truy cập vào hệ thống các phần mềm trực tuyến nhằm thực hiện việc học tập với GV đạt hiệu quả... [[H4.04.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/) [H4.04.02.09]

Nhà trường đang sử dụng hệ thống phần mềm học tập trực tuyến là các phần mềm: LMS, Zoom, Microsoft Team…. Trang học tập trực tuyến giúp tăng sự tương tác của GV và sinh viên ngoài lớp học truyền thống và còn cung cấp thêm thông tin cho sinh viên các hoạt động khác như tham gia diễn đàn, chat trực tuyến,… [[H4.04.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/) [H4.04.02.09]

Trong quá trình giảng dạy, ở buổi học đầu tiên của mỗi học phần, giảng viên Khoa Xây dựng đều dành thời gian để giới thiệu, định hướng các nội dung, tài liệu, phương pháp học tập và các quy định của từng học phần. Bên cạnh đó, ngay từ năm thứ nhất, ở học phần nhập môn ngành, sinh viên được tìm hiểu về đời sống sinh viên cũng như được truyền cảm hứng, động lực trong việc nghiên cứu học tập ngành Kỹ thuật xây dựng. Học phần nhập môn còn giới thiệu, hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ năng mềm cần thiết trong việc học như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, quản lý thời gian, kỹ năng viết… giúp sinh viên có khả năng thích nghi, hình thành kỹ năng cho việc học các học phần chuyên ngành. Khoa tổ chức ngày hội đồ án nhập môn ngày xây dựng, sinh viên thực hiện các sản phẩm, mô hình từ ý tưởng liên quan đến ngành nghề mình theo học, sau đó trình bày, thuyết trình sản phẩm của mình trên sân khấu. Ban giam khảo cuộc thi có thành phần đa dạng bao gồm đại diện các Doanh nghiệp có kí kết kết nối với khoa, giảng viên giảng dạy chuyên ngành, và đại diện phòng ban liên quan. [[H4.04.02.14].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.14/)

Khoa Xây dựng thành lập mạng lưới liên kết với các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn xây dựng… để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội được tiếp xúc và học hỏi từ thực tiễn ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường thông qua hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề, thực tập nghề, từ đó, SV có thể tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. [[H4.04.02.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.10/), [[H4.04.02.14]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.14/). Hằng năm, Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Xây dựng nói riêng tổ chức tháng “Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” nhằm rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho SV các ngành nói chung và ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai, góp phần điều chỉnh nội dung, chương trình và PPDH; bổ sung những kĩ năng nghiệp vụ cần trang bị cho SV; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho SV sau khi ra trường. Bản báo cáo kết quả của hội thi đánh giá được những mặt thành tựu và hạn chế trong ngành, từ đó đưa ra được những đề xuất để cải tiến cho giảng viên và SV [[H4.04.02.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.10/),[[H4.04.02.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.11/), [[H4.04.02.14]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.14/). Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng duy trì và đổi mới tổ chức các buổi nói chuyện, buổi hội thảo trực tuyến về các vấn đề về công nghệ thi công, xây dựng nhằm tăng cường kiến thức, kỹ năng cho sinh viên liên quan đến ngành nghề, đồng thời trao đổi kinh nghiệm thiết kế, thi công với các doanh nghiệp trên cả nước. [[H4.04.02.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.10/)

Giảng viên của ngành Kỹ thuật xây dựng tham gia chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp trường, cấp khoa nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV [[H4.04.02.15].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.15/)

Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng đã có những chỉ đạo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Năm 2017, GV của Khoa đã tham dự tập huấn về đổi mới giảng dạy tiếp cận CDIO. Năm 2018, 2019, Khoa Xây dựng đã tổ chức các seminar trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy tiếp cận CDIO, tổ chức các hoạt động thăm lớp dự giờ ở bộ môn Xây dựng, và tham gia Hội thi giảng viên giỏi cấp Trường năm 2024 để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy. [[H4.04.02.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.06/), [[H4.04.02.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.07/).

Người học hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT.PPDH, hình thức, tài liệu, tác phong… của giảng viên đều được SV đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ SV của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp hàng năm. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV sau khi SV thi học kỳ. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên đều đánh giá phương pháp giảng dạy GV từ mức 80/100 trở lên, không có đánh giá kém, trung bình. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng viên qua Email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường [[H4.04.02.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.11/). Nhìn chung, Qua khảo sát, giảng viên và người học hài lòng với PPDH được sử dụng trong CTĐT.

*2. Điểm mạnh*

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT chú trọng đến hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế chuyên môn. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

*3. Điểm tồn tại*

Hàng năm Khoa Xây dựng học đều tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học, tuy nhiên do đặc trưng của ngành nên các đề tài tham gia chưa đa dạng. Một bộ phận người học vẫn chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học và tự nghiên cứu.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Ứng dụng CNTT để tăng cường giám sát và thúc đẩy việc tự học và tự nghiên cứu của người học | Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập của SV cũng như việc thực tập tại các công ty, doanh nghiệp, công trường thi công, các phòng ban trực thuộc sở xây dựng, sở giao thông…, tiếp tục chú trọng các hình thức học tập đa dạng, hiện đại tăng cường các hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, đa dạng. | Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

### Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh đã triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp,... Trong CTĐT ngành Kỹ thuật Xây Dựng, 100% đề cương chi tiết các môn học mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong các đề cương môn học các phiên bản 2017 trở đi, hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, báo cáo thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá cho SV [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

Bên cạnh đó, để nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Trường đã ban hành Quyết định số 2381/QĐ-ĐHV, về việc Quy định chuẩn đầu ra kỹ năng mềm cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các kế hoạch, thông báo về tổ chức các lớp đào tạo kĩ năng mềm cho sinh viên [[H3.03.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.01/). Khoa Xây Dựng đã tổ chức các bài thực hành, các đợt thực tập rèn nghề, thực tế công trường để giúp sinh viên ngành Kỹ thuật Xây dựng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho bản thân [[H4.04.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.04/).

Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành Kỹ thuật xây dựng thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học, từ đó rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các hoạt động dạy và học đều hướng đến giúp SV hình thành các kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân như: Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp hỏi đáp trong các giờ học lý thuyết giúp SV hình thành khả năng lắng nghe, khả năng tranh biện, đối đáp. SV có khả năng *lập luận phân tích và giải quyết vấn đề* ; *Vận dụng* tư duy hệ thống; *Vận dụng* tư duy phản biện trong các giờ làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm, các giờ học thảo luận. Bên cạnh đó, thông qua các đồ án môn học, SV có khả năng *Thực hiện* nghiên cứu hồ sơ, xây dựng hình thành dự án, hình thành ý tưởng; và biết vận hành dự án; Đặc biệt, bằng phương pháp học thông qua dự án, đồ án mà SV có khả năng *Thành lập, tổ chức và triển khai* hoạt động nhóm; *Lãnh đạo và hợp tác* trong hoạt động nhóm; có khả năng lập kế hoạch, khả năng giải quyết vấn đề, khả năng hình thành ý tưởng và thiết kế, đánh giá ý tưởng. [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/).

100% đề cương chi tiết các môn học mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các đề cương học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo, nhấn mạnh đến hoạt động tự học của sinh viên. Trong đó, thời lượng tự học được quy định gấp 2 lần so với thời lượng lên lớp, nội dung tự học và tài liệu tham khảo được xác định rõ ràng; hoạt động thảo luận nhóm, báo cáo nhóm được tăng cường [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/). Ngay từ đầu năm học, sinh viên năm nhất đã được trang bị kiến thức và thực hành khả năng tự học thông qua đồ án Nhập môn ngành. Bằng phương pháp học qua đồ án, bên cạnh thời lượng lý thuyết theo quy định, SV phải thực hiện nhiệm vụ tự nghiên cứu để hoàn thành sản phẩm đồ án. Bằng phương pháp đảo ngược, Hầu hết các học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng đều quy định cụ thể thời gian tự học của SV bởi SV phải chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đọc tài liệu, nghiên cứu vấn đề trước các giờ thảo luận nhóm. Từ năm 2021, trên cơ sở chỉ đạo của Trường Đại học Vinh triển khai tổ chức dạy học online, do đó, thời lượng tự học của sinh viên được điều chỉnh tăng lên so với các thời gian trước. Nhà trường triển khai xây dựng bài giảng elearning để giúp sinh viên tự học, tự chuẩn bị bài trước khi lên lớp [[H3.03.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/), [[H4.04.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/)], [[H4.04.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.02/).

SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH,...Việc SV tham gia NCKH, seminar, sinh hoạt nhóm đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người học. Hoạt động NCKH cho SV được tổ chức hàng nằm là hoạt động tiêu biểu thúc đẩy khả năng tự nghiên cứu của SV. SV Khoa Xây dựng luôn được khuyến khích tham gia hoạt động NCKH, mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV. [[H4.04.02.15]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.15/). Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động do các đoàn thể trong Nhà trường tổ chức như: hoạt động đoàn hội, chương trình tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên, đào tạo kĩ năng mềm [[H4.04.02.14]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.14/)... Các hoạt động đó cũng góp phần định hướng mục tiêu học tập rõ ràng hơn cho sinh viên, giúp rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và đặc biệt là phát triển các kỹ năng mềm. Sinh viên còn có thể tham gia các câu lạc bộ để trau dồi kỹ năng tin học, ngoại ngữ do khoa và Trường tổ chức. Các câu lạc bộ tiếng Anh, tin học được tổ chức cố định trong tuần. Câu lạc bộ tin học do chi đoàn cán bộ Khoa Xây dựng phụ trách, tổ chức các buổi dạy vẽ cad, Bim, Sap, word, excel... do các giảng viên trẻ trong khoa hướng dẫn thực hành. Câu lạc bộ này đã góp phần giúp SV trau dồi các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học cơ bản, các phần mềm ứng dụng tin học trong xây dựng.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao khả năng tự học, Nhà trường đã đưa ra những giải pháp cụ thể: Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website trường, thư viện trường, Qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV, tạo thói quen, nhu cầu tự học. [[H4.04.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.01/). Cải tiến đối với cơ sở vật chất nhằm nâng cao các dịch vụ hỗ trợ tiện ích cho hoạt động dạy và học. Về công nghệ thông tin, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet được phủ sóng và sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Sinh viên sẽ được tự động thêm vào lớp học phần trực tuyến Elearning ngay sau khi đăng đí học phần. Các bài giảng được cập nhật kịp thời để sinh viên có thể tìm hiểu nội dung học trước khi lên lớp, [[H4.04.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/). Hệ thống tài liệu tại Thư viện đảm bảo phục vụ cho sinh viên sử dụng khi nghiên cứu. Trung tâm Thông tin - Thư viện đã thực hiện tham gia Liên hiệp thư viện, liên kết mua quyền truy cập sử dụng CSDL PROQUEST CENTRAL và liên kết khai thác CSDL điện tử với Trung tâm TTTV Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cán bộ, giáo viên, học viên cao học và HSSV Trường Đại học Vinh [[H4.04.03.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.01/)

Trường quy hoạch các khu vực tự học của sinh viên. Đồng thời, GV Khoa Xây dựng vừa thực hiện vai trò là người dạy đồng thời là cố vấn học tập giải đáp mọi thắc mắc của SV trong quá trình tự học [[H4.04.02.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.12/)]. Trong quá trình giảng dạy, Thông qua các vấn đề pháp lý trong thực tiễn, bằng phương pháp đóng vai, phương pháp đảo ngược, hình thức thảo luận nhóm, thuyết trình quan điểm, GV Khoa Xây dựng luôn gợi mở vấn đề, tạo SV niềm say mê trong quá trình giải quyết vấn đề. Đồng thời, thông qua học phần Nhập môn, GV hướng dẫn SV kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, từ đó xây dựng, lập mục tiêu, kế hoạch nghề nghiệp trong tương lại, xây dựng khả năng học tập, suốt đời cho SV. GV các học phần chú trọng hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu thay vì chỉ truyền tải nội dung kiến thức như trước. Mỗi năm Khoa Xây dựng đều có 1 đồ án cho sinh viên từ năm 1 đến năm cuối. Khoa phân công cử giáo viên hướng dẫn theo từng nhóm. Với sự tham gia của hầu hết tất cả các GV trong việc giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá các đồ án, sinh viên được tạo động lực, cũng như hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự giải quyết vấn đề một cách đúng đắn. Các đồ án môn học đều có đề cương thể hiện: Thông tin môn học, Mục tiêu môn học, Phương pháp học tập môn học, Nội dung đồ án, Tiến trình thực hiện đồ án, Đánh giá đồ án môn học, Hướng dẫn trình bày đồ án môn học. [[H4.04.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.02/).

*2. Điểm mạnh*

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực, thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kĩ năng, giúp họ có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình.

*3. Điểm tồn tại*

Vẫn còn một bộ phận SV chưa có thói quen hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp theo tiếp cận CDIO, nhất là khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập và nghiên cứu khoa học.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | -Tổ chức các seminar, các hoạt động ngoại khóa cho SV;  -GV cùng SV tham gia nghiên cứu để hướng dẫn, giám sát và thúc đẩy năng lực tự học của SV;  -Giám sát chặt chẽ hơn hoạt động tự học của SV. | Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp theo CDIO. | Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

## Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phù hợp với thực tế xu hướng phát triển toàn cầu. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT chú trọng đến hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế chuyên môn. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực, thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Tuy nhiên bên cạnh đó, cũng có thể thấy còn những vấn đề vướng mắc như: Hình thức phổ biến triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục còn chưa đa dạng;trong cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học số lượng sinh viên tham gia chưa nhiều, chất lượng các công trình chưa đạt được như kỳ vọng; kho học liệu chuyên sâu cho ngành Kỹ thuật xây dựng còn chưa phong phú, điều này làm hạn chế khả năng tự học của người học.

**Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

**Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với CĐR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Kỹ thuật xây dựng (KTXD) tại Khoa Xây dựng được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CĐR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH [[H5.05.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.01/)], Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy định đào tạo đại học chính quy các ngành, trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá cũng như quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả, như: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.02/)]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017) [[H5.05.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.03/)]; Quy định đào tạo trình độ đại học (số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.04/)]; Quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.05/)]; Bộ chuẩn Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [[H5.05.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.06/)]. Theo đó, Trung tâm ĐBCL là đơn vị quản lý nhập điểm và dữ liệu kết quả điểm của SV, học viên trên hệ thống phần mềm quản lý điểm, Phòng Đào tạo có trách nhiệm xử lý kết quả do trung tâm ĐBCL cung cấp, trong khi các khoa chủ quản chịu trách nhiệm lưu trữ và quản lý kết quả học tập của SV, học viên [[H5.05.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.07/)]. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi học phần và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm ĐBCL gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần bổ sung câu hỏi và rà soát ngân hàng đề thi cũ [[H5.05.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.08/)]. Trong thời gian quy định, các GV phụ trách học phần nộp lại bộ đề thi bổ sung, chỉnh sửa cho Trưởng Bộ môn, Trưởng Ngành. Khi đã có đủ số lượng câu hỏi thi trong ngân hàng đề thi, Trung tâm ĐBCL tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Theo quy định, GV phụ trách học phần phải hoàn thành điểm chuyên cần, giữa kỳ và chuyển cho bộ phận văn phòng vào điểm. Kết quả học tập của người học được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá SV.

Từ Khóa đào tạo thứ 58 (năm 2017), Trường Đại học Vinh bắt đầu triển khai chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Để thống nhất thực hiện, trường đã kịp thời ban hành quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Theo đó việc kiểm tra đánh giá của HP trong CTĐT được thực hiện liên tục trong suốt khóa học, đánh giá kết quả học tập của người học theo quy định tại:

CTĐT từ năm 2017 đến 2020 trở, áp dụng từ khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017) đến khóa tuyển sinh 61 (tuyển sinh năm 2020) (Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.02/)];

Đối với khóa tuyển sinh 62 (tuyển sinh năm 2021), đánh giá kết quả học tập của người học được bổ sung thêm theo quy định tại (Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.04/)].

Từ năm 2024, đánh giá và kết quả học tập trong đào tạo đình độ đại học hệ chính quy được thực hiện theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 [[H5.05.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.05/)]. Theo đó, kết quả học tập của người học được đo lường, đánh giá mức độ đạt được theo chuẩn đầu ra, ngoài điểm số còn có điểm năng lực; trong đó điểm năng lực của chuẩn đầu ra học phần, điểm năng lực của chuẩn đầu ra CTĐT được hướng dẫn cụ thể qua các công thức tính điểm.

Các quy định về đánh giá người học trong các học phần bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ (đánh giá kết thúc học phần). Trọng số điểm quá trình là 50%, điểm cuối kỳ là 50%. Những học phần có phương pháp đánh giá riêng phải được BGH phê duyệt. Đầu mỗi học kỳ, các thông tin về việc đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đều được GV thông báo trực tiếp và được Khoa, Trường công bố trên Website của Phòng Đào tạo, và được gửi trực tiếp đến từng sinh viên qua elearning của sinh viên. Đề cương môn học được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học [[H5.05.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.03/)]. Nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CĐR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm,...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc bài tập lớn [[H5.05.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.04/)]. Các GV phụ trách học phần có nhiệm vụ xây dựng bản đặc tả ma trận đề thi/ câu hỏi thi bám sát các mục tiêu học phần. Kiểm tra đánh giá giữa kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học ở mức độ nhận thức bậc thấp, đó là Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng (Theo Thang năng lực nhận thức của Bloom; đánh giá cuối kỳ tập trung đánh giá năng lực cảu người học trên cả 5 mức: Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo. Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát CĐR của học phần sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTDH, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [[H5.05.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.05/)].

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v..., tùy theo đặc thù từng học phần. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được cụ thể hóa trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng cũng đề ra quy trình đánh giá học phần dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có qui định về trọng số điểm [[H5.05.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.09/)]. Đối với hoạt động thực tập sư phạm và xét tốt nghiệp, Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng cũng có các văn bản hướng dẫn, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp minh bạch, rõ ràng [[H5.05.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.07/)].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

*3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra/thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV. | Khoa Xây dựng  Trung tâm ĐBCL | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Cập nhật, hoàn thiện các quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (theo CDIO), đa dang hóa các hình thức đánh giá quá trình; sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá, thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhập, phù hợp với CĐR của CTĐT. | Khoa Xây dựng | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành KTXD - Khoa Xây dựng được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học Bộ Giáo dục và Đào tạo [[H5.05.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.01/)] và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Trường Đại học Vinh trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

*Về thời gian:* Các hình thức kiểm tra đánh giá (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ).

*Về trọng số điểm:* Giai đoạn 2016-2017, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (20%) và thi cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường.

Từ năm học 2017-2018 (khóa 58), Nhà trường cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học tiếp cận CDIO nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học, theo đó đánh giá ý thức học tập (gồm học tập chuyên cần và học tập tích cực trên lớp và ở nhà, chiếm 10%), hồ sơ học tập (gồm viết báo cáo, thuyết trình, bài thu hoạch, bài tập theo dự án, v.v… tùy theo đặc thù từng học phần, chiếm 20%), kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 lần theo hình thức trắc nghiệm trên máy đối với học phần từ 3 tín chỉ trở xuống và kiểm tra 2 lần đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên, chiếm 20%) và thi kết thúc môn học (theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận, chiếm 50%) [[H5.05.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.02/)] [[H5.05.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.03/)] [[H5.05.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.04/)] [[H5.05.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.05/)].

Hiện nay, CTĐT năm 2023-2024 đánh giá người học theo Quyết định (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh [[H5.05.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.06/)]. Điểm cải tiến quan trọng nhất về đánh giá kết quả học tập của người học trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV so với các quy định trước đây là quy định đánh giá mức độ người học đạt được CĐR của học phần để từ đó tổng hợp mức độ người học đạt được CĐR cấp CTĐT dựa trên ma trận phân nhiệm trọng số của CĐR. Chi tiết về đo lường, đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học được quy định tại (Chương II của Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh. Điểm khác biệt của năm 2023 so với các năm trước là không có quy định về trọng số các bài đánh giá trong điểm quá trình mà tùy thuộc vào số tín chỉ và mức độ đóng góp các bài đánh giá. Giảng viên xác định trọng số đóng góp các bài đánh giá trong điểm quá trình và được quy định trong đề cương học phần. Hoạt động thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp được thiết kế thành học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp, có tối thiểu 8 tín chỉ và tối đa 12 tín chỉ, là một học phần bắt buộc đối với tất cả các CTĐT của Nhà trường. Điểm học phần thực tập nghiệp và đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình chung của phần thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp với trọng số tương ứng theo số tín chỉ của phần thực tập nghiệp và số tín chỉ của phần đồ án tốt nghiệp. Trong đó, điểm của phần thực tập tốt nghiệp và phần đồ án tốt nghiệp đều phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) [[H5.05.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.04/)]. Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ công thông tin điện tử của Trường, Khoa và cổng thông cá nhân SV [[H5.05.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.02/)]. Trung tâm đảm bảo chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

*Về nội dung:* Việc kiểm tra, đánh giá và thi cử phải đảm bảo đáp ứng CĐR, bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành KTXD đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học [[H5.05.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.03/)].

*Về hình thức:* Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu.

*Về tiêu chí đánh giá:* Việc kiểm tra đánh giá ý thức học tập, hồ sơ học tập, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ đều có tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng học phần [[H5.05.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.04/)]; đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của SV cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể; đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp được thông báo đến SV theo đúng tiến độ và quy trình. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hằng năm [[H5.05.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.05/)].

SV được cung cấp Cẩm nang SV từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra [[H5.05.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.06/)]. Nhà trường cũng tổ chức các chương trình gặp mặt, các lớp học chính trị đầu khoá cho tân SV để SV có cơ hội làm quen với môi trường mới [[H5.05.02.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.07/)]. Ngoài ra, SV ngành KTXD được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v… từ Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập của khoa [[H5.05.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.08/)]. Các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

*2. Điểm mạnh*

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành KTXD là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trên trang web của Nhà trường và của Khoa, tuy nhiên việc truy cập vào website của người học chưa được thường xuyên, liên tục.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Khoa Xây dựng tăng cường sử dụng website môn học và phần mềm quản lý người học (LMS) qua đó GV sẽ đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các bài tập hỗ trợ việc học tập để làm cơ sở kiểm tra đánh giá quá trình học tập, đồng thời giúp SV chủ động truy cập quy định và kế hoạch kiểm tra đánh giá. | Trung tâm CNTT  Trung tâm ĐBCL  Khoa Xây dựng | Thường xuyên |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá tích cực để SV phát huy năng lực; tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực (CDIO), thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá. | Khoa Xây dựng | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

*1. Mô tả hiện trạng*

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH Vinh. Theo đó các giảng viên đã sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.

Căn cứ trên các quy chế, quy định về thi, kiểm tra của Bộ GD&ĐT [[H5.05.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.01/)]. Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy trình/quy định rõ ràng và các hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của người học để đạt được CĐR như:

Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.02/)]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017) [[H5.05.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.03/)]; Quy định đào tạo trình độ đại học (số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.04/)]; Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.05/)]; Bộ chuẩn Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [[H5.05.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.06/)]. Các văn bản này được Nhà trường công bố công khai, rộng rãi trên website và các kênh truyền thông của Nhà trường. Việc đánh giá sinh viên được Nhà trường thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, đánh giá qua quá trình học tập các học phần (do GV chịu trách nhiệm) cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học (do Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm) và thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường xây dựng các kế hoạch về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên kèm các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng.

Khoa Xây dựng đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng GV trong các phiên họp Bộ môn. GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho SV trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, GV báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [[H5.05.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.06/)]. Khoa Xây dựng cũng yêu cầu đội ngũ GV, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HS-SV phải luôn bám sát quá trình học tập của SV. Đối với những SV thuộc diện cảnh báo thì các bên liên quan phải theo dõi và nhắc nhở, hỗ trợ tốt nhất cho SV trong quá trình học tập. Khi kết thúc học phần, nếu GV cấm thi trường hợp SV nào đều phải làm rõ việc đã nhắc nhở cảnh báo SV với Trưởng Bộ môn; nếu trong quá trình giảng dạy, GV không nhắc nhở cảnh báo SV, thì GV phải chịu trách nhiệm [[H5.05.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.06/)]. Các Bộ môn ngành KTXD luôn luôn chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [[H5.05.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.07/)].

*Độ giá trị:* Để đảm bảo độ giá trị, Trường có các quy định cụ thể về việc thiết kế các câu hỏi thi, đề thi [[H5.05.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.03/)] [[H5.05.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.10/)]. GV phải thiết kế đề thi nhằm đảm bảo đo đúng cái cần đo (các yếu tố/tiêu chí đánh giá tương thích với kiến thức/kỹ năng phản ánh trong CĐR tương ứng) và có trọng số cho từng loại bài kiểm tra, đáp ứng CĐR nào của học phần. Yêu cầu các đề thi đồng đều về độ khó, không trùng nhau và tương thích với thang điểm; các nhóm câu hỏi thi bao quát được các kiến thức trong HP, đo lường việc đạt được các CĐR của HP. Tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tính tương thích với số tín chỉ và thời gian thi kết thúc HP theo quy định. Yêu cầu, quy trình soạn thảo và ban hành đề thi cũng được quy định chặt chẽ, đảm bảo tính bảo mật, khách quan. Để đánh giá độ tin cậy của đề thi Khoa Xây dựngdựa vào các công cụ và cách thức sau: (i) Các văn bản của Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT; trình/quy định xây dựng đề thi; điều 9 trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [[H5.05.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.05/)]; (ii) Mục tiêu, CĐR HP; (iii) Đề cương chi tiết HP [[H5.05.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.08/)] [[H5.05.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.09/)], Trong đề cương chi tiết đã quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực [[H5.05.03.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.11/)]; (iv) Bản ma trận đề thi; (v) Ma trận câu hỏi thi; (vi) Kết quả thi của NH [[H5.05.03.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.12/)].Điều này giúp GV, Khoa Xây dựng lượng hóa được việc dạy học của GV và sinh viên trong CTĐT ngành KTXD có đạt được CĐR đã công bố hay không.

*Độ tin cậy*: Độ tin cậy được đảm bảo thông qua công tác Tổ chức thi: Cán bộ coi thi là GV của trường. Đối với hình thức thi vấn đáp, mỗi phòng thi vẫn phải có 02 GV cùng hỏi thi. Công tác chấm thi do Trung tâm ĐBCL tổ chức điều hành, giám sát toàn bộ quy trình chấm thi. Các Khoa/Viện chuyên ngành trực tiếp kiểm tra hoạt động thi và chấm thi học phần; giám sát và kiểm tra quá trình chấm thi, vào điểm. Giảng viên chấm thi theo thang điểm, đáp án, tiêu chí đánh giá đã được bộ môn thông qua. Nhà Trường cũng có quy định trong quản lý kết quả học tập tạo sự thống nhất tại các đơn vị liên quan, đảm bảo sự chính xác, công bằng, minh bạch, tự chịu trách nhiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [[H5.05.03.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.13/)].

*Công bằng*: Để đảm bảo tính công bằng, đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và được thể hiện trong đáp án/Rubric nhằm đảm bảo tính công bằng. Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về các kiến thức, kỹ năng cần có để đáp ứng các tiêu chí đánh giá trong các buổi ôn tập sau mỗi Chương/Bài hay buổi học cuối trước khi kết thúc học phần. Bài kiểm tra của sinh viên được chấm chi tiết theo đáp án dưới quy trình chấm được chuẩn hóa để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với sinh viên. Mỗi học kỳ, Nhà trường đều lập bộ phận thanh tra công tác coi thi, chấm thi để đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng [[H5.05.03.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.14/)]. Phòng Thanh tra - Pháp chế kết hợp TT Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra việc cho điểm vào điểm của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức tổng kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo [[H5.05.03.15](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.15/)]. Các kết quả sai lệch điểm thi và các khiếu nại của sinh viên (nếu có) đều được điều chỉnh kịp thời trong phần mềm trước khi công bố lên Website và trên elerning sinh viên [[H5.05.03.16](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.16/)] [[H5.05.03.17](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.17/)] [[H5.05.03.18](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.18/)]. Các quy định, quy chế của Trường về đánh giá sinh viên được Khoa phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và sinh viên. Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, GV) về các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá. Tất cả các bên liên quan đều hài lòng về tiêu chí này [[H5.05.03.19](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.19/)].

*2. Điểm mạnh*

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

*3. Điểm tồn tại*

Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Khoa Xây dựng tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá toàn bộ học phần. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa Xây dựng | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá tích cực để SV phát huy năng lực, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành KTXD | Khoa Xây dựng | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

*1. Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo Quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT [[H5.05.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.01/)], Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan đến các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH như: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.02/)]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017) [[H5.05.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.03/)]; Quy định đào tạo trình độ đại học (số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.04/)]; Quy trình phúc khảo điểm đánh giá cuối kỳ (Số 1336/QĐ-ĐHV ngày 315/2023) [[H5.05.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.05/)]; Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (điều 29, 30 chương V số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.06/)], trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quá đánh giá của NH.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của Nhà trường và Khoa được công bố công khai, kịp thời đến GV và sinh viên. Cụ thể, đối với GV: Đầu mỗi năm học, mỗi học kỳ. Nhà trường, Khoa Xây dựngcung cấp các quy định về việc thi, kiểm tra, đánh giá và công bố kết quả đến GV kịp thời. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt chuyên môn đầu mỗi học kỳ, Khoa Xây dựng đều có phổ biến cho toàn thể GV về các nội dung này. Đối với sinh viên: Ngoài các phương tiện truyền thông như Website của Phòng Đào tạo, Khoa Xây dựng, cũng như của Trường ĐH Vinh, Fanpage, Sổ tay sinh viên, …. Trong các buổi sinh hoạt sinh viên đầu khóa do Phòng Đào tạo tổ chức, vào buổi học đầu tiên của học phần, GV công bố công khai các yêu cầu và hình thức đánh giá học phần cho sinh viên, tất cả sinh viên đều nắm rõ quy định về các nội dung này [[H5.05.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.07/)]. Ngoài ra, Trên hệ thống cổng thông tin của Phòng Đào tạo, sinh viên sau khi nhập học có thể truy cập vào hệ thống dữ liệu để nắm bắt các thông tin đầy đủ thông qua các văn bản được đưa lên trên hệ thống như: quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và thực hiện đồ án tốt nghiệp… giúp người học nắm bắt được các quy trình nội dung nhằm kịp thời cải thiện được việc học tập của cá nhân [[H5.05.04.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.08/)].

Trong giai đoạn đánh giá, SV ngành KTXD được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Hiện nay, việc phản hồi kết quả đánh giá học tập của người học được thực hiện tại Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.06/)]. Theo đó, GV phải công bố công khai trước lớp điểm đánh giá quá trình (điểm bài tập lớn, điểm chuyên cần và điểm thảo luận) trước khi kết thúc học phần để SV có phản hồi kịp thời trước khi kết thúc học phần. Việc thông báo điểm cho SV được thông qua hệ thống phần mềm quản lí (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi (thông báo, bảng điểm, tài khoản) [[H5.05.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.09/)]. SV được đề nghị kiểm tra lại điểm thi và đơn đề nghị phúc khảo điểm muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi. Trung tâm ĐBCL trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm. Kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần chuyển về khoa để công bố cho sinh viên muộn nhất là 14 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị [[H5.05.04.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.10/)].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sinh viên sử dụng để cải thiện việc học tập. Trong quá trình đào tạo, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của SV kịp thời có giá trị rất quan trọng trong việc cải thiện việc học tập, sắp xếp việc học tập, tốt nghiệp của họ. Đối với kết quả thi - kiểm tra quá trình, khi nhận được các phản hồi, các nhận xét của GV về bài làm kịp thời, đúng hạn thì SV sẽ có đủ thời gian khắc phục, điều chỉnh việc học của mình để có thể vừa bổ sung, nâng cao kiến thức vừa cải thiện kết quả thi cuối kỳ tốt hơn, giúp SV định hướng học tập, nắm được điểm mạnh và yếu của bản thân, cũng như có các kế hoạch cải thiện học tập ngay trong chính học phần đó. Ngoài ra, Nhà trường có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với các SV theo từng học kỳ, nhằm thông tin cho SV có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho SV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất [[H5.05.04.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.11/)].

Nhà trường, Khoa Xây dựng tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Khảo sát được tiến hành dưới dạng bảng hỏi qua Cổng thông tin trực tuyến của SV, mỗi năm học tiến hành 2 lần vào thời điểm trước khi SV đăng ký học cho học kỳ mới; kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn [[H5.05.04.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.12/)].

*2. Điểm mạnh*

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng SV và GV, đặc biệt là đội ngũ Trưởng bộ môn, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo và GV chủ nhiệm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra và phản hồi kịp thời đến người học.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù kết quả học tập của SV được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải thiện kết quả học tập, song theo kết quả khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, vẫn còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm GMC hoặc LMS để SV tự đối chiếu với bài thi qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa Xây dựng | Năm 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện việc công tác quản lý, lưu trữ kết quả học tập của người học, đảm bảo tính hệ thống, chính xác, minh bạch | Khoa Xây dựng | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

*1. Mô tả hiện trạng*

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kì học/học phần. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐH Vinh hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [[H5.05.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.01/)]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như *Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa*, *Gặp mặt SV Khoa Xây dựng*, *Cẩm nang SV* và trang thông tin điện tử của Trường [[H5.05.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.02/)], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép, theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Bộ phận Một cửa của Phòng Hành chính tổng hợp trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Bộ phận Một cửa sẽ chuyển đơn của SV đến Trung tâm ĐBCL xử lý. Sau khi nhận được đơn, cán bộ chuyên trách của Trung tâm ĐBCL cùng Trợ lý đào tạo của Khoa Xây dựng và Tổ trưởng tổ chấm hoặc cán bộ chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV.

Quy trình phúc khảo điểm thi (số 1336/QĐ-ĐHV ngày 315/2023) [[H5.05.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.01/)] được tiến hành theo các bước sau:

1. Tiếp nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm

+ Sinh viên làm đơn đề nghị phúc khảo điểm và nộp lệ phí tại bộ phận một cửa, đơn đề nghị phúc khảo điểm phải nộp chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm cuối học kỳ (nếu phúc khảo điểm có thay đổi kết quả do Nhà trường thì hoàn trả kinh phí cho người học). Bộ phận một cửa tiếp nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm chuyển đơn đề nghị của sinh viên cho Trung tâm ĐBCL chuyển lệ phí cho phòng KHTC chậm nhất 3 ngày kể từ ngày nhận đơn.

2. Thực hiện phúc khảo điểm (tối đa 14 ngày làm việc tính từ ngày sinh viên nộp đơn)

+Trung tâm ĐBCL phối hợp với đơn vị đào tạo và Phòng TTr-PC phúc khảo điểm cho sinh viên.

\*Đối với hình thức đồ án, TNKQ trên máy tính thực hành,Nhà trường chỉ kiểm tra qua quá trình cập nhật điểm vào hệ thống phần mềm.

\*Đối với hình thức tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm trên giấy;

- Trung tâm ĐBCL kiểm tra qua thông tin về bài thi trên hệ thống phần mềm và trên thực tế

- Đơn vị đào tạo tiến hành rút bài thi, xếp các bài thi cùng một học phần vào túi riêng, cử cán bộ chấm phúc khảo bài thi cho sinh viên.

- Trung tâm ĐBCL phối hợp với các đơn vị đào tạo, Phòng TTr-PC, cán bộ chấm phúc khảo thực hiện chấm lại bài thi cho sinh viên.

+ Hoàn thành các hồ sơ phúc khảo điểm.

3. Trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm (tối đa 14 ngày làm việc tính từ ngày sinh viên nộp đơn)

-Trung tâm ĐBCL lập bảng tổng hợp kết quả chấm phúc khảo, gửi kết quả cho bộ phận một cửa.

- Bộ phận một cửa thông báo kết quả điểm cho sinh viên.

- Đơn vị đào tạo cập nhật kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống.

- Sinh viên kiểm tra kết quả phúc khảo trên hệ thống và nhận lại kinh phí (nếu sự thay đổi do nguyên nhân từ Nhà trường).

4. Lưu hồ sơ và báo cáo

- Bộ phận một cửa lưu đơn, sổ theo dõi phúc khảo điểm của sinh viên.

- Trung tâm ĐBCL lưu hồ sơ, minh chứng và xác nhận kết quả của việc phúc khảo điểm, hồ sơ xử lý kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống phần mềm.

- Đơn vị đào tạo lưu hồ sơ xử lý kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống phần mềm.

- Phòng TTr-PC giám sát quá trình cập nhật vào hệ thống.

-Trung tâm ĐBCL thống kê danh sách cán bộ có sai sót trong khâu chấm thi, nhập điểm gửi Hội đồng thi đua, khen thưởng xử lý theo quy định.

- Phòng TTr-PC tổng hợp danh sách báo cáo Hiệu trưởng nếu phát hiện tiêu cực [[H5.05.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.01/)] .

Ngoài ra, bên cạnh Quy trình phúc khảo của Trường, Khoa Xây dựng, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL còn có kênh giải đáp các thắc mắc khiếu nại của sinh viên trực tiếp qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp bộ phận hỗ trợ học vụ [[H5.05.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.03/)].

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được Khoa Xây dựng, Trung tâm ĐBCL, GV xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. Trong chu kỳ đánh giá từ 2019 - 2024, Khoa Xây dựngkhông có bất kỳ sinh viên KTXD gửi Đơn xin chấm phúc khảo bài thi của bất kỳ học phần nào.

Ngoài ra, đối với việc đánh giá đồ án tốt nghiệp, căn cứ vào Quy trình tổ chức cho NH làm đồ án tốt nghiệp. Nếu có thắc mắc, NH sẽ được các thành viên hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp giải đáp ngay tại buổi bảo vệ. Điều này cho thấy việc thực hiện chấm điểm, đánh giá đảm bảo tính công bằng; đồng thời quy trình xem lại đã được phổ biến rộng rãi, dễ tiếp cận để NH có thể kịp thời xem lại và được giải quyết thỏa đáng. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng Nhà trường quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng đồ án.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, NH cũng như kết quả của báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Nhà trường cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện và 100% NH đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo và đội ngũ cán bộ Phòng Đào tạo; TLĐT; CVHT vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho người học.

*2. Điểm mạnh*

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

*3. Điểm tồn tại*

Người học có khiếu nại mới chỉ được cập nhật lại kết quả điểm số trên hệ thống quản lý điểm sau kiểm tra chứ chưa được làm việc trực tiếp hoặc nhận văn bản trao đổi, giải thích nguyên nhân dẫn đến sai sót.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Nhà trường sẽ có kế hoạch chỉ đạo rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học, đồng thời Ban chủ nhiệm Khoa Xây dựngsẽ chỉ đạo Cố vấn học tập hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả. | Trung tâm ĐBCL; Khoa Xây dựng | 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác kiểm tra đánh giá | Khoa Xây dựng | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường ban hành bằng hệ thống các văn bản rõ ràng, quy trình áp dụng chặt chẽ, đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế đào tạo và được thông báo công khai tới tất cả sinh viên với nhiều hình thức đa dạng.

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo ngành KTXD; Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên phân định rõ mức độ đạt, mức độ không đạt đảm bảo độ tin cậy. Các công việc được quy trình hóa theo ISO để đảm bảo tính thống nhất từ khâu ra đề thi (chất lượng đề thi, làm đề thi) đến tổ chức thi, chấm thi, công tác bảo mật và công bố kết quả; Trong chu kỳ KĐCL, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của sinh viên về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản, quy định của Trường ban hành; Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo và GV đã giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập kịp thời và thỏa đáng trong suốt quá trình sinh viên tham gia học tập tại Trường dưới mọi hình thức.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn*

Khoa Xây dựng chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần để có hướng điều chỉnh thích hợp. Một số ít GV chưa thực hiện đúng yêu cầu về thời gian chấm thi các học phần có điểm quá trính theo đúng qui trình đã ban hành.

.

**Tiêu chuẩn 6 Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

**Mở đầu**

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng CTĐT của Trường Đại học Vinh nói chung và của Khoa Xây dựng nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Khoa Xây dựng luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV của Khoa Xây dựng và Kỹ thuật xây dựng (KTXD) được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện qua tỷ lệ GV/Người học đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm phục vụ yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có kế hoạch hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (có đề cập đến việc thu hút, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý). Nhà trường cũng đặt ra giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học [[H6.06.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.01/)]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động...Trong Đề án vị trí việc làm có quy định rõ giảng viên có thể làm việc tại các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa hoặc làm việc theo vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp với các tiêu chuẩn cụ thể, [[H6.06.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.02/)]. Trên cơ sở chiến lược và các quy định đã được ban hành. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ đại học Trường Đại học Vinh cho từng giai đoạn [[H6.06.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.03/)] [[H6.06.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.04/)]. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được Khoa Xây dựng chú trọng, được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [[H6.06.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.05/)].

Để triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ đại học ngành KTXD, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ. Đầu mỗi năm học, Khoa Xây dựng đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến nay (tháng 10/2024), Tổng số CB, GV của Khoa Xây dựng, gồm có 45 GV cơ hữu và 02 chuyên viên, trong đó có 01 PGS (chiếm 2%), 15 TS. (chiếm 33%), 30 ThS. (chiếm 67%), Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần ngành KTXD là 16 người, trong đó có 01 PGS (chiếm 6.25 %), 05 TS. (chiếm 31.25%), 10 ThS. (chiếm 62.5%). Tất cả các GV ngành KTXD đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [H6.06.01.06]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV tham gia đào tạo ngành KTXD được thể hiện ở Bảng 6.1.1.

*Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu đào tạo trình độ đại học* *ngành KTXD theo trình độ, giới tính và độ tuổi (tính đến tháng 10/2024):*

| **TT** | **Trình độ / học vị** | **Số lượng,**  **người** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **Phân loại theo giới tính (ng)** | | **Phân loại theo tuổi (người)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nam** | **Nữ** | **< 30** | **30-40** | **41-50** | **51-60** | **> 60** |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 1 | 6,7 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 5 | 33,3 | 4 | 1 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 10 | 60 | 6 | 4 | 0 | 10 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **16** | **100** | **11** | **5** | **0** | **10** | **6** | **0** | **0** |

Hằng năm, công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng giảng viên đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Về tuyển dụng, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, giảng viên của các ngành, Khoa tổng hợp số lượng cần bổ sung đưa vào kế hoạch năm học để Nhà trường xem xét [[H6.06.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.05/)], Trên cơ sở đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng cán bộ, giảng viên cho các đơn vị đào tạo, trong đó có ngành KTXD [[H6.06.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.07/)] [[H6.06.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.08/)].

Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, Khoa Xây dựng và Trường không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo [[H6.06.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.09/)]. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ GV được tuyển dụng mới của ngành KTXD đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Hằng năm Khoa Xây dựng cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ GV [[H6.06.01.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.10/)]. Từ đó Khoa đã xây dựng trong kế hoạch năm học mới của đơn vị. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại ngành KTXD được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa [[H6.06.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.04/)].

Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, Nhà trường đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [[H6.06.01.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.11/). Trong chu kỳ đánh giá, có nhiều lượt GV ngành KTXD được tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [[H6.06.01.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.12/)].

Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ [[H6.06.01.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.13/)].

Công tác thuyên chuyển đội ngũ GV, quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV ngành KTXD cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng theo Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [[H6.06.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.02/)] [[H6.06.01.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.14/)].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Xây dựng đều tiến hành thống kê, đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV [[H6.06.01.15](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.15/)]. Kết quả cho thấy đội ngũ GV, NCV của Khoa Xây dựng cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của Khoa được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa Xây dựng theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

- Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành KTXD đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Xây dựng, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Xây dựng chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Khoa Xây dựng trong đó có ngành Kỹ thuật xây dựng cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Xây dựng, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Xây dựng chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới cần đầy đủ các nội dung cốt lõi. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS Khoa Xây dựng, học NCS cho các giảng viên, nghiên cứu viên.  - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên; | Nhà trường  Khoa  Phòng TCCB | Hằng năm |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.  - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của Khoa Xây dựng, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.  - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. | Khoa | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Công tác quy hoạch (*tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng,…*) đội ngũ GV của Khoa Xây dựng được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường [[H6.06.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.01/)] [[H6.06.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.02/); Kế hoạch phát triển của Khoa Xây dựng qua các giai đoạn khác nhau [[H6.06.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.03/)].

Để đảm bảo tỷ lệ GV/NH và giám sát khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT trình độ đại học ngành KTXD. Hàng năm, Khoa Xây dựng đã triển khai thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Khoa. Tính đến nay (tháng 10/2024), Tổng số CB, GV của Khoa Xây dựng, gồm có 45 GV cơ hữu và 02 chuyên viên, trong đó có 03 PGS (chiếm 2%), 18 TS. (chiếm 43%), 30 ThS. (chiếm 67%), Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần ngành KTXD là 16 người, trong đó có 01 PGS (chiếm 6.25 %), 05 TS. (chiếm 31.25%), 10 ThS. (chiếm 62.5%) [H6.06.02.04]. Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng được yêu cầu quy định về đào tạo trình độ đại học (*TT09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04/4/2017*) [[H6.06.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.05/)]. Định kỳ hàng năm Khoa Xây dựng thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ GV/NH đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH tham gia đào tạo trình độ đại học của ngành KTXD là 1/3,5 đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện thành theo (*Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022*) của Bộ GD&ĐT quy định [[H6.06.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.06/)]. Có được kết quả này là nhờ Khoa đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV.

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành KTXD được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/NH bảng 6.2.2 như sau:

*Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi của giai đoạn 2019 – 2024*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Hệ số quy đổi** | **Số lượng GV** | **GV cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng** | **GV quốc tế** | **GV quy đổi** |
| **GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy** | **GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy** | **GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
|  | Hệ số quy đổi |  |  | 1,0 | 1,0 | 0,3 | 0,2 | 0,2 |  |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 5,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 3,0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0,9 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 3,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 2 | 5 | 3 | 0 | 2 | 0 | 0 | 7,2 |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 9 | 8 | 0 | 1 | 0 | 0 | 8,3 |
| 6 | Đại học | 0,5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng |  | **15** | **11** | **0** | **4** | **0** | **0** | **16,4** |

*Bảng 6.2.2. Tỷ lệ HV/GV của ngành KTXD**giai đoạn 2019 – 2023*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượng  GV quy đổi** | **Số lượng SV**  **Ngành Kỹ thuật xây dựng** | **Tỷ lệ GV/SV** |
| 2019-2020 | 16,4 | 24 | 1/1,5 |
| 2020-2021 | 16,4 | 27 | 1/1,6 |
| 2021-2022 | 16,4 | 43 | 1/2,6 |
| 2022-2023 | 16,4 | 58 | 1/3,5 |
| 2023-2024 | 16,4 | 58 | 1/3,5 |

Tỷ lệ GV/NH theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Việc quy đổi về khối lượng công việc đối với GV theo giờ chuẩn được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do BGD&ĐT ban hành (*Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008; Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014; Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022*) [[H6.06.02.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.07/)].

Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường quy định tại: Phụ lục 8 quy chế chi tiêu nội bộ (*Số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016*) và Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên (*Số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021*) kể từ năm 2021 [[H6.06.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.08/)]. Trong đó, mức giờ chuẩn tối thiểu theo hệ số lương và nhóm nhiệm vụ đăng ký, gồm giờ giảng chuẩn (*tối thiểu 200, tối đa 350 giờ chuẩn*); giờ NCKH (*tối thiểu 125, tối đa 350 giờ chuẩn*); giờ hoạt động chuyên môn (*tối thiểu 100, tối đa 225 giờ chuẩn*) trong một năm học [[H6.06.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.08/)]. Quy định này cũng quy định cụ thể về quy đổi giờ hành chính, giờ giảng lý thuyết, hướng dẫn thực tập, khóa luận, đồ án tốt nghiệp và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ giảng chuẩn; quy định cụ thể số giờ NCKH được công nhận đối với từng sản phẩm khoa học như: bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước, sách và giáo trình học tập được nhà xuất bản phát hành, biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập, hướng dẫn HV làm NCKH,…các đề tài NCKH được quy đổi thành giờ chuẩn NCKH. Giờ NCKH được tính dựa theo chế độ NCKH và số điểm NCKH sẽ được tính theo đặc thù của từng loại tạp chí/hội thảo. Số điểm NCKH này được quy đổi theo hướng dẫn quy đổi giờ thực tế đối với nhiệm vụ NCKH theo Quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Vinh [[H6.06.02.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.09/)].

Dựa trên văn bản quy định về chế độ làm việc của GV, NCV, tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV của Chương trình được đo lường và xác định hợp lý. Hơn nữa, để nâng cao hiệu quả công việc đối với đội ngũ GV, NCV làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Khoa và Bộ môn tiến hành hướng dẫn GV đăng ký gói định mức công việc đầu năm về giờ giảng, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn phù hợp nhất vào đầu mỗi năm học trên cổng thông tin cán bộ [[H6.06.02.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.10/)].

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học của GV, Hàng kỳ, Khoa Xây dựng thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV [[H6.06.02.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.11/)]. Cuối mỗi năm học, GV có trách nhiệm kê khai khối lượng giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của mình trên cổng thông tin cán bộ, các đơn vị chức năng liên quan (P*hòng thanh tra-pháp chế, Phòng ĐT, Phòng NCKH&HTQT và Khoa*) cùng tham gia vào việc giám sát khối lượng công việc của các CB-GV-NV, kiểm tra và xác nhận số liệu thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi, đánh giá việc thực hiện công việc của GV, bình xét danh hiệu thi đua và thanh toán thừa giờ, từ đó làm căn cứ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Từ năm 2019 đến năm 2024, theo số liệu thống kê của Nhà trường số giờ giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV ngành KTXD đều vượt so với định mức theo quy định hằng năm [[H6.06.02.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.12/)].

*Bảng 6.2.3. Bảng thống kê khối lượng các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ hàng năm của giảng viên Khoa Xây dựng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Giờ giảng dạy** | **Giờ NCKH** | **Giờ PVCĐ** |
|  | Hồ Viết Chương | 305,75 | 235 | 226,5 |
|  | Võ Trọng Cường | 393,55 | 225 | 272 |
|  | Nguyễn Duy Duẩn | 387,13 | 200 | 236,5 |
|  | Đinh Văn Dũng | 156 | 52 | 0 |
|  | Nguyễn Trọng Hà | 560,79 | 100 | 161,5 |
|  | Lê Thanh Hải | 294 | 189 | 202 |
|  | Nguyễn Thị Thu Hằng | 232,9 | 159 | 226,5 |
|  | Cao Thị Hảo | 147,5 | 134 | 163,5 |
|  | Nguyễn Thị Thu Hiền | 230,9 | 191 | 401 |
|  | Nguyễn Xuân Hiệu | 418,5 | 203 | 257 |
|  | Nguyễn Văn Hóa | 165,25 | 184 | 186,5 |
|  | Nguyễn Tiến Hồng | 302,25 | 235 | 216,5 |
|  | Vũ Xuân Hùng | 345,75 | 235 | 243 |
|  | Doãn Thị Thùy Hương | 277,5 | 203 | 227,5 |
|  | Nguyễn Duy Khánh | 473,5 | 191 | 239,5 |
|  | Nguyễn Trọng Kiên | 367,25 | 235 | 238 |
|  | Phan Văn Long | 394,4 | 235 | 236 |
|  | Trần Ngọc Long | 677,44 | 177 | 144,5 |
|  | Phan Văn Phúc | 351 | 225 | 234,5 |
|  | Nguyễn Thị Quỳnh | 374,75 | 150 | 244,5 |
|  | Phạm Hồng Sơn | 250,13 | 236 | 158 |
|  | Phan Huy Thiện | 255,5 | 235 | 241,5 |
|  | Nguyễn Minh Thư | 197,1 | 216 | 223 |
|  | Phan Xuân Thục | 334,75 | 191 | 206,5 |
|  | Nguyễn Thị Diệu Thuỳ | 286,55 | 235 | 239,5 |
|  | Phan Văn Tiến | 145,91 | 118 | 131,5 |
|  | Nguyễn Thị Thanh Tùng | 358,75 | 203 | 254 |
|  | Trần Xuân Vinh | 150,25 | 194 | 94 |
|  | Nguyễn Thị Kiều Vinh | 263 | 270 | 246,5 |
|  | Nguyễn Đức Xuân | 264,25 | 235 | 221,5 |
|  | **Tổng cộng** | **9362,3** | **5891** | **6373** |

*2. Điểm mạnh*

- Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành KTXD, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa Xây dựng và Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc. | Nhà trường,  Khoa Xây dựng;  Phòng TCCB | 4/2025 |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa Xây dựng có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.  - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV. | Khoa Xây dựng | 4/2025 |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn đã tuyên bố. Nhà trường đã xây dựng, ban hành và thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh qua từng giai đoạn khác nhau, trong đó có (*chiến lược phát triển của đội ngũ*). Chiến lược sẽ giúp Nhà trường phát huy nội lực, tận dụng tối đa mọi nguồn lực, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để trở thành một Đại học thông minh, ĐMST, đáp ứng nhu cầu học tập, NCKH, CGCN và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. [[H6.06.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.01/)]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản qui định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể và được xác định [[H6.06.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/)]; Ban hành các kế hoạch tuyển dụng [[H6.06.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.03/)]; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV [[H6.06.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.04/)]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm:

*1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;*

*2) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ;*

*3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;*

*4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng*.

Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [[H6.06.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/)].

Nguyên tắc, quy trình, căn cứ và điều kiện tuyển dụng giảng viên được quy định rõ trong Mục 1, Chương 2 của Quy chế về công tác cán bộ [[H6.06.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/)]. Hằng năm, Khoa Xây dựng xây dựng kế hoạch tuyển dụng trong kế hoạch năm học, trình đề xuất tuyển dụng cho Phòng TCCB và Hiệu trưởng [[H6.06.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.05/)]. Hiệu trưởng họp Ban giám hiệu để thống nhất chỉ tiêu. Tiếp theo, Phòng TCCB thông báo chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng lên website của Trường [[H6.06.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.06/)]. Trong chu kỳ đánh giá, ngành KTXD đáp ứng đầy đủ giảng viên.

Hằng năm, Nhà Trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [[H6.06.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.07/)]. Tiêu chuẩn lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp như GS, PGS, GVCC và GVC được quy định rõ trong quyết định Số 1237/QĐ-ĐHV ngày 17/10/2016 và được cập nhật theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2018 [[H6.06.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/)]. Để nâng cao chất lượng cán bộ, các tiêu chuẩn bổ nhiệm GS, PGS, GVCC và GVC của Trường có yêu cầu cao hơn so với mức quy định của Bộ GD&ĐT và của Hội đồng CDGS Nhà nước [[H6.06.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/)]. Hằng năm, Trường thông báo nhu cầu bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tới các Khoa/Viện trong Trường [[H6.06.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.08/)]. Những giảng viên đủ tiêu chuẩn nộp hồ sơ lên phòng TCCB và Phòng TCCB lập danh sách và trình Hội đồng đào tạo Trường bỏ phiếu bổ nhiệm. Từ năm 2019 đến nay, ngành KTXD đã được bổ nhiệm 03 PGS [[H6.06.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.09/)].

Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lí cụ thể như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [[H6.06.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/)].

Tất cả các văn bản quy định tiêu chí lựa chọn giảng viên để phát triển và thăng tiến trong các chức vụ quản lý và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được công bố công khai trên hệ thống quản lý văn bản của Trường [[H6.06.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.10/)]. Khi thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ quản lý và chức danh nghề nghiệp, các tiêu chuẩn bổ nhiệm được thông báo công khai trong các cuộc họp Khoa để đội ngũ cán bộ Khoa bỏ phiếu tín nhiệm.

*2. Điểm mạnh*

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của Khoa Xây dựng được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa Xây dựng đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

*3. Điểm tồn tại*

- Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên I-Office khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên webite, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form.  - Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm.  - Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên. | Nhà trường  Khoa Xây dựng;  Phòng TCCB | 5/2025 |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có | Khoa Xây dựng | 4/2025 |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức đạt 5/7)*

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

*1. Mô tả hiện trạng*

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành KTXD nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đầu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy [[H6.06.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.01/)], bao gồm tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. theo đó, năng lực của của giảng viên được xác định rõ ràng, bao gồm: *năng lực NCKH*; *năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH*; n*ăng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy*, *kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR*; *năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học*; *năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH*; *năng lực ngoại ngữ*.

Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [[H6.06.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.02/)]. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được yêu cầu ở Đề án vị trí việc làm, mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc của giảng viên [[H6.06.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.03/)].

Hiện nay, tất cả các GV của ngành KTXD đều có đủ yêu cầu về bằng cấp chuyên môn và có khả năng tự thiết kế, thực hiện CTDH và được thể hiện qua hồ sơ năng lực giảng viên [[H6.06.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.04/)].

Nhà trường và Khoa Xây dựng đã xác định năng lực của mỗi GV ngoài sự thể hiện thông qua hệ thống văn bằng, chứng chỉ như trình độ chuyên môn (TS, ThS, ...), chức danh (GS, PGS), trình độ ngoại ngữ (văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ), trình độ tin học (văn bằng chứng chỉ theo quy định), năng lực sư phạm (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) còn thể hiện trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khác. Năng lực đào tạo của GV được thể hiện ở hoạt động giảng dạy trên lớp (ý kiến đánh giá nhận xét của NH và đồng nghiệp), hướng dẫn luận văn ThS và luận án TS; năng lực của GV về NCKH được xác định từ kết quả NCKH như số lượng đề tài, dự án các cấp chủ trì hoặc tham gia thực hiện, số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố, các sản phẩm khoa học được ứng dụng trong thực tiễn, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo... Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV [[H6.06.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.05/)].

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa Xây dựng đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ* [[H6.06.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.06/)]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua của năm học [[H6.06.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.07/)]. Kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV của Khoa Xây dựng trong 5 năm liên tiếp từ năm 2019 đến năm 2024 cho thấy, tất cả các giảng viên của Khoa Xây dựng đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [[H6.06.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.09/)].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định, chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương [[H6.06.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.09/)].

Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát HV, SV về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học, đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [[H6.06.04.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.10/)], để từ đó có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

Đội ngũ GV của Khoa Xây dựng đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

*3. Điểm tồn tại*

- Còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế…

- Các thông tin về định mức của giảng viên cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Khoa Xây dựng chưa đồng đều.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...  - Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học.  - Khoa Xây dựng cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH | Nhà trường;  Khoa Xây dựng  TCCB | 4/2025 |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra | Khoa Xây dựng | 6/2025 |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 6/7)*

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

*1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn (*trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt*) [[H6.06.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.01/); Các Quy định/quy chế về công tác cán bộ [[H6.06.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.02/)]. Đồng thời, Nhà trường cũng ban hành kế hoạch phát triển đổi ngũ GV, NCV hàng năm, bao gồm: Kế hoạch tuyển dụng [[H6.06.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.03/)]; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [[H6.06.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.04/)].

Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [[H6.06.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.05/)], [[H6.06.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.06/)].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo, Khoa Xây dựng đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Từ đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2019 - 2024; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của Khoa Xây dựng được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tế. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, Khoa Xây dựng rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt [[H6.06.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.04/)].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ sinh viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia [[H6.06.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.07/)] [[H6.06.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.08/)].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [[H6.06.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.07/)] [[H6.06.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.08/)].

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lí hành chính, lí luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [[H6.06.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.08/)]. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2019 đến nay Khoa Xây dựng đã đã đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho tất cả các giảng viên đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [[H6.06.05.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.09/)].

*Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2019-2024*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số lượng**  **đi học Thạc sĩ** | **Số lượng**  **đi học Tiến sĩ** | **Nơi học tập** | **Nguồn kinh phí** |
| 2018-2019 | - | 01 | Hàn quốc | Giáo sư |
| 2019-2020 | - | 02 | Nga, Hàn Quốc | Nhà nước, Giáo sư |
| 2020-2021 | - | - | - | - |
| 2021-2022 | - | - | - | - |
| 2022-2023 | - | - | - | - |
| 2023-2024 | - | - | - | - |

Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [[H6.06.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.10/)].

*Bảng 6.5.2. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khoản mục chi | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Tổng 5 năm |
| I | Chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ | 2.142,68 | 1.370,86 | 1.337,37 | 1.742,20 | 1.702,13 | 8.295,24 |
| 1 | Chi cho đào tạo dài hạn | 2.039,38 | 1.304,36 | 1.042,12 | 731,28 | 1.461,73 | 6.578,87 |
| 2 | Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn | 103,30 | 66,50 | 295,25 | 1.010,92 | 240,40 | 1.716,37 |

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của GV. Thông qua hoạt động báo cáo, đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tình hình, kết quả cũng như tiến độ học tập cho Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [[H6.06.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.10/)].

*2. Điểm mạnh*

- Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

*3. Điểm tồn tại*

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến ĐBCL toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên  - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên. | Nhà trường | 6/2025 |  |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.  - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ  - Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập |  | 6/2025 |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức đạt 5/7)*

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện tốt việc quản trị theo kết quả công việc, đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên*: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác* [[H6.06.06.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.01/)] [[H6.06.06.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.02/)].

Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về việc đánh giá, xếp loại các bộ công chức [[H6.06.06.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.03/)]; Quy chế về việc thi đua, khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [[H6.06.06.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.04/)]. Hằng năm, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, công chức viên chức, người lao động và các văn bản về thi đua, khen thưởng để các đơn vị trong toàn trường thực hiện [[H6.06.06.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.05/)] [[H6.06.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.06/)]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thường được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [[H6.06.06.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.07/)].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Khoa Xây dựng có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với GV đại học như hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học [[H6.06.06.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.08/)]. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN.

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học,…[[H6.06.06.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.09/)]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; *Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Khoa Xây dựng xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa Xây dựng còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [[H6.06.06.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.10/)]. Hội đồng thi đua Khoa Xây dựng sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Viện, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa Xây dựng, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng* [[H6.06.06.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.11/)]. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [[H6.06.06.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.12/)].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Khoa Xây dựng nói chung, ngành KTXD nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2019-2023, GV của ngành KTXD luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành KTXD hoàn thành hoặc vượt mức thực hiên giờ chuẩn, NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2019-2024 gần 100% GV ngành KTXD được xếp loại lao động tiên tiến trở lên [[H6.06.06.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.11/)]. Khi có kết quả đánh giá, xếp loại. Nhà trường đã đưa kết quả lên hệ thống Ioffice để lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, viên chức toàn trường [[H6.06.06.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.12/)]. Kết quả cho thấy, tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường.

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV trong Khoa.

*3. Điểm tồn tại*

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Nhà trường và Khoa Xây dựng cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm.  - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.  - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá. | Nhà trường  Khoa Xây dựng  Nhà trường | 6/2025-12/2025 |  |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.  - Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.  - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. |  | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [[H6.06.07.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.01/)].

Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa/Viện ngày càng được tăng cao và hiệu quả [[H6.06.07.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.02/)] [[H6.06.07.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.03/)]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: *hệ số lương > 6,2: 350 giờ; >5,76: 325 giờ; >4,40: 295 giờ; >4,32: 270 giờ; >3,33:235 giờ; >2,34: 225 giờ* (trích từ quy định chế độ làm việc đối với giảng viên số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [[H6.06.07.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.04/)].

*Bảng 6.7.1.Bảng thống kê khối lượng các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ hàng năm của giảng viên Khoa Xây dựng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Giờ giảng dạy** | **Giờ NCKH** | **Giờ PVCĐ** |
|  | Hồ Viết Chương | 305,75 | 235 | 226,5 |
|  | Võ Trọng Cường | 393,55 | 225 | 272 |
|  | Nguyễn Duy Duẩn | 387,13 | 200 | 236,5 |
|  | Đinh Văn Dũng | 156 | 52 | 0 |
|  | Nguyễn Trọng Hà | 560,79 | 100 | 161,5 |
|  | Lê Thanh Hải | 294 | 189 | 202 |
|  | Nguyễn Thị Thu Hằng | 232,9 | 159 | 226,5 |
|  | Cao Thị Hảo | 147,5 | 134 | 163,5 |
|  | Nguyễn Thị Thu Hiền | 230,9 | 191 | 401 |
|  | Nguyễn Xuân Hiệu | 418,5 | 203 | 257 |
|  | Nguyễn Văn Hóa | 165,25 | 184 | 186,5 |
|  | Nguyễn Tiến Hồng | 302,25 | 235 | 216,5 |
|  | Vũ Xuân Hùng | 345,75 | 235 | 243 |
|  | Doãn Thị Thùy Hương | 277,5 | 203 | 227,5 |
|  | Nguyễn Duy Khánh | 473,5 | 191 | 239,5 |
|  | Nguyễn Trọng Kiên | 367,25 | 235 | 238 |
|  | Phan Văn Long | 394,4 | 235 | 236 |
|  | Trần Ngọc Long | 677,44 | 177 | 144,5 |
|  | Phan Văn Phúc | 351 | 225 | 234,5 |
|  | Nguyễn Thị Quỳnh | 374,75 | 150 | 244,5 |
|  | Phạm Hồng Sơn | 250,13 | 236 | 158 |
|  | Phan Huy Thiện | 255,5 | 235 | 241,5 |
|  | Nguyễn Minh Thư | 197,1 | 216 | 223 |
|  | Phan Xuân Thục | 334,75 | 191 | 206,5 |
|  | Nguyễn Thị Diệu Thuỳ | 286,55 | 235 | 239,5 |
|  | Phan Văn Tiến | 145,91 | 118 | 131,5 |
|  | Nguyễn Thị Thanh Tùng | 358,75 | 203 | 254 |
|  | Trần Xuân Vinh | 150,25 | 194 | 94 |
|  | Nguyễn Thị Kiều Vinh | 263 | 270 | 246,5 |
|  | Nguyễn Đức Xuân | 264,25 | 235 | 221,5 |
|  | **Tổng cộng** | **9362,3** | **5891** | **6373** |

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn người học NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa Xây dựng và Bộ môn căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [[H6.06.07.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.05/)].

*Bảng 6.7.2. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu Khoa Xây dựng*

*từ 2019-2024*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Đề tài các cấp** | | **Bài báo** | | **Sách** | |
| **Cấp trường** | **Cấp bộ/tỉnh** | **Trong nước** | **Nước ngoài** | **Giáo trình** | **Tham khảo** |
| 2019-2020 | 05 | 01 | 20 | 35 | 01 | - |
| 2020-2021 | 03 | 01 | 35 | 40 | 01 | 01 |
| 2021-2022 | 02 | - | 25 | 35 |  |  |
| 2022-2023 | - | 01 | 19 | 42 | 01 | 01 |
| 2023-2024 | 05 | 02 | 10 | 25 | 01 | - |

Kết quả hoạt động NCKH, kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV theo từng năm được xác lập, thống kê, so sánh, để đánh giá và cải tiến chất lượng NCKH của Bộ môn và Khoa Xây dựng. Kết thúc năm học, Bộ môn, Khoa, Trường tổ chức đánh giá hoạt động NCKH của GV, NCV, quy đổi thành giờ thực tế, so sánh với định mức làm cơ sở để đánh giá, có đối sánh với năm trước đó đề ra các nhiệm vụ cải tiến trong những năm tiếp theo. Tất cả GV trong Khoa Xây dựng đều hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ, một số kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong thực tiễn: đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành KTXD [[H6.06.07.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.06/)]. Trong giai đoạn đánh giá, ngành KTXD công bố nhiều bài đăng tạp chí khoa học quốc tế, trên tạp chí uy tín trong nước; bài báo hội thảo quốc tế có chỉ số Scopus; bài báo hội thảo quốc tế khác; báo cáo tại kỷ yếu hội thảo trong nước; xuất bản nhiều sách/giáo trình tham khảo, và thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp Trường, cấp Bộ [[H6.06.07.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.07/)] [[H6.06.07.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.08/)]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [[H6.06.07.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.09/)].

*Bảng 6.7.3. Bảng tổng hợp chi cho NCKH của Giảng viên trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| I | Chi cho NCKH | 18.203,00 | 13.906,47 | 15.633,00 | 17.001,35 | 18.591,25 | 83.335,08 |
| 1 | Chi cho NCKH của Giảng viên | 17.987,00 | 13.708,47 | 15.268,00 | 16.451,35 | 18.012,25 | 81.427,07 |
| 2 | Chi cho NCKH của người học | 216,00 | 198,00 | 365,00 | 550,00 | 579,00 | 1.908,00 |

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Khoa Xây dựng và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện [[H6.06.07.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.10/)][[H6.06.07.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.11/)].

Nhà trường cũng có hình thức khen đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [[H6.06.07.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.12/)] [[H6.06.07.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.13/)]. Với các thành tích về NCKH, hàng năm Khoa Xây dựng đã có nhiều GV được Hội đồng thi đua cấp Trường xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [[H6.06.07.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.14/)].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, Bộ môn, Khoa Xây dựng và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa Xây dựng [[H6.06.07.15](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.15/)].

*2. Điểm mạnh*

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Khoa, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

*3. Điểm tồn tại*

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Tăng cường đấu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.  -Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế. | Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa Xây dựng | 06/2025 |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH.  - Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH  - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa. | Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa Xây dựng | 06/2025 |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

**Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

1. ***Điểm mạnh Tiêu chuẩn 6:***

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ của ngành KTXD được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên ngành KTXD đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa Xây dựng và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Khoa Xây dựng đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên.Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên ngành KTXD.

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên ngành KTXD phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành KTXD hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành KTXD được cải thiện theo từng năm.

***2. Những tồn tại Tiêu chuẩn 6:***

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành KTXD đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế. Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và ngành KTXD tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều. Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

## Tiêu chuẩn 7 Đội ngũ nhân viên

**Mở đầu**

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và Khoa Xây dựng nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác,…) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lí.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Việc quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên của Trường luôn bám sát Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, đề ra chiến lược phát triển đội ngũ thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của trường trong giai đoạn này, trong đó có giải pháp tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp điều kiện thực tế. Cụ thể, Trường có kế hoạch dài hạn đến năm 2045 có 1500 viên chức và người lao động trong đó số lượng cán bộ hỗ trợ từ 25-30% [[H7.07.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.01/)].

Để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, Nhà trường có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong tương lai. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được các yêu cầu, Trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của nhân viên [[H7.07.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.02/)].

Mặt khác, Trường cũng xây dựng Quy định tuyển dụng với tiêu chí tuyển dụng, quy trình tuyển dụng chặt chẽ, công khai minh bạch để tuyển dụng được cán bộ, nhân viên có chất lượng cho bộ máy nhân sự của trường. Những cá nhân thi tuyển vào vị trí viên chức của Trường, sau khi trúng tuyển đều phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự viên chức được làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng, người hướng dẫn và các đơn vị thuộc Trường có liên quan đến công tác tập sự của viên chức. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, Trường quan tâm cử viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp trước khi bổ nhiệm. Vì vậy, các cán bộ, viên chức, người lao động sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận hầu hết đã thể hiện được năng lực, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc [[H7.07.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.03/)].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường ưu tiên cho những người có bằng cấp cao, phù hợp với công việc; ưu tiên ứng viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường Đại học; ưu tiên người có nhiều kinh nghiệm… Ngoài ra những SV tốt nghiệp tại trường có kĩ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lí học vụ, hành chính [[H7.07.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.04/)]. Về thu nhập hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác. Bên cạnh đó, cũng như tất cả các viên chức khác, các nhân viên hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [[H7.07.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.05/)].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ của mình, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [[H7.07.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.06/)]. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [[H7.07.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.07/)].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác đào tạo Khoa Xây dựng được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm của Nhà trường. Trường Đại học Vinh hiện có gần 500 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Công nghệ thông tin…. Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như phòng Đào tạo, phòng công tác chính trị HSSV, phòng TCCB, phòng Quản trị - Đầu tư, phòng KH&HTQT, phòng KH-TC… đa số có trình độ thạc sĩ trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [[H7.07.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.08/)]. Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng cũng được hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ các chuyên viên chuyên quản, các chuyên viên chuyên quản có nhiệm vụ là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin do các đơn vị đào tạo phản ánh thuộc lĩnh vực công tác, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [[H7.07.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.09/)]. Phòng Đào tạo hỗ trợ các công tác đào tạo, hành chính,… đây cũng là nơi liên lạc hành chính cho sinh viên của Trường. Phối hợp với Viện, Khoa hướng dẫn sinh viên quy trình thủ tục giao đề tài, phản biện và bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường; Tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị xử lý các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến đào tạo đại học; Đề xuất tổ chức và quản lý các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn cho các đối tượng đã tốt nghiệp đại học và Sau ĐH. Ngoài ra, Khoa Xây dựng còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT gồm: 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng, 01 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HSSV, 01 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, 02 trợ lí đào tạo (1 người phụ trách hệ chính quy và 1 người phụ trách hệ vừa học vừa làm) và 01 trợ lý Đảm bảo chất lượng [[H7.07.01.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.10/)].

*Bảng 7.1.1: Trình độ, kinh nghiệm chuyên môn của các cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT (tính đến tháng 10/2024)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ** | **Thâm niên công tác** | **Đơn vị công tác** |
| 1. | Nguyễn Văn Hóa | 1987 | TS | 13 | Trợ lý đào tạo KXD |
| 2. | Phan Đình Quốc | 1989 | TS | 8 | Trợ lý đào tạo trực tuyến |
| 3. | Nguyễn Thị Thu Hiền | 1985 | ThS | 8 | Cố vấn học tập KXD |
| 4. | Nguyễn Thị Hà Hạnh | 1983 | ThS | 18 | Văn phòng KXD |
| 5. | Đoàn Thị Minh Huyền | 1975 | ThS | 20 | QLSV KXD |

Các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các giảng viên kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và các bên liên quan khác về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV cho thấy người học khá hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ NV của Nhà trường nói chung và của Khoa Xây dựng nói riêng trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [[H7.07.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.09/)]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và các đơn vị có liên quan có thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Xây dựng đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

*3. Điểm tồn tại*

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện,…) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ.  Trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Trường.  Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn Trường. | Phòng Tổ chức cán bộ | Định kỳ hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.  Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên làm việc tại các đơn vị hành chính cũng như ở các đơn vị đào tạo, bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với sự phát triển của Trường cũng như các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. | Ban giám hiệu; Phòng Tổ chức cán bộ | Định kì hàng  Năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường đại học Vinh đã ban hành các quy định cụ thể về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên như: Nghị quyết ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023; Quy định về luân chuyển cán bộ của Trường Đại học Vinh số 06/QĐ-ĐU ngày 27/2/2023,… trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng,… xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình chặt chẽ để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh.

*Tiêu chuẩn chung*: Được quy định tại điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Trường Đại học Vinh.

*Tiêu chuẩn cụ thể:* Đối với chức viên chức hành chính: được quy định cụ thể tại điều 6, điều 7 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023.

Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn [[H7.07.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.01/)]. Các yêu cầu, mô tả công việc của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả tại mục chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trên Subweb của từng đơn vị chức năng của Trường [[H7.07.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.02/)].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/ khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn Trường.

Nhà trường gửi Bản dự thảo cho các đơn vị trong Trường góp ý. Sau góp ý của các đơn vị trong Trường, Phòng Tổ chức Cán bộ tiến hành bổ sung, chỉnh sửa nội dung Quy chế. Hồ sơ góp ý cho bản Quy chế được gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) hoặc qua địa chỉ Email, ngoài ra toàn văn dự thảo được đăng trên trang Web của Phòng Tổ chức Cán bộ, địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn> và E- Office của Trường. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và khoa, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm. [[H7.07.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.03/)]. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lí các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lí. Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lí cho các đơn vị phòng ban chức năng, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [[H7.07.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.04/)]. Việc xác lập tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chủ yếu chỉ dựa trên nhu cầu cụ thể từng năm của các đơn vị nên còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [[H7.07.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.05/)]. Khoa Xây dựng luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường, bảo đảm việc việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên làm việc tại Khoa phù hợp với nhu cầu về làm việc, trình độ đào tạo của đội ngũ nhân viên và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhân viên theo Quy chế hoạt động của Khoa và Nhà trường.

*Bảng 7.2.1: Thống kê số lượng, trình độ chuyên môn, việc bố trí công việc sau tuyển dụng đối với các cán bộ hỗ trợ được tuyển dụng, bổ nhiệm/điều chuyển cho CTĐT*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số lượng cán bộ** | **Trình độ** | **Bỏ nhiệm mới/điều chuyển** | **Vị trí bố trí** |
| 1. | Năm học 2019-2020 | 02 | Thạc sỹ | VPK | VPK |
| 2. | Năm học 2020-2021 | - | - | - | - |
| 3. | Năm học 2021-2022 | - | - | - | - |
| 4. | Năm học 2022-2023 | - | - | - | - |
| 5. | Năm học 2023-2024 | - | - | - | - |

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên hệ thống thông tin E- Office và trên các phương tiện thông tin đại chúng [[H7.07.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.06/)]. Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Vì vậy, cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT của Khoa Xây dựng đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*3. Điểm tồn tại*

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả. | Phòng Tổ chức cán bộ | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Hoàn thiện và cập nhật các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong từng thời điểm và giai đoạn. | Phòng Tổ chức cán bộ, Các phòng, ban, trung tâm và Khoa Xây dựng | Định kỳ hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí: 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [[H7.07.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.01/)]. Đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào thì đội ngũ Thư viện viên, Chuyên viên làm việc phải đạt trình độ Đại học trở lên; Kỹ thuật viên tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Nhân viên làm việc tại Trung tâm công nghệ thông tin yêu cầu đối với Chuyên viên là tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin; kỹ thuật viên phải tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, có trình độ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị phục vụ công tác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm Thực hành thí nghiệm yêu cầu đối với Chuyên viên là trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm; đối với cán sự, nhân viên yêu cầu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên, sử dụng thành thạo các phương tiện phục vụ thực hành thí nghiệm và các thiết bị văn phòng. Bên cạnh đó, nhân viên phải nắm vững các quy định pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [[H7.07.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.02/)]. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [[H7.07.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.03/)]. Các tiêu chí này là căn cứ để Khoa Xây dựng, các phòng, ban Nhà trường đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên của đơn vị mình theo quy trình chặt chẽ, góp phần xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc được xếp loại hằng tháng và hằng năm theo 04 mức: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ); C (Hoàn thành nhiệm vụ từ 70% trở lên); D (Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ). Công tác đánh giá được tổ chức thường xuyên theo quy trình chặt chẽ, thống nhất qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Hàng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Quy trình đánh giá, xếp loại được thực hiện qua 5 bước: *Bước 1.* Tập hợp lỗi vi phạm (theo mẫu) của các cá nhân trong tháng (nếu có) từ các phòng ban liên quan, gửi về các đơn vị có cá nhân vi phạm và Phòng Tổ chức Cán bộ trước ngày 02 hằng tháng; *Bước 2.* Các đơn vị tự đánh giá, xếp loại kết quả lao động của tháng trước căn cứ theo các tiêu chí, thực hiện từ ngày 03 đến 05 hằng tháng; *Bước 3.* Các đơn vị gửi kết quả đánh giá, xếp loại về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 8 hằng tháng; *Bước 4*. Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra; *Bước 5.* Phòng Tổ chức Cán bộ trình Hiệu trưởng ký bảng kết quả tổng hợp, đánh giá, xếp loại lao động và phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tính toán thanh toán thu nhập tăng thêm vào tháng sau liền kề theo quy định [[H7.07.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.04/)]. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) khoa họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống; Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*. Sau đó, Khoa Xây dựng và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [[H7.07.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.05/)]. Tuy nhiên, đối với tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể còn chưa có. Việc đánh giá này cũng gặp khó khăn do giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn, công đoàn chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy của những giảng viên kiêm nhiệm này trong các kỳ học.

Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động chung của Nhà trường. Người học thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của trường. Các mức đánh giá bao gồm: *Tốt* (mức độ đáp ứng từ 80% trở lên); *Khá* (mức độ đáp ứng từ 65 đến 79%); *Trung bình* (mức độ đáp ứng từ 50 đến 64%); *Chưa đạt* (mức độ đáp ứng dưới 50%). *Chưa tiếp xúc*. Từ đó, Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lí chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại nhân viên [[H7.07.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.06/)]. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm [[H7.07.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.07/)].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có quy trình và phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chặt chẽ, hiệu quả. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của người học. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về hoạt động của đội ngũ nhân viên.

Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Việc sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để cải tiến, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên chưa thực sự triệt để.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn  Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên).  Cần nghiên cứu kỹ các kết quả đánh giá, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên | Phòng TCCB | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội ngũ nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau. | Phòng TCCB | Định kì hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí: 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

*1. Mô tả hiện trạng*

Xác định đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV và NV, là điều kiện quyết định để Nhà trường nói chung và Khoa Xây dựng nói riêng có thể đứng vững và khẳng định mình, việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV luôn được Trường, Khoa quan tâm thực hiện. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của Khoa Xây dựng nói riêng, việc đầu tư đội ngũ cán bộ, viên chức cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đầu hàng đầu. [[H7.07.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.01/)].

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc cho từng chức danh. Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo nội dung đào tạo, bồi dưỡng. Trường gửi thông báo và các biểu mẫu hướng dẫn các đơn vị, cá nhân đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đến tất cả các đơn vị trong trường. Các đơn vị tổ chức lấy ý kiến nhân viên trong đơn vị, tổng hợp danh sách đăng ký đào tạo, bồi dưỡng gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ. Trên cơ sở đó, Phòng Tổ chức - Cán bộ đã thống kê, phân tích kết quả khảo sát, sắp xếp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo thứ tự ưu tiên, trong đó có yêu cầu về bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ,… Ngoài ra, Hàng năm, vào cuối năm học Khoa Xây dựng cũng đánh giá khối lượng công việc, khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát này được thể hiện trong kế hoạch năm học của Khoa Xây dựng [[H7.07.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.02/)] [[H7.07.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.03/)].

*Bảng 7.4.1.Thống kế số lượt cán bộ cơ hữu của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡngtrong 5 năm chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đi học dài hạn (trên 1 năm)** | **Năm** | | | | | |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng 5 năm** |
| Tổng cộng toàn trường | 19 | 18 | 15 | 19 | 16 | 87 |
| 1.Nước ngoài | 8 | 2 | 2 | 2 | 1 | 15 |
| 2.Trong nước | 11 | 16 | 13 | 17 | 15 | 72 |
| Trong đó: Nhân viên hỗ trợ toàn trường |  | 9 | 5 | 4 | 3 | 21 |
| 1.Nước ngoài |  |  |  |  |  | 0 |
| 2.Trong nước |  | 9 | 5 | 4 | 3 | 21 |
| Đào tạo bồi dưỡng (ngắn hạn) |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng toàn trường | 519 | 475 | 311 | 441 | 611 | 2357 |
| 1.Chức danh nghề nghiệp | 286 | 232 | 73 | 57 | 2 | 650 |
| 2.Lý luận chính trị | 14 | 16 | 78 | 24 | 27 | 159 |
| 3.Nghiệp vụ sư phạm |  |  |  |  |  | 0 |
| 4.Ngoại ngữ | 81 | 59 | 2 | 96 | 27 | 265 |
| 5.Công nghệ thông tin | 97 |  |  |  |  | 97 |
| 6.Quốc phòng An ninh | 41 |  | 60 | 78 | 149 | 328 |
| 7.Các lớp bồi dưỡng khác |  | 155 |  | 68 | 99 | 322 |
| 8.Hội nghị/Hội thảo tập huấn & Tham quan trao đổi học thuật |  | 13 | 98 | 118 | 307 | 536 |
| Trong đó: Nhân viên hỗ trợ toàn trường |  |  |  |  |  |  |
| 1.Chức danh nghề nghiệp | 114 | 1 | 72 | 2 | 2 | 191 |
| 2.Lý luận chính trị | 4 | 3 | 15 | 7 | 3 | 32 |
| 3.Nghiệp vụ sư phạm |  |  |  |  |  | 0 |
| 4.Ngoại ngữ |  | 9 |  | 3 | 3 | 15 |
| 5.Công nghệ thông tin | 33 |  |  |  |  | 33 |
| 6.Quốc phòng An ninh | 9 |  | 23 | 19 | 39 | 90 |
| 7.Các lớp bồi dưỡng khác |  | 150 |  | 13 | 42 | 205 |
| 8.Hội nghị/Hội thảo tập huấn & Tham quan trao đổi học thuật | 2 | 1 | 21 | 10 | 29 | 63 |

Khoa Xây dựng và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên [[H7.07.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.04/)]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, trong vòng 5 năm gần đây (2019-2024), Nhà trường đã chi **642,69** triệu đồng dành riêng cho công tác bồi dưỡng cán bộ nhân viên của Trường.

*Bảng 7.4.2. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| I | Chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ | 2.142,68 | 1.370,86 | 1.337,37 | 1.742,20 | 1.702,13 | 8.295,24 |
| 1 | Chi cho đào tạo dài hạn | 2.039,38 | 1.304,36 | 1.042,12 | 731,28 | 1.461,73 | 6.578,87 |
| 2 | Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn | 103,30 | 66,50 | 295,25 | 1.010,92 | 240,40 | 1.716,37 |
| 2.1 | Trong đó, chi cho đội ngũ nhân viên | 27,90 | 44,85 | 72,64 | 312,90 | 184,40 | 642,69 |

*Bảng 7.4.3. Thống kê các chủ đề nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ CTĐT*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số lượng cán bộ** | **Học tập dài hạn** | **Học tập ngắn hạn** | **Dự hội thảo/hội nghị** | **Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ** | **Kinh phí hỗ trợ** |
| 1. | Năm học 2019-2020 | 02 |  | 02 |  |  | 5.000.000 |
| 2. | Năm học 2020-2021 | 05 | 01 | 03 | - | 01 | 40.000.000 |
| 3. | Năm học 2021-2022 | 05 | - | 02 | 02 | 01 | 35.000.00 |
| 4. | Năm học 2022-2023 | 06 | - | 03 | 03 | 01 | 50.000.000 |
| 5. | Năm học 2023-2024 | 06 | - | 03 | 03 | 01 | 50.000.000 |

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ nêu trên, Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với cán bộ, viên chức cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các CTĐT TS, ThS theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành khóa học, các cán bộ, viên chức này sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này vẫn được tính vào thâm niên công tác tại Trường. Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [[H7.07.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.05/)].

Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Các lĩnh vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành); Bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị); chuyên môn nghiệp vụ quản lý như: Quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - an ninh (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý); ngoại ngữ; tin học [[H7.07.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.06/)]. Hàng năm Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện [[H7.07.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.07/)].

Kết quả, trong 5 năm qua, toàn trường đã có hơn 87 cán bộ được cử đi đào tạo dài hạn (thạc sĩ, tiến sĩ,…), trong đó (*15 người đào tạo nước ngoài, 72 cán bộ đào tạo trong nước*). Tham gia các khóa Bồi dưỡng, ĐT ngắn hạn về chuyên môn: Bồi dưỡng nghiệp vụ (NVSP, CNTT, NN...) có 2420 lượt người [[H7.07.04.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.08/)]. Đến nay, Trường và Khoa Xây dựng có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lí người học và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên, học viên và sinh viên.

*2. Điểm mạnh*

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

*3. Điểm tồn tại*

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.Việc triển khai hoạt động bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên chủ yếulồng ghép trong công tác đào tạo bồi dưỡng chung của toàn Trường nên hiệu quả chưa cao.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.  *Khoa phát huy hiệu quả quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại đơn vị.* | Phòng Tổ chức cán bộ và Khoa Xây dựng | Định kì hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngay khi có nhu cầu.  Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ tài chính để đội ngũ nhân viên có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | Phòng TCCB Khoa Xây dựng | Định kì hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

Tiêu chí: 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên trong toàn Trường đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà Trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Quy định về tổ chức hoạt động của Trường; Quy định về chế độ làm việc đối với cán bộ, viên chức; Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Kế hoạch công việc của từng NV được quy định cụ thể về nội dung, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện, nguồn lực thực hiện, thời gian hoàn thành trong bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa Xây dựng.

Ngoài ra, để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đạt hiệu quả, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng khoa, đặc biệt là đối với Phòng Đào tạo là đơn vị trực tiếp hỗ trợ công tác đào tạo, hành chính đối với các CTĐT đại học. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên [[H7.07.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.01/)]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Tổng kết năm học, …)* Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (*Trường, Thành phố, Trung ương,…*). Đây chính là yếu tố động lực cho đội ngũ NV hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa và Nhà trường. Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các cán bộ nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành thành xuất sắc nhiệm vụ được giao qua từng năm học[[H7.07.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.02/)].

Nhà trường và Khoa Xây dựng đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi cán bộ, nhân viên đã xây dựng. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa Xây dựng thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống phần mềm quản lý nhân sự**.** Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi đánh giá của Phòng TCCB, thông tin ghi nhận và báo cáo của Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Đào tạo,… thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BCN Khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi cán bộ, nhân viên hỗ trợ [[H7.07.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.03/)]. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường triển khai xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua [[H7.07.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.04/)]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các đợt lấy ý kiến người học và các bên liên quan về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị [[H7.07.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.05/)]. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng, tiến độ công việc của đội ngũ nhân viên được xác định chủ yếu dựa vào việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà đơn vị phân công. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua để xác định các mức độ hoàn thành công việc, làm cơ sở cho đánh giá cuối năm. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Để quản trị theo kết quả công việc, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tháng với các yêu cầu rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Khoa Xây dựng, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc [[H7.07.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.06/)].

*Bảng 7.5.1 Danh sách cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ** | **Thâm niên công tác** | **Đơn vị công tác** |
| 1. | Nguyễn Văn Hóa | 1987 | TS | 13 | Trợ lý đào tạo KXD |
| 2. | Phan Đình Quốc | 1989 | TS | 8 | Trợ lý đào tạo trực tuyến |
| 3. | Nguyễn Thị Thu Hiền | 1985 | ThS | 8 | Cố vấn học tập KXD |
| 4. | Nguyễn Thị Hà Hạnh | 1983 | ThS | 18 | Văn phòng KXD |
| 5. | Đoàn Thị Minh Huyền | 1975 | ThS | 20 | QLSV KXD |

Hàng năm**,** nhằm đạt sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ NV trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tất cả cán bộ, nhân viên trong trường góp ý cho các quy chế quy định mà Nhà trường đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Qua đó, tất cả cán bộ, nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp quản trị kết quả công việc của cán bộ, nhân viên được hiệu quả [[H7.07.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.07/)].

Cán bộ, nhân viên trong toàn trường đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Khoa Xây dựng và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. Vì vậy, đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này [[H7.07.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.08/)]. Tuy nhiên, ngoài kênh lấy ý kiến phản hồi trực tiếp trong các cuộc họp đánh giá, hiện nay Trường vẫn chưa có cơ chế khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

*2. Điểm mạnh*

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

*3. Điểm tồn tại*

Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà Trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Nghiên cứu xây dựng các định mức, khối lượng công việc cho đội ngũ nhân viên  - Định kỳ tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát,Trường và Khoa  xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Trường trong những năm tiếp theo. | Phòng TCCB, Khoa Xây dựng | Định kỳ hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục *rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ NV. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ*khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để lượng hóa trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng | Phòng TCCB, Khoa Xây dựng | Định kì hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)*

**Kết luận của Tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa Xây dựng và của Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành KTXD và NCKH của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

**Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

**Mở đầu**

Giai đoạn 2019-2024, Khoa Xây dựng, Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp; trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

*1. Mô tả hiện trạng*

Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh, hàng năm dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và kết quả tuyển sinh của trường trong các năm trước [[H8.08.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.01_Quy%20ch%E1%BA%BF%20TS%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99/), Trường Đại học Vinh xây dựng các chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật, điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh hàng năm [[H8.08.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/).

Nhà trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trên cơ sở Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường xây dựng và công bố kế hoạch tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trong các thông báo tuyển sinh đã nêu cụ thể chi tiết về đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh; hình thức và thời gian đào tạo; các quy định về thời gian và lệ phí dự tuyển; địa điểm tư vấn, hướng dẫn thủ tục nhận hồ sơ dự tuyển; chính sách học bổng áp dụng đối với NH của Trường Đại học Vinh cho từng đối tượng [[H8.08.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/).

Thực hiện chính sách tuyển sinh hàng năm, Phòng Đào tạo ra thông báo thu hồ sơ đăng kí tuyển sinh theo quy định; thông báo ngưỡng điểm chuẩn trúng tuyển [[H8.08.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.03_Ng%C6%B0%E1%BB%A1ng%20%C4%90BCL%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/); ban hành các quyết định trúng tuyển, nhập học và thực hiện báo cáo BGDĐT theo quy định [[H8.08.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.04_TB%20x%C3%A9t%20tuy%E1%BB%83n,%20%C4%91i%E1%BB%83m%20tr%C3%BAng%20tuy%E1%BB%83n/).

Số lượng NH được thi tuyển vào CTĐT trình độ đại học ngành KTXDtheo chỉ tiêu đã được duyệt trong kế hoạch năm học của Khoa Xây dựng, được thể hiện trong Đề án tuyển sinh hàng năm [[H8.08.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/). Chỉ tiêu này được xác định dựa vào tỷ lệ NH ra trường, kết quả phân tích nhu cầu nhân lực của Trường, thông tin dự báo nguồn nhân lực của ngành. Số liệu thống kê về tuyển sinh và nhập học của ngành KTXDtrong giai đoạn đánh giá thể hiện ở Bảng 8.1.1 [[H8.08.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.05_%20D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u,%20k%E1%BA%BFt%20qu%E1%BA%A3%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/).

*Bảng 8.1.1: Tổng hợp tình hình tuyển sinh của ngành KTXD từ năm 2019-2024*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Ứng viên** | | |
| **Số lượng trúng tuyển** | **Số lượng nhập học** | **Điểm chuẩn** |
| 2019-2020 | 120 | 79 | 18 |
| 2020-2021 | 85 | 62 | 18 |
| 2021-2022 | 135 | 85 | 18 |
| 2022-2023 | 98 | 63 | 18 |
| 2023-2024 | 102 | 61 | 18 |

Các chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) được Nhà trường công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau: Trên website của Nhà trường, của Khoa Xây dựng, Trường Sư phạm, qua hoạt động tư vấn tuyển sinh của Phòng Đào tạo, qua các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, các tỉnh Tây Nguyên do Nhà trường tổ chức. Qua Website của nhà trường, các bên liên quan có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Nhà trường. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: báo giấy, báo điện tử, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, … Trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: Tư vấn tuyển sinh tại Website, Chat trực tuyến, Hộp thư tuyển sinh và Tổng đài tư vấn để tư vấn, giải đáp cho thí sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân … [[H8.08.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.06_%20T%E1%BB%9D%20r%C6%A1i%20qu%E1%BA%A3ng%20b%C3%A1%20TS/).

Ngoài cổng thông tin điện tử được cập nhật liên tục, Trường còn mở rộng phạm vi truyền thông trực tiếp từ Nghệ An đến các tỉnh thành trong cả nước. Thủ tục nộp hồ sơ xét tuyển nhanh, gọn, thuận tiện cho thí sinh đến tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện. Kết quả được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua Cổng thông tin điện tử và tin nhắn, điện thoại đến từng thí sinh [[H8.08.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.06_%20T%E1%BB%9D%20r%C6%A1i%20qu%E1%BA%A3ng%20b%C3%A1%20TS/).

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông,…Các quy trình nhận hồ sơ xét tuyển được điều chỉnh cải tiến sao cho thuận tiện nhất cho thí sinh như: nộp hồ sơ online, tư vấn trực tuyến,... Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học [[H8.08.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.05_%20D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u,%20k%E1%BA%BFt%20qu%E1%BA%A3%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/), Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông,…

Ngoài ra, Hàng năm, trước khi xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh, trên cơ sở các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, các dữ liệu báo cáo của Phòng Đào tạo, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới để xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh của Trường [[H8.08.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.05_%20D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u,%20k%E1%BA%BFt%20qu%E1%BA%A3%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/). Trên cơ sở này, Trường và Khoa Xây dựng xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, kết quả tuyển sinh theo đó cũng được nâng cao về chất lượng và số lượng, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [[H8.08.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/) [[H8.08.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.07_%20G%C3%B3p%20%C3%BD%20%C4%91%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/) (Bảng 8.1.2).

*Bảng 8.1.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành KTXD*   
*(trong 5 năm học gần nhất)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Người học** | | | | |  | **Tổng số** |
| ***Năm thứ nhất*** | ***Năm thứ hai*** | ***Năm thứ ba*** | ***Năm thứ tư*** | ***Năm thứ năm*** | ***Năm tiếp theo*** |
| 2019-2020 | 61 | 69 | 92 | 112 | 185 | 224 | 743 |
| 2020-2021 | 52 | 58 | 71 | 90 | 106 | 203 | 580 |
| 2021-2022 | 75 | 46 | 54 | 69 | 85 | 189 | 518 |
| 2022-2023 | 47 | 68 | 45 | 52 | 62 | 198 | 472 |
| 2023-2024 | 39 | 44 | 64 | 42 | 50 | 156 | 395 |

*2. Điểm mạnh*

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

*3. Điểm tồn tại*

Nhà trường, Khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành KTXD.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Đề xuất với Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa | Phòng Đào tạo  Khoa Xây dựng | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện công khai và cập nhật chính sách tuyển sinh từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất. | Phòng Đào tạo  Khoa Xây dựng | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường, Khoa có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng, cụ thể. Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành KTXD được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trên cơ sở quy chế tuyển sinh chung của BGD&ĐT [[H8.08.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.01_Quy%20ch%E1%BA%BF%20TS%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99/) và góp ý của các bên liên quan [[H8.08.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.07_%20G%C3%B3p%20%C3%BD%20%C4%91%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/), được thể hiện trong đề án, kế hoạch, thông báo tuyển sinh của Nhà trường [[H8.08.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.01_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/), [[H8.08.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.02_KH%20tuy%E1%BB%83n%20sinh/), [[H8.08.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.03_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh,%20quy%20ch%E1%BA%BF%20tuy%E1%BB%83n%20sinh%20%C4%90H/). Phương pháp và tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án, thông báo tuyển sinh hằng năm của Nhà trường. Trong đề án tuyển sinh bao gồm các nội dung về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh: *1) Đối tượng tuyển sinh; 2) Phạm vi tuyển sinh; 3) Phương thức tuyển sinh; 4) Chỉ tiêu tuyển sinh; 5) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển; 6) Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của Trường; 7) Tổ chức tuyển sinh; 1.8) Chính sách ưu tiên; 9) Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển.* Đề án tuyển sinh hằng năm quy định rõ: đối với các ngành ngoài sư phạm, phương thức tuyển sinh bao gồm*: 1) Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi/môn thi của Kỳ thi THPT năm hiện tại và của kết quả bài thi/môn thi Kỳ thi THPT Quốc gia năm trước đó và về trước; 2) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT; 3) tuyển thẳng.* Các đối tượng ưu tiên xét tuyển và tuyển thẳng được quy định trong Chính sách ưu tiên của đề án tuyển sinh [[H8.08.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.03_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh,%20quy%20ch%E1%BA%BF%20tuy%E1%BB%83n%20sinh%20%C4%90H/). Phương pháp và các tiêu chí tuyển sinh của ngành KTXD giai đoạn 2019-2024 bao gồm: Xét tuyển thẳng theo quy định, xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và học bạ các khối A00, A01, B00, D01 [[H8.08.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.04_D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u%20k%E1%BA%BFt%20qu%E1%BA%A3%20TS%20c%E1%BB%A7a%20ng%C3%A0nh%202019-2024/).

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [[H8.08.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.01_Quy%20ch%E1%BA%BF%20TS%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99/) và nhu cầu xã hội, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến [[H8.08.02.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.05_BC%20t%E1%BB%95ng%20k%E1%BA%BFt%20c%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20tuy%E1%BB%83n%20sinh/), [[H8.08.02.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.06_%20L%E1%BA%A5y%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20v%E1%BB%81%20%C4%91%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS,%20c%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20TS/) để rà soát, đánh giá, xây dựng, điều chỉnh và bổ sung các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, công bố công khai trên website và các phương tiện thông tin đại chúng. Nhà trường và Khoa Xây dựng đã có nhiều phương pháp để thu hút tuyển sinh: *1) Thông qua các thông báo bằng văn bản; 2) Thông qua các băng rôn ở Khoa/ Trường; 3) Thông qua mạng xã hội (facebook,…); 4) Thông qua công tác tư vấn tuyển sinh trực tuyến* [[H1.01.02.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.07_TB%20tuy%E1%BB%83n%20sinh,%20t%C6%B0%20v%E1%BA%A5n%20TS%20tr%E1%BB%B1c%20tuy%E1%BA%BFn/). Việc rà soát, đánh giá lại công tác tuyển sinh nhằm nhận thức rõ những hạn chế và đưa ra các giải pháp khắc phục, bổ sung vào đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo [[H8.08.02.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.05_BC%20t%E1%BB%95ng%20k%E1%BA%BFt%20c%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20tuy%E1%BB%83n%20sinh/). Từ đó, công tác tuyển sinh hằng năm được tối ưu, nâng cao hiệu quả.

*2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường, Khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành KTXD.

*3. Điểm tồn tại*

Trong giai đoạn 2019-2024, tuy có tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, tuy nhiên những phương thức tuyển chọn người học được áp dụng ở Khoa Xây dựng, trường đại học Vinh cũng giống với đa số các khoa có cùng ngành đào tạo của các trường khác, do vậy, tính cạnh tranh trong tuyển sinh khá cao. Nếu không có những phương thức đột phá, mới mẻ trong công tác tuyển sinh thì tính bền vững về số lượng thí sinh khó được duy trì.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Khoa cần có thêm các chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp và đột phá so với những phương thức đã và đang áp dụng nhưng cũng cần cân nhắc đến tính bền vững nhằm duy trì ổn định và thậm chí tăng lượng thí sinh đều đặn trong những năm tới. | Phòng Đào tạo;  Khoa Xây dựng | Hằng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh | Phòng Đào tạo;  Khoa Xây dựng | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ,… đượcNhà trường giao cho các đơn vị: Khoa/Viện, Phòng đào tạo, Phòng CTCTHSSV, Trung tâm ĐBCL,… thực hiện và giám sát [[H8.08.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/). Trong đó, Phòng Đào tạo là đơn vị chính hỗ trợ sinh viên, phối hợp với các Khoa/Viện và các đơn vị chức năng thực hiện và giám sát kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu của sinh, triển khai đánh giá đồ án tốt nghiệp theo quy trình và quy định Nhà trường và của Bộ GD&ĐT [[H8.08.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/). Trưởng Phòng Đào tạo đã phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên phòng phụ trách nhóm công việc [[H8.08.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.02_Chuy%C3%AAn%20vi%C3%AAn%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3%20ph%C3%B2ng%20ban/). Tại các đơn vị đào tạo, Nhà trường hoặc lãnh đạo đơn vị phân công cán bộ phụ trách từng ngành [[H8.08.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.03_giang%20vien%20chuyen%20nganh%20KTXD/)]. Đối với ngành KTXD, ngoài cán bộ phụ trách chuyên ngành còn có trợ lí quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo, chuyên viên văn phòng Khoa. Cán bộ phụ trách chuyên ngành và Trợ lí quản lý sinh viên của Khoa được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, xử lí học vụ, cảnh báo kết quả học tập, có trách nhiệm hỗ trợ người học và báo cáo kịp thời với lãnh đạo Phòng Đào tạo và Khoa để giải quyết [[H8.08.03.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.04_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20TL%C4%90T,%20CVHT,%20VP,%20QLSV/) [[H8.08.03.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.05_DS%20CVHT,%20TL%C4%90T%20CB%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3%20khoa/). Phòng CTCTHSSV phối hợp với các đơn vị có nhiệm vụ giám sát về giáo dục chính trị, tư tưởng; thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế, hỗ trợ sinh viên; giám sát về kết quả học tập, khối lượng học tập …[[H8.08.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/).

Quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được Phòng Đào tạo và Khoa và các đơn vị liên quan thực hiện tuân theo: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*Số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*); Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*Số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*); Quy định đào tạo trình độ đại học (Số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021); Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh (*Số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [[H8.08.03.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.06_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20%C4%91%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o,%20%C4%91%C3%A1nh%20gi%C3%A1/).

CTĐT trình độ đại học ngành KTXD đạt tối thiểu 150 tín chỉ, 45 học phần gồm 3 phần: Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, đồ án thực tập. Tiến độ thực hiện chương trình thông thường chia làm 9 học kỳ. Nhìn chung, CTĐT được thiết kế theo các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt chuẩn đầu ra cũng tăng dần theo từng học kỳ (từ kỳ 1 đến kỳ 9), mỗi học kỳ kéo dài trung bình 4 tháng, riêng học kỳ thực hiện Đồ án tốt nghiệp thì thời gian kéo dài là 6 tháng. Như vậy tổng thời gian thực hiện CTĐT theo đúng kế hoạch là 18 tháng. Khung thời gian này đảm bảo cho sinh viên có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Hoạt động đào tạo được thực hiện theo học chế TC, tạo ra cơ chế mềm dẻo, giúp NH chủ động lựa chọn phương án học tập phù hợp với điều kiện của từng cá nhân [[H8.08.03.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.07_B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T/), [[H8.08.03.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.08_%C4%90%E1%BB%81%20c%C6%B0%C6%A1ng%20h%E1%BB%8Dc%20ph%E1%BA%A7n/). Kết quả học tập, khối lượng học tập của từng sinh viên được lưu trữ trong phần mềm chuyên dụng do Phòng Đào tạo quản lý và theo dõi, báo cho từng sinh viên cho từng học kỳ [[H8.08.03.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/).

*Nhà trường còn xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của người học* bởi hệ thống quản lý bao gồm: Hệ thống các phần mềm quản lý đào tạo và hệ thống các Quy trình nghiệp vụ ISO [[H8.08.03.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/) [[H8.08.03.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.10_Quy%20tr%C3%ACnh%20nghi%E1%BB%87p%20v%E1%BB%A5%20ISO/).

Để giám sát tiến trình học tập của người học trong hệ thống đào tạo theo CĐR, Trường Đại học Vinh đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lí người học (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học [[H8.08.03.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/) [[H8.08.03.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.11_Giao%20di%E1%BB%87n%20trang%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n%20SV%20tr%C3%AAn%20ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m/). Sau mỗi kì học, Phòng Đào tạo thống kê và báo cáo kết quả học tập của sinh viên thuộc diện cảnh báo khẩn cấp và cảnh báo kết quả học tập cho phụ trách chuyên ngành và sinh viên [[H8.08.03.12]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.12_DS%20SV%20di%E1%BB%87n%20c%E1%BA%A3nh%20b%C3%A1o%20h%E1%BB%8Dc%20t%E1%BA%ADp/).

Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp được quản lý tập trung trên phần mềm quản lý đào tạo (CMC, Trí Nam) [[H8.08.03.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/), đảm bảo giám sát khối lượng học tập và rèn luyện NH chính xác. Đối với kết quả học tập, khối lượng học tập của NH được thể hiện qua từng kỳ như sau: Số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số tín chỉ tích lũy của kỳ, kết quả học tập của từng học phần... Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần thiết. Kết thúc mỗi năm học, Phòng Đào tạo và Trung tâm CNTT thuộc Viện NC&ĐTTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được giám sát bởi các bên liên quan. Kết quả học tập của người học được Phòng Đào tạo quản lí giám sát bằng hồ sơ điểm học tập [[H8.08.03.13]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.13_%20H%E1%BB%93%20s%C6%A1%20%C4%91i%E1%BB%83m%20SV/).

Tất cả cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ trong học tập cũng như theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của sinh viên được lưu trữ trên phần mềm tại Phòng Đào tạo [[H8.08.03.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/). Nhờ có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp, có chiến lược và biện pháp hỗ trợ sinh viên kịp thời vì vậy tỷ lệ sinh viên chậm tiến độ, thôi học ngành, tốt nghiệp chậm tiến độ … cũng được giảm xuống [[H8.08.03.13]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.13_%20H%E1%BB%93%20s%C6%A1%20%C4%91i%E1%BB%83m%20SV/).

*Bảng 8.3.1: Thống kê kết quả đánh giá rèn luyện của SV trong 5 năm (Từ 2019-2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại** | **2019-2020** | | **2020-2021** | | **2021-2022** | | **2022-2023** | | **2023-2024** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Xuất sắc | 22 | 4.24 | 14 | 3.75 | 16 | 4.97 | 10 | 3.68 | 8 | 3.35 |
| Tốt | 235 | 45.30 | 172 | 46.11 | 164 | 50.93 | 130 | 47.79 | 109 | 45.61 |
| Khá | 148 | 29.00 | 59 | 15.82 | 91 | 28.26 | 56 | 20.59 | 60 | 25.10 |
| Trung bình | 114 | 22.00 | 128 | 34.32 | 51 | 15.84 | 76 | 27.94 | 62 | 25.94 |
| TB Khá | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  |
| Yếu | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  |
| Tổng | 519 |  | 373 |  | 322 |  | 272 |  | 239 |  |

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

*3. Điểm tồn tại*

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Đồng bộ phần mềm CMC, Trí Nam trong quản lí đào tạo và quản lí SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện. | TT CNTT; | Hằng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục phát huy vai trò của các bên liên quan trong việc giám sát, hỗ trợ sự tiến bộ của người học | CTCT-HSSV;  Khoa Xây dựng | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.4. Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có bộ phận và cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và tư vấn việc làm cho sinh viên. Cụ thể:

Ở đơn vị cấp trường là Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV, Đoàn Thanh niên… chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua cho sinh viên. Trung tâm DV, HTSV&QHDN chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn việc làm cho sinh viên [[H8.08.04.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/).

Về phía Khoa Xây dựng có Ban lãnh đạo Khoa, phụ trách ngành, các giảng viên trực tiếp giảng dạy chuyên ngành, cố vấn học tập và trợ lí đào tạo, giáo viên chủ nhiệm lớp với chức năng, nhiệm vụ tư vấn học tập, hỗ trợ sinh viên trong việc cải thiện học tập. Liên chi đoàn, Liên chi Hội sinh viên Khoa có nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua [[H8.08.04.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/) [[H8.08.04.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.02_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20TL%C4%90T,%20CVHT,%20VP,%20QLSV/). Bên cạnh đó, Trường Sư phạm còn có các CLB sinh viên hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa khác.

Nhà trường và Khoa Xây dựng có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giới thiệu với sinh viên về cơ cấu, tổ chức Nhà trường và Khoa cũng như các hoạt động của Nhà trường để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Trong năm học, Nhà trường tổ chức các Hội nghị dân chủ sinh viên và đối thoại với Hiệu trưởng để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên [[H8.08.04.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.03_%20SHCD,%20HNDCSV,%20%C4%90%E1%BB%91i%20tho%E1%BA%A1i/). Ở Trường Sư phạm, Trợ lý QLSV, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, hỗ trợ sinh viên ngành KTXD trong đăng ký học, xử lý học vụ; trong học tập, rèn luyện [[H8.08.04.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.02_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20TL%C4%90T,%20CVHT,%20VP,%20QLSV/). Mỗi tháng, Khoa cử giáo viên chủ nhiệm họp với lớp quản lý một lần, tư vấn và hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên của Trường và Khoa cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành KTXD, hàng năm sẽ có hoạt động tháng rèn nghề, Hội thi nghiệp vụ sư phạm để các em có một sân chơi phù hợp với chuyên môn và được giao lưu nghề nghiệp giữa các khoá học của Bộ môn, của Khoa. Các câu lạc bộ của Khoa và của Trường thường xuyên hoạt động, hỗ trợ học tập và rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng mềm cho sinh viên [[H8.08.04.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.04_H%C4%90%20ngo%E1%BA%A1i%20kh%C3%B3a,%20r%C3%A8n%20ngh%E1%BB%81/).

Thông qua kế hoạch đào tạo của Nhà trường cho các khóa, các buổi họp lớp, các buổi học theo thời khóa biểu, các nhóm zalo, facebook, email, chủ nhiệm chuyên ngành và đội ngũ giáo viên giảng viên giảng dạy các học phần thường xuyên tư vấn cho sinh viên về phương pháp học, lựa chọn hướng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện, kĩ năng mềm... cho sinh viên [[H8.08.04.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.05_H%C3%ACnh%20%E1%BA%A3nh%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3%20SV/). Đối với các khóa mới nhập học, trường cử đại diện cán bộ Phòng Đào tạo, phụ trách chuyên ngành, giảng viên giảng dạy tham gia buổi “Gặp mặt đầu khóa” nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên góc nhìn tổng quan về chuyên ngành học, CTĐT cũng như quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường; phổ biến các quy định về văn hóa ứng xử, trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa học đường, các hoạt động xã hội khác… [[H8.08.04.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.06_%20%C4%90%C3%B3n%20ti%E1%BA%BFp%20SV%20nh%E1%BA%ADp%20h%E1%BB%8Dc/). Bên cạnh đó, trường có đội ngũ GV, các nhà khoa học với chuyên môn vững vàng, sẵn sàng tham gia hướng dẫn sinh viên chuyên ngành KTXD thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu như hướng dẫn sinh viên làm luận văn/Đề án tốt nghiệp, viết bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu… [[H8.08.04.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.07_NCKH%20c%E1%BB%A7a%20SV/). Trường hợp sinh viên có bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành sẽ được cộng điểm bài báo trong kết quả bảo vệ luận văn/Đồ án tốt nghiệp, đối với đề tài cấp Trường nếu sinh viên có tham gia sẽ được cấp kinh phí theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [[H8.08.04.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.08_Quy%20ch%E1%BA%BF%20chi%20ti%C3%AAu%20n%E1%BB%99i%20b%C3%B4/).

Trường luôn đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận đầy đủ nguồn giáo trình, tài liệu học tập liên quan đến CTĐT đang học thông qua hệ thống sách, báo, tạp chí… phong phú tại thư viện trường cũng như nguồn tài liệu trực tuyến [[H8.08.04.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.09_Danh%20m%E1%BB%A5c%20gi%C3%A1o%20tr%C3%ACnh,%20TLTK%20c%E1%BB%A7a%20ng%C3%A0nh/). Đối với hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, Nhà trường bố trí Trạm Y tế trong khuôn viên trường, có bác sỹ và cán bộ y tế trực thường xuyên, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp sinh viên gặp vấn đề về sức khỏe.

Cùng với các hoạt động hỗ trợ về học tập, rèn luyện, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hằng năm Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm, ...). Trung tâm DV, HTSV&QHDN làm việc thường xuyên trong việc tư vấn hỗ trợ việc làm cho sinh viên; liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp. Nhà trường phối hợp với Khoa thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, mời đại diện doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động đến tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên. Có nhiều doanh nghiệp đã liên kết với Nhà trường/Khoa trong công tác đào tạo, tuyển dụng và trao học cho sinh viên [[H8.08.04.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.10_Ch%E1%BA%BF%20%C4%91%E1%BB%99%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3,%20h%E1%BB%8Dc%20b%E1%BB%95ng/) [[H8.08.04.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.11_K%E1%BA%BF%20ho%E1%BA%A1ch%20r%C3%A8n%20ngh%E1%BB%81,%20th%E1%BB%B1c%20t%E1%BA%ADp/).

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của sinh viên đang học các học phần, sinh viên sắp tốt nghiệp, sinh viên đã tốt nghiệp về chất lượng và hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học. Qua đợt khảo sát gần nhất, có trên 85% sinh viên hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Khoa và Trường [[H8.08.04.12]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.12_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20l%E1%BA%A5y%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20ph%E1%BA%A3n%20h%E1%BB%93i%20c%C3%A1c%20b%C3%AAn%20li%C3%AAn%20quan/).

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa có đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, GV chủ nhiệm, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, GV tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực không chỉ trong phạm vi SV khoa, trường mà cả với SV quốc tế; hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về cơ hội việc làm khi tốt nghiệp được triển khai hiệu quả; kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù có cố vấn học tập và trợ lý đào tạo chuyên trách nhưng do hệ thống mạng nội bộ và khả năng cập nhật thông tin nên một số SV vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký học tập.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | GV kịp thời phát hiện, động viên và gợi mở hướng nghiên cứu đề tài khoa học, tích cực khuyến khích SV có năng lực học tốt làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH hằng năm. | Khoa Xây dựng | Hằng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục phát huy vai trò của các đơn vị liên quan trong Nhà trường và mạng lưới cựu SV nhằm hỗ trợ người học | Khoa Xây dựng; DV, HTSV&QHDN | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức* 5/7)

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường Đại học Vinh đã xây dựng giá trị cốt lõi: Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác, với triết lý giáo dục: Hợp tác - Sáng tạo. Với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục như vậy, cán bộ GV trường đại học Vinh là những con người tâm huyết với nghề nghiệp; luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với người học, với Nhà trường; đam mê sáng tạo trong công tác. Sinh viên, sinh viên Trường Đại học Vinh được đào tạo trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, luôn thể hiện sự văn minh, say mê sáng tạo trong học tập và rèn luyện. Cán bộ GV và người học đều hướng tới giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường, tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, hợp tác giữa cán bộ GV và người học; tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [[H8.08.05.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.01_S%E1%BB%A9%20m%E1%BA%A1ng,%20t%E1%BA%A7m%20nh%C3%ACn,%20tri%E1%BA%BFt%20l%C3%BD%20GD/). Về CSVC Nhà trường có 44,12 ha đất với tổng diện tích sàn xây dựng 140212 m2, trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ các tòa nhà cho GV và người học: Khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Khoa, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu tự học, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá. Tất cả được quy hoạch, bố trí khoa học, hiện đại, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại các cơ sở chính (Khu nhà A, B, D) bao gồm 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51054 m2, bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 5,9 m2/chỗ ngồi [[H8.08.05.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.02_B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20c%C3%B4ng%20khai%20CSVC/). 100% phòng học của sinh viên được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, wifi, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác [[H08.08.05.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.03_S%C6%A1%20%C4%91%E1%BB%93%20b%E1%BB%91%20tr%C3%AD%20c%C3%A1c%20t%C3%B2a%20nh%C3%A0,%20Quy%20ho%E1%BA%A1ch%20t%E1%BB%95ng%20th%E1%BB%83/). Nhà trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 48799 m2, với 237 phòng ở với sức chứa 1145 chỗ, bình quân diện tích 8,3 m2 sử dụng/1 sinh viên theo định mức 6-8 người/1 phòng; hệ thống điện nước, nóng lạnh, wifi được lắp đặt đầy đủ. Ngoài ra Nhà trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 29.589 m2, 01 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học [[H08.08.05.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.03_S%C6%A1%20%C4%91%E1%BB%93%20b%E1%BB%91%20tr%C3%AD%20c%C3%A1c%20t%C3%B2a%20nh%C3%A0,%20Quy%20ho%E1%BA%A1ch%20t%E1%BB%95ng%20th%E1%BB%83/) [[H08.08.05.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.04_Ki%E1%BB%83m%20k%C3%AA%20t%C3%A0i%20s%E1%BA%A3n/). Hiện nay, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng tầm nhìn, sứ mệnh giai đoạn 2025-2030. Tất cả đều tạo nên môi trường làm việc thân thiện, thoải mái cho các hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có cảnh quan sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Với hệ thống thoát nước tốt, nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường. Đến nay, cảnh quan môi trường của trường Đại học Vinh có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của người học. Nhà trường ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn ở Trường Đại học Vinh [[H8.08.05.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.05_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh,%20quy%20ch%E1%BA%BF%20HSSV/), các kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác học sinh, sinh viên [[H8.08.05.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.06_An%20ninh%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20h%E1%BB%8Dc/); ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh, sinh viên trường Đại học Vinh [[H8.08.05.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.07_C%E1%BA%A9m%20nang%20HSSV/). Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện tốt các công tác giáo dục pháp luật về an toàn giao thông [[H08.08.05.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.08_KH%20ph%E1%BB%95%20bi%E1%BA%BFn%20ATGT/), công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm [[H08.08.05.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.09_Ph%C3%B2ng%20ch%E1%BB%91ng%20ch%C3%A1y%20n%E1%BB%95/). Trạm Y tế của Trường với đầy đủ cơ sở vật chất có thể thực hiện tốt công tác kiểm tra sức khoẻ và chữa bệnh thông thường cho cán bộ GV, sinh viên. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty môi trường ký hợp đồng với Nhà trường, thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Trường, với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. Đảm bảo an ninh chính trong Nhà trường là đội bảo vệ, do Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ [[H8.08.05.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.10_D%E1%BB%8Bch%20v%E1%BB%A5%20b%E1%BA%A3o%20v%E1%BB%87/).

Để có những phản biện và góp ý tốt, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Theo số liệu thống kê kết quả khảo sát ý kiến của 725 NH vào tháng 02/2020 về cảnh quan, môi trường để cung cấp cho Bộ GD&ĐT, trong đó NH được hỏi về các câu hỏi: "*Q1: Mối quan hệ giữa các sinh viên thân thiện, nhân ái, đoàn kết…*" và "*Q2: Môi trường tự nhiên đầy đủ bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng*". Kết quả khảo sát chỉ ra rằng hầu hết sinh viên được khảo sát rất hài lòng và hài lòng với cảnh quan môi trường của Nhà trường. Đối với sinh viên ngành KTXD được khảo sát, trung bình có 73,0% sinh viên đánh giá ở mức độ “Tốt” (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên), 16,5% sinh viên đánh giá ở mức độ “Khá” (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%) và 7,5% sinh viên đánh giá ở mức độ “Trung bình” (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%) [[H8.08.05.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.11_L%E1%BA%A5y%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20ph%E1%BA%A3n%20h%E1%BB%93i%20t%E1%BB%AB%20ng%C6%B0%E1%BB%9Di%20h%E1%BB%8Dc/).

*2. Điểm mạnh*

Người học có cơ hội học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

*3. Điểm tồn tại*

Bên cạnh những điểm mạnh đã được đề cập, có một vài điểm tồn tại, cần được khắc phục. Đầu tiên, mặc dù hệ thống wifi được phủ rộng khắp với quy mô toàn trường, tuy nhiên vì số lượng người truy cập khá nhiều nên có lúc kết nối không ổn định. Điều này dẫn đến một vài khó khăn trong việc sử dụng mạng internet để phục vụ công tác dạy và học. Bên cạnh đó, công tác tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho SV chưa được khoa, trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Nâng cấp, cải thiện hệ thống wifi để công tác dạy và học được phát huy một cách tối đa.  - Phổ biến đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy theo định kỳ; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch tổng thể tạo môi trường học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cho người học. | TT CNTT  Phòng QT &ĐT | Hằng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục xây dựng cảnh quan môi trường tốt phục vụ cho người học | Phòng QT &ĐT | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

**Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Trường ĐH Vinh được thành lập từ năm 1959, có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh, các chính sách và quy định tuyển sinh ngành KTXD được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện ở nhiều cấp, gồm giảng viên, CVHT, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lí SV, Liên chi đoàn, Liên chi hội, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HVSV với sự giúp đỡ của phần mềm mềm quản lý đào tạo (LMS) và quản lý điểm (CMC) đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học. Nhà trường, khoa/viện có các đơn vị chuyên trách và kiêm nhiệm hỗ trợ các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Các hoạt động này có kế hoạch rõ ràng, được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV. Đa số sinh viên, cựu sinh viên của ngành KTXD được hỏi ý kiến hài lòng về công tác này của Nhà trường, Khoa. Trường và Khoa có môi trường tâm lí xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*Những điểm tồn tại nổi bật của tiêu chuẩn:*

Bên cạnh những điểm mạnh, vẫn còn một số tồn tại, đó là: việc quảng bá tuyển sinh của ngành KTXD chưa thực sự phong phú, các tiêu chí tuyển sinh đầu vào chưa cao, nguồn thí sinh giỏi còn hạn chế.

.

**Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### Mở đầu

Nhà trường và Khoa Xây dựng luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và sinh viên, sinh viên ngành KTXD đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thực hành thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Xây dựng luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn cho sinh viên, sinh viên ngành KTXD.

### Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có Chiến lược về phát triển cơ sở vật chất hiện đại với mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo đồng bộ, hiện đại, từng bước xây dựng khuôn viên thông minh, phù hợp với quy mô và các hình thức đào tạo, NCKH và mô hình quản trị Nhà trường số (*giai đoạn 2022-2025*) và tập trung đầu tư vào hệ thống CNTT phục vụ giảng dạy và quản trị đại học theo hướng Đại học thông minh; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cần thiết (cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, trang thiết bị, ...) để trở thành Trung tâm hệ sinh thái đổi mới sáng tạo khu vực Bắc trung bộ và cả nước (*giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045*). Trên cơ sở Chiến lược phát triển được đề ra, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường [[H9.09.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.02/). Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Nhà trường đã có CSVC hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có CSVC vào tốp đầu của cả nước.

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường lớn và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành, đáp ứng được nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m2, đạt xấp xỉ 15m2/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Trường có 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 75 đến 100 chỗ; 155 phòng học trên 50 chỗ; 16 phòng học đa nhạc, họa; Có tổng 211 phòng làm việc trong đó 197 phòng làm việc của các đơn vị chức năng, 14 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, 1 trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu; 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo; có đầy đủ các thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Trường đã đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (phải đảm bảo quy định tối thiểu 2,8m2/SV).

*Bảng 9.1.1.Thống kê số lượng phòng thực hành – thí nghiệm, phòng học toàn Trường*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở đào tạo** | **DT sàn xây dựng (m2)** | **Số phòng làm việc** | **Số phòng họp** | **Số Hội trường lớn** | **Số phòng học** | **Số phòng, cơ sở, Thí nghiệm, Thực hành** |
| Số phòng |  | 211 | 10 | 10 | 282 | 154 |
| Diện tích  sàn xây dựng (m2) | 191.778 | 11.054 | 413 | 3.026 | 51.054 | 43. 860 |

Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, …) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các phòng làm việc, phòng họp, phòng THTN…được trang bị đầy đủ điện, quạt, điều hòa không khí, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng ... Trong các phòng học, hội trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt hệ thống âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống điều hoà, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera, góp phần đáp ứng tốt cho công tác đào tạo của Trường. Phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.03].

Riêng đối với Khoa Xây dựng có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Khoa đang sử dụng tầng 1 tòa nhà A0 của trường gồm phòng làm việc, phòng của cán bộ quản lý, văn phòng khoa. Đồng thời, Khoa được giao sử dụng phòng B1-101 sinh hoạt chuyên môn của giảng viên. Phòng sinh hoạt chuyên môn của bộ môn cầu đường hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [[H9.09.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.03/).

Về phòng học, ngành KTXD đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho sinh viên chuyên ngành, với số lượng sinh viên 15 SV/ lớp. được bố trí tại các phòng học nhà A, B, D, DN, được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo. Các học phần đặc thù của ngành được bố trí tại phòng thực hành thí nghiệm và thực tế tại công trường xây dựng [[H9.09.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.03/).

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và sinh viên ngành KTXD. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, sinh viên ngành KTXD còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [[H9.09.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.04/).

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [[H9.09.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.04/).

Công tác đầu tư nâng cấp CSVC trong thời gian qua đã đầu tư được 01 công trình Trung tâm khảo thí cao 7 tầng để phục vụ công tác khảo thí, đánh giá kết quả đào tạo; dự án "Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư CSVC, thiết bị hạ tầng CNTT" của Trường Đại học Vinh để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý CSGD phổ thông; Cải tạo sữa chữa công trình nhà học B - Viện Nông nghiệp và Tài nguyên; công trình xây dựng và cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở 2... tính đến nay, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tại các cơ sở của Nhà trường là: 229.150 m2, tỷ lệ 5,99 m2/người học. Cơ sở hạ tầng CNTT, phòng thí nghiệm, thực hành đã được đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*Bảng 9.1.2. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm trang thiết bị và xây dựng cơ bản trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **I** | Chi cho mua sắm trang thiết bị, XDCB | 92.090,37 | 77.879,60 | 21.459,59 | 17.165,44 | 13.114,26 | **221.709,26** |
| **1** | Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị | 10.938,60 | 14.339,60 | 11.458,93 | 9.547,09 | 9.639,95 | **55.924,17** |
| **1.1** | Chi cho CNTT | 9.851,00 | 13.252,00 | 10.642,59 | 7.340,28 | 6.748,35 | **47.834,22** |
| **1.2** | Chi cho MMTB thí nghiệm, thực hành,v.v. | 1.087,60 | 1.087,60 | 816,34 | 2.206,81 | 2.891,61 | **8.089,96** |
| **2** | Chi XDCB | 81.151,77 | 63.540,00 | 10.000,66 | 7.618,35 | 3.474,31 | **165.785,08** |

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành KTXD [[H9.09.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.05/). Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [[H9.09.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.06/). Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [[H9.09.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.07/).

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên và người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành KTXD. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành KTXD của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ giảng viên và người học qua các năm về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu [[H9.09.01.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.08/)

1. *Điểm mạnh* 
   * Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành Kỹ thuật xây dựng.
   * Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành Kỹ thuật xây dựng phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.
2. *Điểm tồn tại*

* Ngành Kỹ thuật xây dựng chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng để phục vụ công tác seminar, sinh hoạt học thuật. Hiện nay, ngành cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

1. *Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn cho GV, SV ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng và các bộ môn/ngành trong Trường Đại học Vinh nói chung | Phòng QT &ĐT  Phòng KHTC | Hằng năm |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng. | Phòng QT &ĐT  Phòng KHTC | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

### Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

*1. Mô tả hiện trạng*

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường. Năm 2009, Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thànhTrung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào[[H9.09.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.01/).

Thư viện cơ sở 1 là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m2, sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1. Thư viện tại cơ sở 2 với diện tích sàn 677 m2, sức chứa khoảng 100 bạn đọc. Thư viện có 1 phòng đọc và 24 bộ máy tính phục vụ nhu cầu học tập. Các phòng/khu trong thư viện được trang bị đầy đủ điện, ánh sáng, quạt, bảng, bàn, ghế, … đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người đọc [[H9.09.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.01/).

Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động. Về cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng thông tin, Thư viện và phòng đọc được trang bị đồng bộ (*chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị in ấn, phần mềm tra cứu, nội quy Thư viện và hướng dẫn tra cứu sử dụng,…*) phù hợp và hệ thống các phòng đọc được kết nối liên hoàn và phủ sóng Wifi, đáp ứng nhu cầu của một thư viện hiện đại.

Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt các chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [[H9.09.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.02/). Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho sinh viên, học viên vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [[H9.09.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.03/).

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học Khoa Xây dựng nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [[H9.09.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.04/).

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [[H9.09.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.04/). Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [[H9.09.02.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.05/).

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành KTXD nói riêng, Khoa Xây dựng và Nhà trường nói chung. Tính đến tháng 10/2024, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành KTXD được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giảng viên và sinh viên, sinh viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành KTXD, tài liệu phục vụ cho chương trình cao học chuyên ngành KTXD cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung [H9.09.02.06].

*Thống kê số lượng sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở đào tạo** | **Số lượng sách tham khảo quốc văn (cuốn)** | **Số lượng sách tham khảo ngoại văn**  **(cuốn)** | **Số lượng đầu báo, tạp chí chuyên ngành** | **Số lượng Luận văn ThS và ĐH** | **Số lượng đề tài NCKH** | **Số lượng sách điện tử** |
| Trung tâm TT-TV NTH | 17.340 | 10.056 | 64 | 25.334 | 142 | 25.935 |

Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu…) [[H9.09.02.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.07/).

*Thống kê tình hình chi mua sách và giáo trình của Trường*

*(đơn vị tính: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng 5 năm** |
| Kinh phí mua tài liệu giáo trình của thư viện | 2220.42 | 536.55 | 854,26 | 599,21 | 607,22 | **4.817,66** |

Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [[H9.09.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.08/).

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [[H9.09.02.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.08/). Nguồn học liệu của thư viện được quản lí bằng phần mềm quản lí thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, … Ngoài ra, nhằm tăng cường khả năng hợp tác, trao đổi thông tin và kết nối, thư viện Trường đã tích cực tham gia các tổ chức, Hiệp hội nghề nghiệp như Liên hiệp thư viện Việt Nam, liên kết với các Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân. [[H9.09.02.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.09/).

Hằng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [[H9.09.02.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.10/). Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giảng viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo Khoa Xây dựng cho thấy giảng viên, sinh viên, sinh viên thuộc Khoa Xây dựng hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [[H9.09.02.11]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.11/).

*2. Điểm mạnh*

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên.

- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

*3. Điểm tồn tại*

- Giáo trình, tài liệu bằng tiếng Anh phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, SV Khoa ... chưa đa dạng và cập nhật.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Ngoài giáo trình, tài liệu bằng tiếng Anh phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. | Trung tâm TTTV  Khoa Xây dựng | Hằng năm |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục cập nhật ý kiến của giảng viên, người học để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo.  - Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, giảng viên, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất. | Trung tâm TTTV  Khoa Xây dựng | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

### Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

*1. Mô tả hiện trạng*

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [[H9.09.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.01/).

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, người học trong công tác NCKH, chuyển giao công nghệ và kỹ năng thực hành, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Nhà trường trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [[H9.09.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.02/). Hiện nay, toàn trung tâm THTN có có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THTN/người học là 4,48m2/người. Sinh viên có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa. Tất cả các ngày trong tuần đều mở cửa, kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật. Hầu hết các đơn vị đều bố trí thời khóa biểu và các lịch học thí nghiệm, thực hành, làm NCKH theo hướng khai thác tối đa công suất sử dụng các phòng học, phòng TN-TH [[H9.09.03.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.03/).

Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng Trung tâm đào tạo thực hành Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 tòa nhà điều hành của trường dành cho sinh viên khối ngành kinh tế. Nhà trường cũng đã đầu tư xây dựng Trung tâm thực hành pháp luật tại nhà A0; Phòng xử án mô phỏng tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Tất cả đều được trang bị tài liệu và cơ sở vật chất gồm máy lạnh, máy chiếu, bàn ghế, tủ tài liệu, các trang thiết bị văn phòng phẩm,… đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của sinh viên [[H9.09.03.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.03/).

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của đào tạo và NCKH của người học. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học. Hệ thống phòng học được quản lí sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [[H9.09.03.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.03/).

Trung tâm THTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [[H9.09.03.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.04/).

Tại các phòng học, phòng TH-TN đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm TH-TN còn được công khai trên Website của đơn vị. Bên cạnh đó, Trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị của các Phòng TH-TN. Qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, công tác điều hành kế hoạch giảng dạy hợp lý nên các phòng phòng TH-TN được khai thác tối đa công suất sử dụng khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [[H9.09.03.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.05/).

Các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường luôn được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng, cập nhật và nâng cấp hàng năm theo kế hoạch của nhà trường để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình. Cuối mỗi năm học P.QT và ĐT phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo gửi về HĐQT và BGH, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH. Vào đầu năm học, P.QT và ĐT  thông báo cho các đơn vị lập Báo cáo tổng kết CSVC, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế,… năm học cũ và lập kế hoạch trang bị CSVC, vật tư TH-TN, in ấn, văn phòng phẩm, dự án đầu tư trang thiết bị cho năm học mới. Về phía, Trung tâm TH-TN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ TH-TN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [[H9.09.03.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.06/).

*Bảng 9.3.1. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm máy móc, thiết bị và và sửa chữa trang thiết bị trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **1** | Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị | 10.938,60 | 14.339,60 | 11.458,93 | 9.547,09 | 9.639,95 | **55.924,17** |
| **2** | Chi cho MMTB thí nghiệm, thực hành,v.v. | 1.087,60 | 1.087,60 | 816,34 | 2.206,81 | 2.891,61 | **8.089,96** |

Hệ thống phòng thực hành thí nghiệm được quản lý bởi đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm chuyên nghiệp, có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị đáp ứng đủ các yêu cầu về hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động cộng đồng. Hiện nay, tại Trung tâm TH-TN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THTN. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [[H9.09.03.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.07/).

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THTN cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THTN, Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng THTN và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến NH về khóa học đối với các HP sử dụng phòng THTN luôn được Nhà trường, Khoa phân tích, đánh giá và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời. Điều này đánh giá được những nỗ lực của Trường và Khoa trong việc tích cực xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp phòng THTN trong những năm qua nhằm đáp ứng tốt hiệu quả sử dụng CSVC và thực hiện theo Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường [[H9.09.03.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.08/).

*2. Điểm mạnh*

- Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

* + Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành Kỹ thuật xây dựng phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

*3. Điểm tồn tại*

Một số máy tính và thiết bị thí nghiệm đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và SV.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Rà soát các máy tính đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT. | Hằng năm |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT  Trung tâm THTN | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

### Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

*1. Mô tả hiện trạng*

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trường đại học Vinh thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến và sáp nhập Trung tâm CNTT vào Viện để giao nhiệm vụ phụ trách công tác CNTT của toàn Trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm CNTT, website đơn vị [https://vienncdttt.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-cong-nghe-thong-tin.](%20https://vienncdttt.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-cong-nghe-thong-tin.%20)  Viện NC&ĐTTT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống CNTT; quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường (website: https://vinhuni.edu.vn/); tổ chức đào tạo trực tuyến (e-Learning) và đào tạo từ xa. Trung tâm CNTT của Trường cùng với các đơn vị chức năng xây dựng phần mềm quản lý tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn trường để đảm bảo công tác quản lý, kiểm kê, thanh lý tài sản hàng năm đúng quy định. Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lí mới của Nhà trường [[H9.09.04.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.01/).

Trường nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và tác động của công nghệ thông tin sẽ làm thay đổi, nâng cao năng suất lao động, đồng thời quyết định sự thành công trong công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý các trình độ đại học cũng như sau sau đại học thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, Nhà trường xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý.

Nhà trường đầu tư và cung cấp đầy đủ thiết bị CNTT cho công tác giảng dạy đào tạo, NCKH của Trường và hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Nhà trường đầu tư đang hoạt động rất hiệu quả. Trường hiện có hơn 2.600 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [[H9.09.04.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.02/).

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lí để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lí của trường (quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lí của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lí để quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành KTXD trình độ ĐH nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lí bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lí. Các dữ liệu về quản lí nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, hệ thống dạy - học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành [[H9.09.04.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.03/).

Nhà trường sử dụng các hệ thống như Google Classroom, hoặc Microsoft Teams để quản lý học tập, giao bài tập và chấm điểm trực tuyến. Các tài liệu học tập số hoá giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận bài giảng, tài liệu tham khảo và hướng dẫn thực hành.

Về các phần mềm chuyên ngành: Sinh viên và giảng viên sử dụng các phần mềm thiết kế và tính toán như AutoCAD, Revit, SAP2000, ETABS, Tekla Structures, Plaxis, ANSYS,…

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [[H9.09.04.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.04/).

Trường Đại học Vinh quản lý, theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [[H9.09.04.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.05/).

Nhà trường có quy định quản lý, khai thác sử dụng hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [[H9.09.04.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.06/). Hệ thống CNTT của trường hàng năm được lập kế hoạch về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp nằm trong kế hoạch mua sắm, sửa chữa như: Triển khai các dịch vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng, nâng cấp phần cứng để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý đào tạo và bồi dưỡng.

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và định hướng phát triển của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch về công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực CNTT và được tập hợp trong Kế hoạch đầu tư CSVC hàng năm. Dựa trên kế hoạch này Nhà trường đã thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị, phần mềm CNTT. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị liên quan đến CNTT đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tất cả đều có hồ sơ cung cấp, lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế [[H9.09.04.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.07/).

Kế hoạch trung hạn được giao cho Viện NC&ĐTTT và Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính. Lập danh mục trang thiết bị, xây dựng hồ sơ pháp lý, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, đường truyền internet, hệ thống wifi; các phòng học trực tuyến, hệ thống máy tính, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành và các thiết bị khác phục vụ quản lý, đào tạo và NCKH; trung tâm dữ liệu, hệ thống học liệu được quản lý nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đáp ứng yêu cầu của giảng viên và người học. Toàn trường có 33 máy chủ vật lý và các máy chủ ảo hóa khác Windows Server 2012: 11 máy; Windows Server 2019: 48core; SQLServer 2014: 1 máy; SQLServer 2016: 3 máy; SQLServer 2017: 2 máy [5.13.3.5]. Hệ thống đường truyền cơ sở 1: 1 đường Leased line, tốc độ 340Mbps và 2 đường FTTH, tốc độ mỗi đường 350Mbps; Cơ sở 2: 3 đường GTTH với Viettel, tốc độ mỗi đường 60Mbps; có 2620 máy tính [[H9.09.04.08]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.08/).

*Bảng 9.4.1.Thống kê số liệu máy chủ phục vụ quản lý, đào tạo, NCKH của Trường Đại học Vinh*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tài sản** | **Tên tài sản** | **Ngày tăng** | **Số lượng** |
| 1 | 02701.03.030000.001 | Máy chủ IBM X3500M4 | 02/01/2018 | 1 |
| 2 | 03901.01.031000.001 | Máy chủ CSDL Dell ™ PowerEdge ™ R630 Rack Mount Server - 186C1H2 -2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 3 | 04301.01.031001.007 | Máy chủ-Dell PowerEdge R730 Server 2016 | 20/09/2016 | 1 |
| 4 | 04301.02.030000.002 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 5 | 04301.04.030000.074 | Máy chủ cơ sở dữ liệu: HP ProLiant DL 360 | 01/01/2012 | 1 |
| 6 | 04301.04.030000.075 | Máy chủ cơ sở dữ liệu: HP ProLiant DL 360 | 01/01/2012 | 1 |
| 7 | 04801.00.030000.028 | Máy chủ HP ProLiant DL380 G6 | 01/01/2012 | 1 |
| 8 | 04801.02.030000.001 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 9 | 04801.02.030000.002 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 10 | 04801.02.030000.003 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 11 | 04801.02.030000.004 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 12 | 04801.02.030000.005 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 13 | 04801.02.030000.006 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 14 | 04801.02.030000.007 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 15 | 04801.02.030000.008 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 16 | 04801.02.030000.009 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 17 | 04801.02.030000.184 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 18 | 04801.02.030000.185 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 19 | 04801.02.030000.186 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 20 | 04803.01.031001.009 | Hệ thống máy chủ (ảo hóa thành các máy chủ ứng dụng: Web, DNS …, máy chủ CSDL) Dell PowerEdge | 22/04/2016 | 3 |
| 21 | 04803.01.031001.010 | Máy chủ sao lưu dữ liệu (Backup) Dell PowerEdge R630 2016 | 22/04/2016 | 1 |
| 22 | 04805.01.031000.002 | Máy chủ CSDL Dell ™ PowerEdge ™ R630 Rack Mount Server - 18451H2 -2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 23 | 04805.01.031000.003 | Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 17Y61H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 24 | 04805.01.031000.004 | Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 17XB1H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 25 | 04805.01.031000.005 | Máy chủ CacheDell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 18W71H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 26 | 04805.01.031000.020 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 27 | 04805.01.031000.021 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 28 | 04805.01.031000.022 | Máy chủ Rack 4U Lenovo Think System x3850X5 -GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 29 | 04805.01.031001.001 | Máy chủ Application-Dell PowerEdge R730 Server 2016 | 30/09/2017 | 1 |
| 30 | 04805.14.031500.609 | Máy chủ ứng dụng + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 31 | 04805.14.031500.610 | Máy chủ CSDL + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 32 | 04805.14.031500.611 | Máy chủ CSDL + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 33 | 04805.15.030000.068 | Máy chủ | 23/12/2021 | 2 |
| 34 | 04808.01.031000.001 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 35 | 06201.00.030000.018 | Máy chủ HP DL380G5 E5420 | 30/12/2014 | 1 |
| 36 | 06501.01.031001.001 | Máy chủ Dell PowerEdge R730 Server | 14/12/2016 | 1 |
| 37 | 08203.01.030701.088 | Máy chủ server Dell PowerEdge T320-Chassis 2018 | 15/01/2018 | 1 |
| 38 | 08203.01.030701.089 | Máy chủ server Dell PowerEdge T320-Chassis 2018 | 15/01/2018 | 1 |
| 39 | 09102.15.030000.045 | Máy chủ | 23/12/2021 | 2 |
| 40 | 10218.10.030000.021 | Máy chủ Hãng SX: IBM TN 411 Lê Thị Thu Hiệp | 30/12/2021 | 1 |
| 41 | 10505.00.030000.001 | Máy chủ IBM X3500M4 | 30/12/2021 | 1 |

Căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch hàng năm của các đơn vị, Viện NC&ĐTTT, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện lập hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng, bảo trì, sửa chữa thay thế. Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT; Viện NC&ĐTTT lên kế hoạch kế hoạch đầu tư, sửa chữa bảo trì, nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết CNTT.

*Bảng 9.4.2. Bảng tổng hợp chi cho công nghệ thông tin trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **1** | Chi cho CNTT | 9.851,00 | 13.252,00 | 10.642,59 | 7.340,28 | 6.748,35 | **47.834,22** |

Các hoạt động bảo trì về CNTT thường xuyên được thực hiện, bao gồm hệ thống sever máy chủ, điều hòa, phòng cháy chữa cháy, đèn, lưu điện, phòng trung tâm dữ liệu, bảo trì website, trang thiết bị máy tính phòng làm việc...[[H9.09.04.09]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.09/). Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đáp ứng ngày càng tốt hơn cho các nhu cầu.

Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan khác về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Qua khảo sát cho thấy ý kiến các bên liên quan đều hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH, công tác quản lý của Nhà trường và hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Khoa Xây dựng cũng như của ngành KTXD, qua đó, Nhà trường có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên [[H9.09.04.10]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.10/).

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

*3. Điểm tồn tại*

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.

- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và người học.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục điểm  tồn tại | - Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm.  - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường. | Trung tâm CNTT | Hằng năm |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT | Trung tâm CNTT | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

### Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

*1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về môi trường, sức khỏe, an toàn trong cơ sở giáo dục của các Bộ, ngành liên quan (Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/07/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Thông tư 10/2016 của Bộ GD&ĐT về công tác SV,…) [[H9.09.05.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.01/), Trường đã cụ thể hóa thành các nội quy, quy chế để đảm bảo các tiêu chuẩn về cảnh quan môi trường sư phạm như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHV; Quy chế dân chủ Trường ĐHV; Quy chế học sinh, sinh viên Trường ĐHV; Cẩm nang học sinh, sinh viên; Quy định về sử dụng các trang thiết bị CSVC; Quy định về nội quy giảng đường, phòng làm việc, nội quy sử dụng các phòng thực hành; Quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; Quy định về công tác đảm bảo anh ninh trật tự trường học và KTX; Quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với nhà ăn của Trường, v.v [[H9.09.05.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.02/).

Các nội quy, quy chế về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được Trường lập kế hoạch và triển khai thực hiện. Cụ thể:

- Về cảnh quan môi trường: Trường đã trồng nhiều cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho người học; ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh sạch sẽ các phòng học và phòng làm việc trước và sau mỗi buổi học [[H9.09.05.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.03/); thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh cho giảng viên và sinh viên.

- Về văn hóa, văn nghệ, thể thao: Trường có cơ sở hạ tầng hỗ trợ tốt cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao gồm có: 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV với tổng diện tích 35.000m2, 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học.

- Về chăm sóc sức khỏe: Trường có Trạm Y tế với diện tích mặt bằng là 505 m2, diện tích sử dụng 360 m2, đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên và cán bộ. Đến tháng 9/2024, Trạm Y tế gồm có 10 cán bộ, trong đó có 2 bác sĩ, 4 y sĩ, 4 y tá đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho sinh viên, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh,…. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Sinh viên ngành KTXD được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Trường đều tiến hành công tác phun thuốc khử khuẩn, phòng dịch bệnh vào thời điểm giao mùa hoặc khi có dấu hiệu dịch đột xuất. Để kịp thời ứng phó khi dịch bệnh xảy ra, Trường đã ban hành các thông báo hướng dẫn đơn vị, VC, NH thực hiện công tác phòng chống dịch. Khi dịch Covid - 19 xảy ra, Trường đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo phòng chống Covid - 19, kịp thời có các biện pháp chỉ đạo ứng phó với diễn biến của tình hình dịch bệnh. Trạm Y tế lên kế hoạch trình Ban Giám hiệu ký duyệt, đồng thời kết hợp với các đơn vị chức năng để phát hiện, tuyên truyền sâu rộngtới VC vàNH. Trạm Y tế là đầu mối, thường xuyên cung cấp một số thuốc cơ bản như: oresol, biseptol, paracetamol, cloraminB, NaCl 0,9%, nước rửa tay sát khuẩn, để kịp thời ứng phó với các dịch bệnh.Đối với công tác quản lý và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại Nhà ăn, Trường thường xuyên lưu mẫu nấu ăn hằng ngày, được cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong 5 năm qua, Nhà ăn của Trường không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm đối với GV và NH [[H9.09.05.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.04/).

Về ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn: Trường đã triển khai các đợt tập huấn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học và các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp [[H9.09.05.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.05/). Trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ và điều động người học tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ. Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Trường luôn được đảm bảo và thực hiện đầy đủ [[H9.09.05.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.06/).

Về an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học: Trường đã kí hợp đồng với Công ty vệ sĩ triển khai đội Bảo vệ chuyên nghiệp, bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh [H9.09.05.07]; phối hợp cùng công an phường Bến Thủy, Trường Thi và Trung Đô trong công tác đảm bảo an ninh trường học. Trường đã tổ chức các hội nghị tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác người học; thành lập ban chỉ đạo công tác an ninh trường học Trường ĐHV [H9.09.05.08]; tổ chức giáo dục pháp luật về an toàn giao thông cho người học [H9.09.05.09]; phát động phong trào “*Bình yên mái trường, giảng đường hội nhập*” để nâng cao ý thức của GV và người học.

Để nâng cao chất lượng, Trường đã định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả khảo sát trong các năm học trong giai đoạn đánh giá về môi trường và an ninh an toàn trong trường học đều đạt trên 90% mức hài lòng và rất hài lòng, điều đó chỉ ra rằng người học rất hài lòng về môi trường học tập, nghiên cứu và rèn luyện. Điều này có được là do Trường đã có những biện pháp để cải thiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn để phục vụ giảng viên, cán bộ hô trợ và sinh viên ngày một tốt hơn [H9.09.05.10].

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khoẻ cho GV và SV ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng và toàn trường nói chung.

*3. Điểm tồn tại*

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. | Trạm y tế | Hằng năm |  |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe. | Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

## Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng, bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành Kỹ thuật xây dựng. Điểm tồn tại đó là một số máy tính, thiết bị thí nghiệm phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và các phòng thực hành thực tập cho sinh viên kỹ thuật.

**Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

**Mở đầu**

Hiện nay, Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống trực tuyến thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan. Ngoài ra, Nhà Trường đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, áp dụng công nghệ thông tin, bài giảng Elearning giúp người học tập chủ động.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

*1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lí, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT. Trường đã huy động hầu hết các nhà khoa học, cán bộ quản lí đào tạo và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo qui trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình [[H10.10.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.01/)].

Năm học 2021-2022, Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng theo tiếp cận CDIO. Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và năng lực cho từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học về kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó [[H10.10.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.02/). Việc lấy ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, chuyên gia trong lĩnh vực, nhà sử dụng lao động), thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy trong quá trình xây dựng CTDH đã được nhà trường tổ chức thực hiện, giao phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý [[H10.10.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.03/)]. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng đã nhận được ý kiến phản hồi của 30 nhà tuyển dụng, 10 chuyên gia giáo dục tại các trường đại học khối xây dựng trên cả nước. Ý kiến của các bên liên quan là cơ sở dữ liệu phản hồi được lựa chọn, xử lý là căn cứ quan trọng trong việc thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển chuẩn đầu ra, khung CTDH đối với ngành đào tạo Kỹ thuật xây dựng [[H10.10.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.04/)].

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTDH được thực hiện định kì có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV. Trong giai đoạn 2019 - 2022, CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng đã được điều chỉnh 2 lần (năm 2018, 2021). Lần điều chỉnh năm 2018 theo hướng nâng cao tỷ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho sinh viên bằng việc điều chỉnh tỉ lệ lý thuyết, thực hành, bài tập trong các học phần. Lần điều chỉnh năm 2021 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc xây dựng các học phần chung giữa các ngành được thực hiện từ khóa đào tạo 62. Trong lần điều chỉnh này, CTDH cũng được cập nhật lại nội dung chuẩn đầu ra, khung chương trình, đề cương chi tiết phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp trong giai đoạn này, ngoài ra trong công tác tổ chức dạy học theo đề cương học phần được thiết kế dựa trên phương pháp dạy học dự án, áp dụng các bài giảng E-learning trong tất cả các học phần giúp sinh viên tiếp cận kiến thức chủ động và linh hoạt hơn. [[H10.10.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.05/). Trong giai đoạn 2018-2021, chương trình đào tạo ngành KTXD Trường Đại học Vinh đã tham khảo chương trình đào tạo cùng chuyên ngành tại trường Đại học xây dựng Hà Nội, trường đại học Xây dựng dân dụng và công nghiệp Hà Nội, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn này, những nội dung được tham khảo, tích hợp đưa vào chương trình dạy học ngành KTXD được điều chỉnh: giảng viên ghi âm các bài giảng SCORM, đăng tải lên hệ thống Elearning, người học vào học tập phần ghi âm bài giảng trên hệ thống trước các nội dung cơ bản ở mức độ biết và hiểu. Tại lớp học giảng viên và người học sẽ cùng nhau tương tác, trao đổi để người học đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ ở cấp độ: vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp. Nội dung của chương trình dạy học năm 2021 đã được cập nhật, điều chỉnh so với phiên bản 2018: tại mỗi học kỳ sẽ bao gồm các học phần dự án, học phần đồ án, các học phần đồ án dự án có sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp để cùng nhau hình thành ý tưởng đầu vào, thiết kế sản phẩm, tổ chức thực hiện các dự án, đưa dự án vào sử dụng. Quá trình đánh giá các dự án này sẽ bao gồm phần đánh giá của doanh nghiệp và phần đánh giá của giảng viên, sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn là xu thế tất yếu để nâng cao chất lượng đào tạo.

Hàng năm, thông qua việc tổ chức thực tập thực tế cho sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng , các phản hồi của sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTDH là các tư liệu để nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTDH [[H10.10.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.06/)].

Đối với sinh viên đang học, Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học tập tại khoa về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTDH định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên. Hầu hết sinh viên hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lí của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [[H10.10.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.07/)].

Bên cạnh đó, hàng năm Khoa tổ chức hội nghị học tốt cho sinh viên, các hội nghị trao đổi kinh nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy và mời các chuyên gia, nhà tuyển dụng từ các doanh nghiệp báo cáo chuyên đề. Từ các hội nghị này Khoa đã nhận được nhiều ý kiến của nhà tuyển dụng về yêu cầu thực tiễn trong công tác tuyển dụng sinh viên sau tốt nghiệp [[H10.10.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.08/)].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTDH trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng và làm căn cứ phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [[H10.10.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.09/)]. Đó cũng chính là cơ sở dữ liệu phản hồi được lựa chọn và xử lý.

*2. Điểm mạnh*

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm.

Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên.

*3. Điểm tồn tại*

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Tiến hành xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT.  - Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo. | - Phòng CT CTHSSV;  - TT ĐBCL;  - TT DV, hỗ trợ SV và QHDN  - Khoa Xây dựng | 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát. | - Phòng Đào tạo;  - TT DV, hỗ trợ SV và QHDN  - Bộ phận ĐBCL Khoa | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTDH được thiết lập theo “Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT” được ban hành theo QĐ số 2382 ngày 04/09/2019 [[H10.10.02.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EmZs-QD_D9FPjmF35BMJ2FQB49uRW88ah4EcOYuaOob4UA?e=hb5NfT)] và được cải tiên trong “ Bộ chuẩn đảm bảo chất lượng CTĐT phiên bản 1.0” được ban hành năm 2023 theo QĐ số 2596 của trường Đại học Vinh năm 2023.[[H10.10.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.02/)]

Trong QĐ 2382 tại điều 3 quy đinh quy trình xây dựng CTĐT gồm có 7 bước. Cụ thể:

Bước 1: Thành lập tổ soạn thảo CTĐT

Bước 2: Xây dựng dự thảo CTĐT

Bước 3: Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan

Bước 4: Hoàn thiện chương trình đào tạo lần thứ nhất

Bước 5: Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết các học phần

Bước 6: Tổ chức hội thảo hoàn thiện dự thảo..

Bước 7: Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CTĐT

Tại điểu 5 QĐ 2382 quy định quy trình cập nhật, đánh giá và phát triển CTĐT gồm 5 bước.

Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật đánh giá CTĐT.

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan

Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá

Bước 4: Dự thảo về nội dung cần sửa đổi…

Bước 5: Hội đồng khoa học xem xét và thông qua nội dung sửa đổi.

Năm 2023 quy trình được cải tiến thể hiện qua Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT 1.0. trong đó quy trình có các bước hướng dẫn chi tiết cụ thể hơn.

+ Xây dựng mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mạng tầm nhìn, với mục tiêu giáo dục đại học (3 bước).

+ Xây dựng CĐR phù hợp với sứ mạng tầm nhìn, phù hợp với mục tiêu của CTĐT và được đối sánh với đề cương CDIO, đối sánh với khung năng lực quốc gia 1982 và chuẩn nghề nghiệp (nếu có) và (gồm 7 bước) thể hiện mức độ quan trọng trong việc xây dựng CĐR để làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH.

+ Xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB.

+ Xây dựng bảng phân nhiệm cho PLO cho các CLO của học phần được thiết kế chi tiết hơn đến các CLO của từng chương trong học phần.

+ Thiết kế đề cương chi tiết học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class).

+ Xây dựng các rubric đánh giá người học theo CĐR và được thiết kế chi tiết hơn qua kết quả đánh giá bao gồm điểm số và điểm năng lực của CĐR

*2. Điểm mạnh*

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Nhằm phục vụ việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được tiến hành hiệu quả. Trường Đại học Vinh đã tiến hành các đợt tập huấn chung cho toàn trường. [[H10.10.02.0](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EmZs-QD_D9FPjmF35BMJ2FQB49uRW88ah4EcOYuaOob4UA?e=hb5NfT)1].

*3. Điểm tồn tại*

Thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn một số điểm tồn tại sau:

Việc xây dựng bảng phân nhiệm các PLO cho các CLO cho các học phần được giảng dạy chung cho toàn trường còn khó khăn.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Cần có sự sự kết hợp giữa các ngành đào tạo riêng và các ngành đào tạo các học phần chung toàn trường để đưa ra bảng phân nhiệm PLO cho các CLO những học phần này một cách hợp lý. | - Phòng Đào tạo  - Khoa Xây dựng | 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Tiến hành rà soát, điều chỉnh việc bổ sung các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong các học phần phù hợp. | - Phòng Đào tạo;  - Bộ phận ĐBCL Khoa | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng và chặt chẽ, như: (1) Các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học và (2) Công tác triển khai rà soát, đánh giá đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học.

Thứ nhất, các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học. Theo đó, Nhà trường có quy định cụ thể về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập gồm các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR, các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học [[H10.10.03.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Egca4xvcOEVLoXmZFJtEkfABHMDCIbd6jRBMSDPUARHSfw?e=vuzo1B)]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá hồ sơ học phần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số điểm. Theo quy định, Giảng viên phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Một số học phần được tổ chức thi đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ theo hình thức Test online. Về quy trình chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp: (1) Trợ lý đào tạo của Khoa thu báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên, đồng thời yêu cầu nộp nhận xét của đơn vị thực tập về sinh viên thực tập; (2) Khoa và Bộ môn phân công cán bộ chấm thi 1 là giáo viên hướng dẫn và 1 cán bộ nữa là giáo viên chấm phản biện;(3) Cán bộ chấm rà soát và tổng hợp điểm của các báo cáo thực tập; (4) Bộ phận văn phòng vào điểm và công bố điểm cho sinh viên; (5) Phòng Thanh tra - Pháp chế và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra xác suất việc cho điểm cũng như quá trình vào điểm của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên [[H10.10.03.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.04/).

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần ngân hàng đề thi mới và rà soát ngân hàng đề thi cũ (các môn tự luận), trong thời gian quy định, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi đã rà soát cho Trưởng Bộ môn, sau đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được giảng viên rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Lịch thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu. Vì vậy trên cơ sở đó, giảng viên dạy phải nộp điểm chuyên cần, giữa kỳ cho bộ phận văn phòng vào điểm.

Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm (PLO) chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo; mỗi học phần xây dựng đề cương chi tiết có kèm theo các hình thức đánh giá, xây dựng các Rubric đánh giá bám sát các mục tiêu học phần. Cách thức đánh giá bám sát theo các mục tiêu của thang đo Bloom được phân nhiệm trong mỗi học phần. Đối với kiểm tra đánh giá giữa kỳ thực hiện việc đánh giá theo trắc nghiệm khách quan mới 3 mức của thang đo Bloom (Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng), đánh giá cuối kỳ thực hiện cả 5 mức của thang đó Blooom (Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo). Tỷ lệ phần trăm giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát chuẩn đầu ra của học phần [[H10.10.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.04/)].

Thứ hai, Công tác triển khai rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch đề ra và “các quy định về kiểm tra, đánh giá” Nhà trường và Khoa thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR như:

Trên cơ sở kế hoạch của năm học được phê duyệt về kế hoạch dự giờ thăm lớp, kế hoạch giám sát kiểm tra mà Khoa và giảng viên phải thực hiện. Nhà trường thực hiện rà soát đề cương chi tiết môn học và thanh tra bài giảng của giảng viên, giám sát hoạt động giảng dạy của giảng viên. Mỗi học kỳ, Khoa Xây dựng thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trưởng Bộ môn, Quản lý học sinh sinh viên, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của sinh viên cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá. Bộ môn Xây dựng DD&CN đã tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần giảng dạy trong CTĐT nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên [[H10.10.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.02/)].

Hằng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra/thi [[H10.10.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.02/)].

Ngoài ra, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo và các Khoa đào tạo trong trường tổ chức các hội thảo, seminar trao đổi về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng CTCT-HSSV của Nhà trường đều phối hợp cùng Khoa Xây dựng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được sinh viên đánh giá ở mức độ tốt [[H10.10.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.03/)]. Ngoài ra, thực hiện khảo sát các bên liên quan nhằm thu thập thông tin đánh giá chất lượng đào tạo, qua đó, có những điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Sự phối hợp giữa Trung tâm Đảm bảo chất lượng với Phòng Đào tạo và các Khoa đào tạo trong trường tổ chức các hội thảo, seminar bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá được nhà trường tổ chức định kỳ, thường xuyên tại hội trường nhà A0 Trường Đại học Vinh với sức chứa gần 1000 chỗ ngồi cho toàn bộ giảng viên toàn trường, cán bộ phòng ban cùng tham gia. Các hội thảo, seminar bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá được nhà trường đăng rộng rãi trên hệ thống lịch tuần, thuộc hệ thống trang chủ Trường Đại học Vinh https://vinhuni.edu.vn.

*2. Điểm mạnh*

Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất, chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Khoa Xây dựng chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Xây dựng DD&CN đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

*3. Điểm tồn tại*

Việc rà soát việc sao chép tài liệu nội dung từ các đồ án mẫu chưa được thực hiện triệt để ở nhiều các đồ án học phần.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CĐR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện**  **/hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Thực hiện rà soát, nội dung trong các bài báo cáo của SV | Khoa Xây dựng | 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên hơn nữa để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra | - Phòng CTCT HSSV;  - Bộ phận ĐBCL Khoa | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

*1. Mô tả hiện trạng*

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản góp phần cải tiến việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện mở rộng, hiểu biết nhiều hơn những kiến thức từ chuyên ngành khác. Bởi, khi tham gia NCKH sẽ giúp giảng viên lựa chọn thông tin, kiến thức, bổ sung thêm lượng kiến thức mới để hoàn thiện những kiến thức của chính mình. NCKH giúp giảng viên mở rộng được vốn kiến thức của mình và vận dụng những kiến thức lý luận ấy vào trong thực tiễn giảng dạy. Đồng thời NCKH còn giúp cho người giảng viên có được phong cách và phương pháp làm việc khoa học, đặt các vấn đề trong một khung tác động đa chiều với cách nhìn khách quan, chính xác. Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy - học: Hoạt động NCKH tại Trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua Chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường [[H10.10.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.01/)]. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo, Nhà trường và Khoa Xây dựng đã có các quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của giảng viên và SV. Định kỳ hàng năm, giảng viên và SV của khoa thực hiện các hoạt động nghiên cứu, có đề tài khoa học tham gia hội nghị khoa học cấp trường đạt giải cao. Cùng giảng viên NCKH, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc học tập của mình. Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy - học [[H10.10.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.03/)] [[H10.10.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.04/)]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của giảng viên và người học trong toàn trường [[H10.10.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.03/)] [[H10.10.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.04/)]. Hằng năm, giảng viên Khoa Xây dựng luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế uy tín, tổ chức các buổi seminar về phương pháp tổ chức dạy học và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp cho SV; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những giảng viên, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [[H10.10.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.03/)]. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn gắn với việc dạy và học. Các hoạt động NCKH được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, của Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và số lượng lớn báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành trong nước và tạp chí uy tín trên thế giới thuộc danh mục ISI/Scopus. Số lượng và các dạng công trình nghiên cứu của giảng viên trong 5 năm học vừa qua [[H10.10.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.01/)] thống kê cụ thể theo bảng 10.1. Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng để đưa vào nội dung giảng dạy cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu. [[H10.10.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.03/)].

**Bảng 10.4.1. Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập ngành KTXD năm 2019-2024**

| **STT** | **Tên đề tài** | **Năm** | **Chủ nhiệm đề tài** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức *Kiến thức Cơ học* theo tiếp cận CDIO | 2019 | TS. Lê Thanh Hải |
| 2 | Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức *Kiến thức Kết cấu thép* theo tiếp cận CDIO | 2019 | TS. Nguyễn Trọng Hà |

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) [[H10.10.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.02/)].

Hàng năm, trường định kì tổ chức hội nghị giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học [[H10.10.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.04/)] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH. Nội dung các đề tài NCKH của sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo nhằm giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng khoa học và đào tạo khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH SV cấp trường. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. Các đề tài của Khoa Xây dựng trong hai năm gần đây đều đạt giải Nhất trong hội nghị NCKH SV toàn trường.

Bên cạnh vai trò của hoạt động NCKH đối với sinh viên, NCKH có một vai trò quan trọng đối với chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Cụ thể hoạt động NCKH một mặt làm sáng tỏ vấn đề lý luận, mặt khác, thông qua hoạt động NCKH giúp mỗi giảng viên củng cố và mở rộng kiến thức chuyên môn, nâng cao nhận thức về kỹ năng phương pháp nghiên cứu. Hoạt động nghiên cứu thực tế giảng viên gắn lý luận với thực tiễn; từ đó khắc phục những thiếu hụt về kiến thức thực tiễn của giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

**Bảng 10.4.2. Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập ngành KTXD năm 2024 (của sinh viên)**

| **STT** | **Tên đề tài** | **Năm** | **Nhóm sinh viên** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đánh giá thực trạng sự suy giảm chất lượng các công trình xây dựng bê tông cốt thép ở khu vực bắc trung bộ nhiễm clorua và sunfat | 2024 | Nguyễn Thị Ngọc |
| 2 | Nghiên cứu ứng dụng phương pháp ma trận để giải các bài toán cân bằng tĩnh học | 2024 | Phan Văn Đức |
| 3 | Nghiên cứu phương pháp quan trắc chuyển vị tường trong đất khi thi công hố đào bằng phương pháp đào mở | 2024 | Nguyễn Tuấn Vũ |

*2. Điểm mạnh*

Khoa Xây dựng có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành Kỹ thuật xây dựng. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

*3. Điểm tồn tại*

Hoạt động sinh viên NCKH chưa được triển khai đồng đều, chưa có kế hoạch chiến lược cụ thể. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh còn ít.

Chính vì vậy, sự đóng góp của NCKH cho hoạt động dạy và học chưa bao phủ đầy đủ các lĩnh vực của ngành nghề.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện/**  **hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Hình thành các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.  - Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động sinh viên NCKH | Khoa Xây dựng | 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Có chính sách khuyến khích, tạo động lực trong NCKH đối với các NCKH (viết bài đăng tạp chí Quốc tế có chỉ số ISI, SCI và Scopus, hội thảo khoa học bằng tiếng Anh, …)  - Tăng cường các nghiên cứu ứng dụng, gắn với thực tiễn của địa phương. | - Trường Đại học Vinh,  - Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập đã và đang được Nhà trường đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học là Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào; Trung tâm Dịch vụ; Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo; Trung tâm Công nghệ thông tin; Bộ phận một cửa. [[H10.10.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.01/)].

Hàng năm, vào cuối mỗi học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa Xây dựng về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [[H10.10.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.02/)]. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. [[H10.10.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.03/)]. 100% các học phần trong chương trình đào tạo đều được lấy ý kiến. Nhìn chung, sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về các dịch vụ tiện ích phục vụ cho việc học [[H10.10.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.04/)].

Hàng năm, Nhà trường thành lập các tổ công tác kiểm kê phân loại, đánh giá tài sản, trang thiết bị [[H10.10.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.05/)]. Từ kết quả đó, Nhà trường đã đưa ra những giải pháp cụ thể, cải tiến đối với cơ sở vật chất nhằm nâng cao các dịch vụ hỗ trợ tiện ích cho hoạt động dạy và học. Kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ trong năm hoặc phòng Quản trị sẽ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị cũ và lập dự toán mua sắm các trang thiết bị mới kịp thời khi có sự đề nghị từ phía các Khoa Viện và có báo cáo kiểm kê tài sản hàng năm [[H10.10.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.06/)].

Cũng trong hoạt động đánh giá, từ năm học 2015-2016, Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Hàng năm, Thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và sinh viên [[H10.10.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.07/)]. Hệ thống tài liệu tại Thư viện đảm bảo phục vụ cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng sử dụng khi nghiên cứu. Nhằm cải tiến chất lượng, nguồn tài liệu của thư viện được quản lí bằng phần mềm quản lí thư viện (phần mềm Kipos) thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb. Trung tâm Thông tin - Thư viện đã thực hiện tham gia Liên hiệp thư viện, liên kết mua quyền truy cập sử dụng CSDL PROQUEST CENTRAL và liên kết khai thác CSDL điện tử với Trung tâm TTTV Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cán bộ, giáo viên, học viên cao học và HSSV Trường Đại học Vinh. [[H10.10.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.08/)]

Về hệ thống công nghệ thông tin, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được phủ sóng và sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường rất coi trọng công tác số hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường trang bị đầy đủ hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [[H10.10.05.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.09/)]. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo LMS để đảm bảo tính chính xác trong quản lý thông tin cá nhân trong quá trình học tập cũng như đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Việc nâng cấp, bảo trì và ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin hiện đại phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện nâng cấp thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Trong tháng 7/2021 nhà trường đã phối hợp với Microsoft Việt Nam cung cấp và triển khai sử dụng phần mềm Office 365 Education nhằm cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên công nghệ điện toán đám mây trong dạy và học [[H10.10.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.10/)].

Đối với một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác, Khoa Xây dựng phối hợp với Nhà trường tổ chức các buổi tọa đàm cùng các doanh nghiệp, qua đó tạo ra diễn đàn giúp sinh viên nắm bắt rõ hơn về nghề nghiệp, cơ hội việc làm và chiến lược phát triển bản thân [[H10.10.05.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.11/)].

*2. Điểm mạnh*

Trên cơ sở phân tích các kết quả đánh giá của sinh viên và giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, có thể rút ra một số điểm mạnh sau:

Nhà trường đã có các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, thường xuyên lắng nghe phản ánh của giảng viên và sinh viên về cơ sở vật chất của trường và sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

*3. Điểm tồn tại*

Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

*4. Kế hoạch cải tiến chất lượng*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Rà soát kiểm tra thường xuyên tình trạng trang thiết bị máy móc ở giảng đường để luôn đảm bảo hiệu quả trong giảng dạy  - Bổ sung các thiết bị cần thiết cho phòng thí nghiệm để đảm bảo quá trình dạy học và nghiên cứu khoa học | Nhà Trường và Khoa Xây dựng | 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần.  Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng) | Nhà trường và Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Thông tin phản hồi từ các bên liên quan đóng vai trò cốt yếu trong việc cải thiện chất lượng dạy học cũng như tăng cường các hoạt động hỗ trợ người học. Nhà trường và Khoa luôn xem hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan là hoạt động thường niên, không thể thiếu hàng năm và là nguồn thông tin chính thống nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng. Chính bởi vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường triển khai một cách có hệ thống, liên tục được đánh giá và cải tiến.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng của người học được thực hiện có tính hệ thống cao. Nhà trường quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Theo quy định, Phòng CTCTHSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển chương trình dạy học và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [[H10.10.06.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.01/)]. Quy trình và các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được Trường Đại học Vinh ban hành với những hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tới các bộ phận cũng như các đối tượng khảo sát [[H10.10.06.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.02/)]. Nội dung lấy ý kiến phản hồi bao quát được các hoạt động của Nhà Trường, bao gồm lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với giảng viên, giáo viên; đối với cán bộ, viên chức hành chính; đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường [[H10.10.06.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.02/).

Thông tin được Nhà Trường thu thập từ nhiều hình thức và đa dạng các đối tượng thông qua việc đối thoại trực tiếp với sinh viên tại “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên” & “Hội nghị dân chủ sinh viên”; lắng nghe ý kiến của cán bộ tại “Hội nghị cán bộ trẻ” & “Hội nghị công chức, viên chức”; trao đổi với nhà tuyển dụng tại “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, hàng năm Nhà Trường thực hiện lấy ý kiến của phụ huynh học sinh, cựu sinh viên,… [[H10.10.06.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.03/)]. Việc đa dạng hoá hình thức thu thập (đối thoại trực tiếp, khảo sát trực tuyến dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC, gửi phiếu điều tra bản cứng, trao đổi nhóm, phản hồi online từ trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa) đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng, khách quan, thiết thực và toàn diện [[H10.10.06.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.04/)]. Dựa trên kế hoạch đã đề ra, Nhà trường thông báo chính thức tới các đơn vị liên quan, hướng dẫn cụ thể đến các đối tượng khảo sát và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [[H10.10.06.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.05/)].

Nhà trường và Khoa Xây dựng tổ chức các đợt thực tập cho SV ngành Kỹ thuật xây dựng tại các công trình, văn phòng doanh nghiệp. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Khoa cũng chủ động lấy ý kiến người học thông qua việc họp lớp hàng tháng với giáo viên chủ nhiệm nhằm phổ biến thông tin cho sinh viên, đồng thời khuyến khích sinh viên phát biểu ý kiến của mình. Ngoài việc lấy ý kiến các bên liên quan từ việc khảo sát người học, trong những năm gần đây, Khoa tổ chức thường niên các cuộc họp để vừa trao đổi thông tin, vừa lắng nghe ý kiến của cán bộ giảng viên và cán bộ hành chính [[H10.10.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.06/)].

Ngành Kỹ thuật xây dựng cũng có những hoạt động thiết thực nhằm lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Một trong những hoạt động lấy ý kiến quy mô lớn đó chính là việc phát phiếu điều tra cho SV, GV, nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm mục đích phát triển CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO [[H10.10.06.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.07/)]. Ngoài ra, Ngành tổ chức các hoạt động kết nối giảng viên với sinh viên như hoạt động rèn nghề được tổ chức vào Tháng 3 hàng năm. Đây là những cơ hội để lắng nghe ý kiến của sinh viên và nhà tuyển dụng đối với hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc [[H10.10.06.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.07/)].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Phòng CTCTHSSV là đầu mối tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường [[H10.10.06.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.08/)]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đơn vị đầu mối (phòng CTCTHSSV) tổng hợp rõ ràng bằng văn bản và gửi kết quả khảo sát cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng đơn vị (hoặc Trưởng bộ môn) và GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [[H10.10.06.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.08/)]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức triển khai công tác góp ý quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động của nhà trường [[H10.10.06.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.09/)].

Có thể thấy, trong những năm qua, Nhà trường đã liên tục cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được. Nội dung khảo sát được cải tiến để phù hợp với CTĐT, hoạt động dạy học. Số lượng các câu hỏi ở phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy được giảm tải (từ 26 câu hỏi xuống còn 11 câu hỏi) nhưng vẫn đảm bảo sự súc tích, ngắn gọn, rõ ý và đầy đủ các nội dung cần khảo sát. Nhà trường bổ sung thêm các nội dung lấy ý kiến cụ thể về hoạt động gắn liền với người học như cơ sở vật chất, Trung Tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - thí nghiệm. Đồng thời, Nhà trường chia ra hai nhóm khảo sát về các đơn vị hành chính: Nhóm 1 (bắt buộc người học phải cho ý kiến) là các đơn vị mà người học thường xuyên tiếp xúc, Nhóm 2 (chỉ dành cho người học có tiếp xúc) là các đơn vị mà người học ít có cơ hội tiếp xúc hơn [[H10.10.06.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.04/)]. Sự thay đổi này vừa góp phần rút ngắn thời gian khảo sát cho người học vừa giúp Nhà trường phân loại, tập trung các vấn đề trọng điểm Nhà trường muốn cải thiện.

Tuy nhiên, một số sinh viên chưa thực hiện việc khảo sát nhưng phần mềm chưa thống kê, tổng hợp được; một số sinh viên có tư tưởng đối phó khi góp ý kiến, chưa thực hiện đúng quy trình, mục đích, yêu cầu, nội dung; các ý kiến góp ý còn chưa thực sự mang tính xây dựng. Đây chính là những hạn chế mà Nhà trường cần cải thiện trong thời gian tới.

*2. Điểm mạnh*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

*3. Điểm tồn tại*

Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện đóng góp ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường.

*4. Kế hoạch hành động*

| **STT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Tăng cường phân tích trách nhiệm, quyền lợi cho người học để từ đó có phản hồi đầy đủ hơn | Nhà trường và Khoa Xây dựng | Từ năm 2024 |  |
| Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính | Nhà Trường, Khoa Xây dựng | Từ năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần. | Phòng CTCT HSSV | Hàng năm |  |
| Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng) | Phòng Công tác CT HSSV,  Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

**Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

Việc đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng đã được Nhà trường và Khoa Xây dựng thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế CTDH được căn cứ vào mục tiêu và CĐR ngành Kỹ thuật xây dựng và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các bên liên quan là mộ trong các căn cứ quan trọng để Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cải tiến CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kĩ năng của người học ở từng học phần theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

## Tiêu Chuẩn 11: Kết quả đầu ra

**Mở đầu**

Kỹ thuật xây dựng là ngành đào tạo thu hút được sự quan tâm của nhiều công ty doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, nhu cầu sử dụng lao động có trình độ đại học ở ngành này ngày càng tăng. Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Việc đánh giá kết quả đầu ra của quá trình đào tạo được coi là thông tin rất quan trọng giúp Nhà trường cải tiến chất lượng, hoạt động ĐBCL và hệ thống ĐBCL.

Kết quả đầu ra quan tâm đến mức độ đạt được các CĐR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của người học. Đây là những chỉ số đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo, thể hiện hiệu quả của toàn bộ quá trình đào tạo.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc xác lập tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của người học ngành Kỹ thuật xây dựng [[H11.11.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.01/). Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xác lập tỉ lệ thôi học. Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng xét thôi học, học tiếp, cảnh báo kết quả học tập cho người học với quy trình chặt chẽ từ Hội đồng cấp Khoa/Viện, đến Hội đồng cấp trường. Trên cơ sở số liệu tổng hợp từ phòng CTCT-HSSV, biên bản họp Hội đồng cấp khoa, Nhà trường ra quyết định kỷ luật sinh viên (buộc thôi học) và quyết định cho sinh viên thôi học [[H11.11.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.01/), [[H11.11.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.02/). Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn được xác lập thông qua đơn vị đầu mối là Phòng đào tạo của Nhà trường. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được tổ chức chặt chẽ. Định kỳ một năm 3 lần, căn cứ vào kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp của Nhà trường, Hội đồng cấp Khoa họp rà soát điều kiện tốt nghiệp cho người học, chuyển kết quả về phòng Đào tạo; phòng Đào tạo phối hợp cùng trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan tiến hành tổng hợp và trình Hội đồng xét tốt nghiệp cấp trường [[H11.11.01.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.03/). Hệ thống dữ liệu người học thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng kỳ học, được theo dõi, quản lý tại Khoa, các phòng/ban đầu mối và trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (CMC) [[H11.11.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.02/), [[H11.11.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.04/).

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học ngành Kỹ thuật xây dựng được Khoa và Nhà trường thường xuyên đánh giá, phân tích nguyên nhân và giám sát để cải tiến chất lượng. Chuyên viên văn phòng khoa, trợ lý QLSV, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập và hệ thống giáo viên chủ nhiệm lớp là các bộ phận hỗ trợ cho Khoa trong việc xác lập, đánh giá và giám sát các chỉ tiêu này [[H11.11.01.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.05/). Trong từng đợt xét thôi học, cảnh báo kết quả học tập tại Khoa, trợ lý QLSV thực hiện thống kê danh sách, nêu lý do thôi học của từng sinh viên. Trên cơ sở đó Hội đồng cấp Khoa đánh giá, phân tích nguyên nhân thôi học và đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế tỉ lệ thôi học. Đối với công tác xét tốt nghiệp cho từng khóa học, Khoa cũng đã đưa ra tỉ lệ tốt nghiệp, đánh giá, phân tích và tìm nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học [[H11.11.01.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.06/). Hiện nay, Khoa và Nhà trường chưa đưa ra các dự báo về xu hướng tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng.

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng, Trường Đại học Vinh đã được đối sánh giữa các khóa đào tạo, giữa CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng với CTĐT các ngành khác trong Trường [[H11.11.01.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.07/).

Kết quả xác lập và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học ngành Kỹ thuật xây dựng trong giai đoạn 2019 – 2024 được phản ánh thông qua bảng 11.1 và 11.2 sau đây:

**Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2019-2024 ngành KTXD**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm tốt nghiệp (khóa)** | **SL SV** **nhập học** | **Tỉ lệ SV thôi học %** | **Trong đó, tỉ lệ thôi học (%)** | | | |
| ***Năm***  ***thứ 1*** | ***Năm***  ***thứ 2*** | ***Năm***  ***thứ 3*** | ***Năm thứ 4*** |
|
| 1 | 2015-2019 | 617 | 19.45 | 5.35 | 4.7 | 3.4 | 6 |
| 2 | 2020-2024 | 213 | 10.8 | 4.23 | 4.23 | 2.35 | 0 |

*Nguồn: Phòng Công tác Chính trị - HSSV*

**Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2019-2024 ngành KTXD**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm tốt nghiệp (khóa)** | **SL SV** | **Tỷ lệ SV tốt nghiệp %** | **Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp (%)** | | | |
| **(nhập học/ còn lại năm cuối)** | ***Năm*** | ***Năm*** | ***Năm*** | ***Năm*** |
|  | ***thứ 3*** | ***thứ 4*** | ***thứ 5*** | ***thứ 6 trở đi*** |
| (A) | (B) | (1) | (2) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | 2015-2019 | 617/497 | 81.29 | 0 | 0 | 63.18 | 18.11 |
| 2 | 2020-2024 | 213/190 | Chưa tốt nghiệp | | | | |

*Nguồn: Phòng Đào tạo*

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống quản lí và hỗ trợ sinh viên đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

*3. Điểm tồn tại*

- Chưa thực hiện những đối sánh về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học giữa ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Vinh với CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng của các trường đại học khác.

- Chưa có biện pháp hỗ trợ sinh viên trong việc hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành Kỹ thuật xây dựng của các trường đại học trong khác, do Khoa Xây dựng làm đầu mối. | Khoa Xây dựng | 2025 |  |
| - Đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ Tiếng Anh nhằm tạo môi trường tiếp cận tiếng anh cho sinh viên | Khoa Xây dựng | 2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Ban hành Sổ tay nghiệp vụ về sinh viên thôi học, chậm tốt nghiệp từ năm học 2024 - 2025, do Trung tâm ĐBLC làm đầu mối | TT ĐBCL;  Khoa Xây dựng | 2025 |  |
| - Thực hiện phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2024 - 2025, do Khoa Xây dựng (đầu mối) phối hợp với phòng CTCT-HSSV. | - Phòng CT CTHSSV;  - Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |
| Khoa Xây dựng thiết lập nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học (Phòng CT CTHSSV hỗ trợ) từ năm học 2024 - 2025. | - Phòng CT CTHSSV;  - Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |
| - Nâng cấp phần mềm hệ thống thông tin để tăng cường giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2024 - 2025, do Trung tâm CNTT chủ trì. | - TT CNTT;  - Bộ phận ĐBCL Khoa | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Từ năm 2008, Khoa Xây dựng bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo tín chỉ, đến năm 2017 đào tạo theo tín chỉ tiếp cận CDIO. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong Trường Đại học Vinh của sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng được quy định trung bình 5 năm, tối thiểu là 3 năm và tối đa không quá 8 năm để tốt nghiệp [[H11.11.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.01/). Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa học được Khoa thường xuyên thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học [[H11.11.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.02/). Bảng 11.3 [[H11.11.02.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.03/) thể hiện tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của ngành Kỹ thuật xây dựng.

**Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình GĐ 2019-2024 ngành KTXD**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm tốt nghiệp (khóa)** | **SL SV** **(nhập học/ còn lại năm cuối)** | **SL SV Tốt nghiệp** | **Tỷ lệ SV tốt nghiệp %** | **Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp (%)** | | | |
| ***Năm thứ 3*** | ***Năm thứ 4*** | ***Năm thứ 5*** | ***Năm***  ***thứ 6 trở đi*** |
|
| (A) | (B) | (1) | (2) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | 2015-2019 | 617/497 | 404 | 81.29 | 0 | 0 | 63.18 | 18.11 |
| 2 | 2020-2024 | 213/190 | Chưa tốt nghiệp | | | | | |
|  | Cộng | 830/687 | 404 | 81.29 | 0 | 0 | 63.18 | 18.11 |

*Nguồn: Phòng Đào tạo*

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn toàn khóa của ngành Kỹ thuật xây dựng chiếm trung bình 63%. Các nguyên nhân dẫn đến 16.23% sinh viên chưa tốt nghiệp là do điều kiện ràng buộc về chứng chỉ ngoại ngữ. 100% sinh viên đều đã tích lũy hoàn thành các học phần trong khung CTĐT. Điều này chứng tỏ Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp thường xuyên, tích cực hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo, đã thực hiện giám sát và cải tiến kết quả đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng

Để giám sát và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê tình hình kết quả học tập của người học, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn để hỗ trợ kịp thời người học nhằm giảm tối đa thời lượng học tập [[H11.11.02.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.04/). Trên cơ sở phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp, Khoa đã thực hiện một số biện pháp nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của người học. Đầu mỗi kỳ học, Khoa gửi thông báo đến những sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập, tổ chức gặp các em để tư vấn, hướng dẫn cụ thể tiến trình học tập, phương pháp học tập hiệu quả, lựa chọn môn học phù hợp,… [[H11.11.02.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.05/).

*2. Điểm mạnh*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát, được đối sánh giữa các khóa đào tạo. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học được triển khai đồng bộ, kịp thời. Các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định.

*3. Điểm tồn tại*

- Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

- Ngành cần có những phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên và rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT để SV có thể tốt nghiệp sớm.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên ngành TCNH  - Rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp  - Sử dụng công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân | - Trợ lý đào tạo  - Hội đồng đào tạo khoa  - Phòng Đào tạo | Từ năm 2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học đảm bảo tỉ lệ tốt nghiệp sớm và tốt nghiệp đúng hạn cao | - TL QLSV  - TL Đào tạo  - Cố vấn học tập | Từ năm 2025 |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 11.3: Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để hỗ trợ người học sau tốt nghiệp và có thông tin phản hồi nhằm cải tiến chất lượng, Nhà trường đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp [[H11.11.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.02/), giao chủ trì đầu mối thực hiện là Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, đồng thời phân cấp đến Khoa/Viện chỉ đạo trực tiếp các bộ phận chức năng tiến hành thu thập thông tin việc làm của 100% SV sau khi ra trường trong vòng 6 tháng và 1 năm theo quy định [[H11.11.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.01/).

**Bảng 11.3.1. Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp Ngành KTXD**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm tốt nghiệp** | **Số lượng SV phản hồi** | **Số lượng SVTN có việc làm** | **Tỷ lệ (%)** | **Khu vực làm việc (%)** | | | |
| ***Nhà nước*** | ***Tư nhân*** | ***Liên doanh*** | ***Tự tạo VL*** |
| 1 | 2019-2020 | 36 | 100 | - | 100 | - | - |
| 2 | 2020-2021 | 22 | 100 | - | 100 | - | - |
| 3 | 2021-2022 | 13 | 100 | - | 100 | - | - |
| 4 | 2022-2023 | 8 | 100 | - | 100 | - | - |
| 5 | 2023-2024 | 6 | 100 | - | 100 | - | - |

*Nguồn: Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh*

Kết quả khảo sát có thể thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng Trường Đại học Vinh có việc làm là khá cao, chủ yếu làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân. Trong đó sinh viên có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo với tỷ lệ bình quân 100%. Nhà trường và Khoa cũng đã tiến hành đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm với các cơ sở giáo dục khác để cải tiến chất lượng [[H11.11.03.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.03/).

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa/Viện đã có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như:

+ Tổ chức các khóa huấn luyện kĩ năng mềm với các chuyên gia có uy tín trong nước, tổ chức các chương trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, tổ chức các chương trình tham quan thực thế doanh nghiệp, khuyến khích hoạt động của các Câu lạc bộ Tài chính, Khởi nghiệp [[H11.11.03.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.04/).

+ Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các diễn đàn tư vấn về tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, hội chợ việc làm, chương trình tuyển thực tập viên tiềm năng, ra mắt Cổng thông tin việc làm cho sinh viên [[H11.11.03.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.05/).

+ Thiết lập hệ thống thông tin hai chiều giữa nhà trường với các doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Hợp tác triển khai xây dựng và chuyển giao mô hình thực hành cho sinh viên các ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao; Tổ chức các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập tại doanh nghiệp/đơn vị liên kết [[H11.11.03.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.06/).

*2. Điểm mạnh*

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

Phần lớn sinh viên sau khi tốt nghiệp được làm đúng ngành nghề, làm tốt công việc được giao và hài lòng về mức thu nhập.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm nhưng đang còn ít đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh. | - Trung tâm DV,HTSV&QHDN  - Khoa Xây dựng | 2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi, cung cấp và hỗ trợ thông tin việc làm cho SV đã tốt nghiệp. | - Trung tâm DV,HTSV&QHDN  - Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động NCKH của sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và Khoa Xây dựng. Hội đồng khoa học khoa, bộ môn kết hợp với phòng KH&HTQT chuyên trách quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động NCKH của người học [[H11.11.04.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.01/). Dựa trên đề xuất của Khoa/viện, Nhà trường ra quyết định giao đề tài nghiên cứu và duyệt kinh phí cho người thực hiện đề tài [[H11.11.04.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.01/). Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế có nhiệm vụ hướng dẫn, lập hồ sơ theo dõi tiến độ cũng như hỗ trợ người học trong thời gian thực hiện đề tài. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài [[H11.11.04.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.02/), những đề tài có chất lượng được khen thưởng và báo cáo trong Hội nghị Sinh viên NCKH [[H11.11.04.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.03/). Toàn bộ quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học đều được thông báo tới các cá nhân, đơn vị liên quan bằng văn bản, email, website của Nhà trường [[H11.11.04.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.03/).

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng bao gồm các đề tài NCKH, tham gia các sinh hoạt học thuật như seminar khoa học của bộ môn, các buổi bảo vệ luận văn thạc sĩ, báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu, tham gia viết bài công bố trên các tạp chí khoa học, đồ án môn học. Hàng năm, Khoa giao cho các bộ môn triển khai công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên, tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa, lựa chọn những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường [[H11.11.04.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.03/), [[H11.11.04.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.04/) [[H11.11.04.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.05/).

**Bảng 11.4.1. Các hoạt động NCKH của người học giai đoạn 2019-2024**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khóa** | **Giải thưởng SVNCKH cấp trường** | **Giải thưởng SVNCKH cấp Bộ** | **Số lượng bài báo của sinh viên** | **Số lượng seminar** |
|
|
| 1 | 2015-2019 | 3 | 1 | 4 | 5 |
| 2 | 2020-2024 | 6 | 3 | 5 | 6 |

Để phù hợp với xu thế phát triển mới lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực nghiên cứu của người học. Nhà trường đã tiến hành đa dạng hoá loại hình, gia tăng số lượng và phê duyệt kinh phí ở mức độ khác nhau cho các công trình nghiên cứu khoa học của người học và giảng viên như: thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành, thành lập trung tâm nghiên cứu khởi nghiệp và sáng tạo… [[H11.11.04.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.04/), [[H11.11.04.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.06/). Kết quả đã có nhiều đề tài khoa học đạt giải thưởng cấp trường, có thể nói, sinh viên đã được tạo điều kiện và thực sự trở thành một nguồn lực khoa học công nghệ của Khoa. Từ hoạt động sinh viên NCKH, đã có nhiều sinh viên trưởng thành, tiếp tục con đường nghiên cứu, kỹ sư Kỹ thuật xây dựng… Hoạt động NCKH người học được chú trọng, Nhà trường đã thành lập các ban nghiên cứu chuyên sâu để thúc đẩy nghiên cứu KH của người học [[H11.11.04.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.06/).

Trường Đại học Vinh đã xây dựng chiến lược phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường. Các đề xuất NCKH phù hợp với khả năng của người học và phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường [[H11.11.04.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.06/).

Trong giai đoạn 2019-2024, số đề tài NCKH sinh viên, số báo cáo khoa học của sinh viên của CTĐT ngành KTXD đã đạt được là khá tích cực: 03 đề tài cấp trường, 05 đề tài cấp khoa, 08 đề tài cấp bộ môn. Hoạt động NCKH của sinh viên hàng năm luôn được nhà Trường quan tâm, hỗ trợ tối đa theo quy định, nhà Trường luôn chủ trọng sinh viên là trung tâm, là chủ thể của các hoạt động NCKH, giảng viên đóng vai trò đồng hành, tương tác, chỉ dẫn, giảng viên luôn đề cao sự chủ động, tích cực của các nhóm sinh viên NCKH. Các giải thưởng sáng tạo mà sinh viên của CTĐT ngành Kỹ thuật XD đã đạt được giai đoạn từ 2019-2024: 02 giải nhì, 05 giải ba, và nhiều giải khuyến khích, đây là thành quả tích cực được ghi nhận, động viên, khích lệ của nhà trường dành cho tập thể cán bộ giảng viên, sinh viên ngành KTXD.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có chiến lược cụ thể về hoạt động NCKH. Các quy định, hướng dẫn về quá trình thực hiện cũng như đánh giá đề tài rõ ràng, cụ thể. Các đề xuất NCKH phù hợp với khả năng của người học.

*3. Điểm tồn tại*

Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Tăng cường nguồn lực cho hoạt động NCKH của người học. | - Phòng KH&HTQT  - Phòng KHTC  - Khoa Xây dựng | Hàng năm, từ năm 2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường các đề xuất NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của nhà trường. | - Phòng KH&HTQT  - Phòng KHTC  - Khoa Xây dựng | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Tổ chức các hội nghị CB, viên chức và Hội nghị CB chủ chốt là hoạt động hàng năm của Nhà trường nhằm lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới để cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo [[H11.11.05.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.01/). GV và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị CB viên chức và tham gia đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng, Ban để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của CB trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các CB GV của các đơn vị trong đó có đóng góp ý kiến của Khoa Xây dựng.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên, hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể sinh viên, góp phần khai thông thông tin, giúp Khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường [[H11.11.05.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.02/).

Mỗi học kỳ, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [[H11.11.05.03]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.03/). Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2018, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo và thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công, từ năm học 2017-2018 tại Trường Đại học Vinh [[H11.11.05.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.04/).

**Đối tượng khảo sát**

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát dự kiến và đã thực hiện như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | Đối tượng khảo sát | | | | | | | | | | Tổng cộng | |
| Sinh viên | | Cựu sinh viên | | Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | | Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật | | Trưởng phòng/ban tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ | | Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất | |
| Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS | Yêu cầu | Đã KS |
| 20 | 87 | 20 | 25 | 20 | 25 | 20 | 44 | 20 | 26 | 20 | 28 | 120 | 235 |

**Các cấp độ đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức độ đồng ý  ①: Rất không đồng ý;  ②: Không đồng ý;  ③: Không có ý kiến;  ④: Đồng ý;  ⑤: Rất đồng ý. | Mức độ cần thiết  ① Không cần thiết  ② Ít cần thiết  ③ Không biết  ④ Cần thiết  ⑤ Rất cần thiết | Mức độ nên đạt được về kiến thức  (a) Hiểu  (b) Áp dụng  (c) Phân tích  (d) Đánh giá  (e) Sáng tạo | Mức độ nên đạt được  về kỹ năng  (a) Có thể tham gia, đóng góp  (b) Có thể hiểu, giải thích  (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện  (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |

Dựa trên kết quả khảo sát thu được, Bộ môn Xây dựng DD&CN thống nhất điều chỉnh mục tiêu CTĐT, chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng theo một số hướng chính như sau:

- Rà soát, hoàn thiện mục tiêu CTĐT và đề cương CDIO nhằm đảm bảo ngắn gọn, súc tích, rõ ý.

- Rà soát các chuẩn đầu ra, đặc biệt là chuẩn đầu ra cấp độ 3, đảm bảo sử dụng đúng động từ Bloom theo TĐNL cần đạt được. Đồng thời đảm bảo mỗi chuẩn đầu ra sử dụng 1 động từ Bloom và có thể đánh giá được.

- Điều chỉnh TĐNL các CĐR phù hợp với kết quả khảo sát thu được.

- Trong quá trình vận hành CTĐT, Bộ môn cần kết nối chặt chẽ với Doanh nghiệp để cùng đào tạo sinh viên để đạt được các mục tiêu của CTĐT.

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Quản lý SV khoa [[H11.11.05.05]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.05/). Từ đó, bộ phận chức năng của Khoa tổng hợp ý kiến để báo cáo BCN khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm áp đề xuất các giải pháp kịp thời để cải tiến chất lượng đào tạo và phản hồi tới người học.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học,Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT [[H11.11.05.06]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.06/) để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Trường và Khoa hàng năm cũng tiến hành khảo sát vị trí việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng [[H11.11.05.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/KTXD/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.07/).

*Bảng 11.5.1. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **2019-2024** |
| 1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%). | 30/85  (35%) |
| 2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm ít hơn 3 tháng (%). | 55/85  (65%) |

Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành Kỹ thuật xây dựng, chủ yếu là có thể đào tạo bổ sung thời gian ngắn (dưới 3 tháng) để phù hợp với đặc trưng văn hóa và kỹ năng nghề của từng doanh nghiệp cụ thể. Tuy nhiên, nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng.

*2. Điểm mạnh*

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

*3. Điểm tồn tại*

Cơ sở dữ liệu hiện tại đang hạn chế

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Trung tâm HTSV&QHDN tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng; | - Trung tâm HTSV&QHDN  - Phòng CTCT- HSSV;  - Khoa Xây dựng | Năm 2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lí đầy đủ thông tin phản hồi cho mục đích cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường | Bộ phận ĐBCL, các GV Khoa/Viện | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7*

**Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

Nhà trường có hệ thống quản lí và hỗ trợ người học đến cấp Khoa/viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV, có quy định rõ ràng về xử lí thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Những năm gần đây, việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đã được quan tâm và thực hiện thường xuyên.

Ngành Kỹ thuật xây dựng rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về không gian và thời gian, cơ sở vật chất, phòng thực hành và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV, nhà tuyển dụng còn chưa được nhiều.

# PHẦN III. KẾT LUẬN

Ngành KTXD, Khoa Xây dựng, Trường Đại học Vinh đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo. Đây là hoạt động được Nhà trường triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong Trường nói chung và Khoa Xây dựng nói riêng. Để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với tầm nhìn trường đại học trọng điểm, thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á thì việc đánh giá các chương trình là tất yếu, trong đó có ngành KTXD, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

## 1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- Mục tiêu CTĐT của ngành KTXD được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung. CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả người học được xác định rõ ràng bởi các (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CĐR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CĐR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp. CĐR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

- Bản mô tả CTĐT ngành KTXD đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng day, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT ngành KTXD cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Các học phần trong CTĐT ngành KTXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận ITU. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của Nhà trường.

- Khoa Xây dựng đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc thực tập tại các các công trường, doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của bộ môn Cầu đường thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa Xây dựng đưa ra đã tạo động lực cho SV KTXD rèn luyện các kĩ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành KTXD đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của người học sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành KTXD là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CĐR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lí có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

- Trường Đại học Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành KTXD được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa.

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành KTXD hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

- Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Có phòng tự học cho SV ngành KTXD, có các doanh nghiệp đối tác cho sinh viên tham quan thực tập rèn luyện kỹ năng, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành KTXD.

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Anh đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

- Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

- Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khoẻ cho giảng viên và SV ngành KTXD nói riêng và toàn trường nói chung.

-Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Hoạt động lấy ý kiến SV về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của SV.Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

- Khoa Xây dựng chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Cầu đường đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Khoa Xây dựng có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành KTXD. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ công tác giảng dạy; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

- Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

## 2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, các cơ sở đào tạo vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

- Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) từ năm học 2016-2017 nên vẫn còn có sự chồng chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CĐR. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR và cũng còn một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm. Môn chuyên ngành được giảng dạy còn ít ở 3 học kỳ đầu tiên.

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Khoa đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan. SV tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

- Việc tạo môi trường cho SV tiếp xúc với thực tế các cơ sở giáo dục thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn gần cuối của khóa học; Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

- Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

- Việc thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình vào cuối mỗi năm học chưa thực sự phát huy được hiệu quả của việc cung cấp kết quả học. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế, số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn tập trung vào một số ít giảng viên.

- Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác.

- Nhà Trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học, trong đó có người học của CTĐT ngành KTXD chưa được rà soát, đánh giá hàng năm.

- Do cơ hội tìm kiếm việc làm của SV ngành KTXD trong thời điểm hiện tại là cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho SV ngành KTXD nên Khoa và Bộ môn chưa quá chú trọng công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

- Cần có thêm nhiều phòng tự học ở các giảng đường cho SV. Ngành KTXD chưa có phòng sinh hoạt riêng, phòng seminar số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của SV, GV ngành KTXD chưa đa dạng, Tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và người học.

- Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CĐR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

- Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát GV theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được. Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc SV chậm tốt nghiệp.

- Chưa có những phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên và rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT để SV có thể tốt nghiệp. Tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

## 3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT

Khắc phục những tồn tại ở trên, nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTXD, cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT từ phía doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT và kết quả đầu ra của SV.

- Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT:

+ Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động;

+ Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CĐR, CTĐT hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram, Zalo, Youtube… bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cẩm nang SV và truyền hình.

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết. Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học...).

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.

- Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.

- Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng một CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CĐR chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CĐR ngành KTXD. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CĐR của CTĐT.

- Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong CTĐT cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

- Tăng cường số môn học và tín chỉ môn học trong các học phần tự chọn.

- Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của Trường, của Khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,… đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng và ngành KTXD, biết rõ triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành KTXD một cách dễ dàng.

- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tích hợp cho GV và SV;

- Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi với sự tham gia trực tiếp của SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO;

- Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.

- Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.

- Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.

- Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lí học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của nhà trường

- Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các GV, nghiên cứu viên.

- Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho GV;

- Tăng cường đấu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm.

- Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

- Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH.

- Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường.

- Phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.

- Có kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho GV.

- Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lí đào tạo và quản lí SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho SV về kết quả học tập và rèn luyện.

- Khoa và bộ môn lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn bộ CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp, kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp

- Bố trí nhiều phòng tự học cho sinh viên tại các giảng đường A, B, D. Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng xê mi na, phòng tập giảng cho SV ngành KTXD nói riêng và các bộ môn/ngành trong Trường Đại học Vinh nói chung.

- Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. Cải thiện tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính.

- Tổ chức nhiều Hội nghị trao đổi giữa Khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

- Lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình, tài liệu tham khảo

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành KTXD của các trường đại học trong nước và quốc tế từ năm học 2020 - 2021, do Khoa Xây dựng làm đầu mối.

- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của SV ngành KTXD.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu SV, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

*Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

*Đã ký*

**GS. TS. Nguyễn Huy Bằng**

## 4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã: TDV

Tên CTĐT: Kỹ thuật xây dựng

Mã CTĐT: 7580201

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Thang đánh giá** | | | | | | | **Tổng hợp theo tiêu chuẩn** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chưa đạt | | | Đạt | | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| ***Tiêu chuẩn 1*** |  | | | | | | | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 1.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 2*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 2.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 3*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 3.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 4*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 4.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 5*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 6*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 6.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,14 | 7 | 100 |
| Tiêu chí 6.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.4 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 6.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.6 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.7 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 7*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 7.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 7.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 8*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 8.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 4,80 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 8.2 |  |  |  |  | 4 |  |  |
| Tiêu chí 8.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 9*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 9.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 9.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 10*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 10.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 6 | 100 |
| Tiêu chí 10.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.6 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 11*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 11.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 11.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| **Đánh giá chung CTĐT** | | | | | | | | **4,98** | **50** | **100** |

*Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

*Đã ký*

**GS. TS. Nguyễn Huy Bằng**

# PHẦN IV. PHỤ LỤC

## Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành KTXD

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/8/2024

## I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

* Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
* Tiếng Anh: Vinh University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

* Tiếng Việt: TDV
* Tiếng Anh: Vinh University

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452; Số fax: 038 3855 269

E-mail: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn) Website: www.vinhuni.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác:

## II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

* Tiếng Việt: Khoa Xây dựng
* Tiếng Anh: Department of Civil Engineering

13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:

* Tiếng Việt: Kỹ thuật xây dựng
* Tiếng Anh: Civil Engineering

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Công nghệ

15. Mã CTĐT: 7580205

16. Tên CTĐT

* Tiếng Việt: Kỹ thuật xây dựng
* Tiếng Anh: Civil Engineering

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Tầng 1, Nhà A0 Trường Đại học Vinh, số 182, Lê Duẩn, Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

18. Số điện thoại liên hệ: (0238) 3552497; Số fax: (0238) 3552497

E-mail: [khoaxd@vinhuni.edu.vn](mailto:khoaxd@vinhuni.edu.vn);

Website: <http://khoaxaydung.vinhuni.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2002

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2002

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

## III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật):

Khoa Công nghệ - Trường Đại học Vinh được thành lập theo quyết định số 1715/BGD&ĐT-TCCB ngày 17 tháng 04 năm 2002. Đây là tiền thân của Khoa Xây dựng ngày nay. Trong thời gian qua, các thế hệ cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh đã cố gắng phấn đấu không ngừng nhằm xây dựng và phát triển Khoa ngày càng vững mạnh.

*Về quy mô đào tạo*: Sau hơn 22 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Xây dựng có số lượng sinh viên đông đảo với 04 ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kiến trúc và kinh tế xây dựng; 01 ngành đào tạo trình độ cao học và 01 mã ngành đào tạo Tiến sĩ. Hiện nay tổng số sinh viên của hai hệ chính quy và tại chức là hơn 1500 sinh viên và quy mô đào tạo tăng lên theo từng năm.

*Về đội ngũ cán bộ*: Khoa Xây dựng hiện nay có đội ngũ cán bộ giảng dạy hầu hết tuổi đời dưới 45 tuổi. Tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Xây dựng là 42 cán bộ, trong đó có 03 PGS. 18 Tiến sĩ, 22 thạc sĩ. Nhiều cán bộ giảng dạy của Khoa sau khi được đào tạo ở các nước phát triển trở về đã có cống hiến rõ rệt cho chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Các cán bộ của Khoa được biên chế trong 03 Bộ môn bao gồm: Bộ môn Cơ sở xây dựng, Bộ môn Cầu đường, và Bộ môn XDDD&CN. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa hầu hết còn rất trẻ nhưng đã có khả năng đảm nhận toàn bộ chương trình đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp, các chương trình liên thông của ngành Xây dựng. Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng được sự hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của các thầy cô giáo hiện đang công tác tại các đơn vị khác của Nhà trường như Trung tâm THTN, Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học,…

*Về nghiên cứu khoa học*: Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho đất nước chuyên ngành Xây dựng, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa Xây dựng đã tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện các đề tài mang tính ứng dụng cao. Hàng năm Khoa Xây dựng đã tổ chức các hội nghị khoa học chuyên ngành, các hội thảo về đào tạo liên kết với doanh nghiệp và thị trường lao động có sự tham gia của đông đảo sinh viên. Khoa đã xây dựng một hệ thống các phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ sức đào tạo, phục vụ NCKH và tổ chức dịch vụ. Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ của Khoa đạt tiêu chuẩn cấp chứng chỉ hành nghề về các kỹ năng nghề nghiệp và kiểm định công trình xây dựng, tạo điều kiện để cán bộ trong khoa có điều kiện kết hợp giữa đào tạo gắn kết với nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của các công ty, nhà tuyển dụng lao động.

*Về thi đua khen thưởng*: Với những đóng góp và thành tích đã đạt được trong hơn 22 năm qua, tập thể cán bộ Khoa Xây dựng đã vinh dự nhận được nhiều thành tích khen thưởng các cấp, cụ thể:  Khoa Xây dựng nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Các Tổ chuyên môn được nhận danh hiệu tiên tiến, tiên tiến xuất sắc cấp Bộ. Chi bộ cán bộ nhiều năm được Đảng ủy Nhà trường tặng giấy khen. 01 Bằng khen của Chủ tịch Tỉnh Nghệ An về thành tích 20 năm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho địa phương.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

**ĐẢNG ỦY**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

**BAN GIÁM HIỆU**

**Hội đồng KH&ĐT**

**Các tổ chức đoàn thể**

1. Viện SP Tự nhiên

10. Khoa SP Ngoại ngữ

2. Viện Kỹ thuật - Công nghệ

5. Viện SP xã hội

3. Viện CN Hóa Sinh, Môi trường

6. Viện KHXH và Nhân văn

4. Viện Nông nghiệp, Tài nguyên

7. Khoa Giáo dục

8. Khoa Kinh tế

9. Khoa Luật

11. Khoa Xây dựng

1. Phòng HCTH

10. Nhà Xuất bản

3. Phòng ĐT SĐH

2. Phòng TCCB

4. Phòng Đào tạo

5. Phòng CTCT-HSSV

6. Phòng KH&HTQT

7. Phòng QT&ĐT

8. Phòng KHTC

9. Phòng TTrGD

1. TT CNTT

12.Các trường trực thuộc

3. TT ĐBCL

2. TT TH-TN

4. TT Nội trú

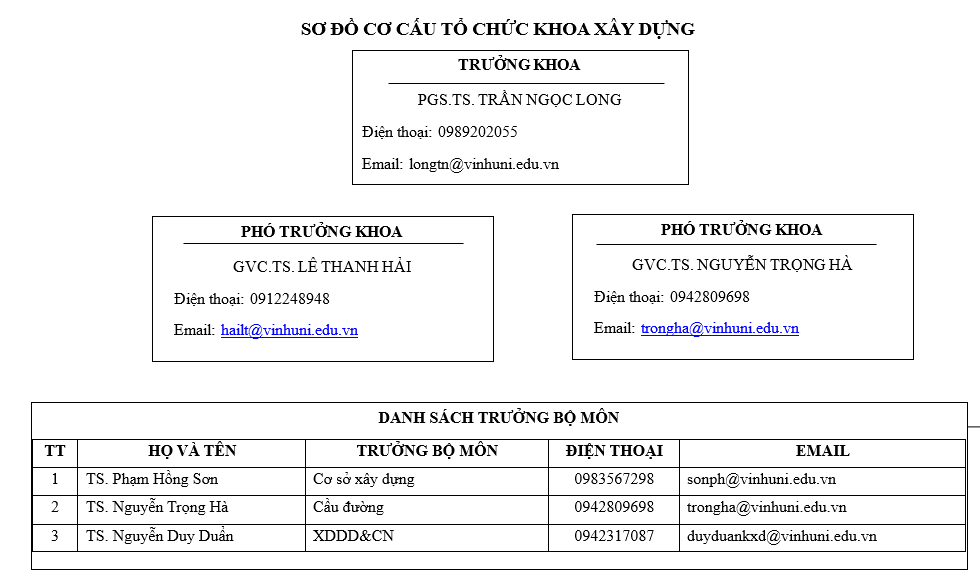
5. TT Dịch vụ, hỗ trợ SV và DN

6. TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào

7. TT QP-AN

8. Trạm Y tế

9. TT GDTX



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các bộ phận** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | | **Học vị,**  **chức danh** | **Điện thoại** | **Email** |
| I. | **Ban Lãnh đạo Nhà trường** | | | | | | |
| 1. | Hiệu trưởng | Nguyễn Huy Bằng | | 1977 | GS.TS | 0238.3733888 | bangnh@vinhuni.edu.vn |
| 2. | Phó Hiệu trưởng | Trần Bá Tiến | | 1972 | TS | 0238.3855452 | tientb@vinhuni.edu.vn |
| 3. | Phó Hiệu trưởng | Nguyễn Thị Thu Cúc | | 1979 | PGS.TS | 0238.3855452 | cucntt@vinhuni.edu.vn |
| II. | **Lãnh đạo chủ chốt của Khoa** | | | | | | |
| 1. | Trưởng khoa | Trần Ngọc Long | 1977 | | PGS.TS | 0913973392 | longtn@vinhuni.edu.vn |
| 2. | P. Trưởng khoa | Lê Thanh Hải | 1979 | | TS | 0912248948 | haidhvinh@vinhuni.edu.vn |
| 3. | P. Trưởng khoa | Nguyễn Trọng Hà | 1980 | | TS | 0942809698 | trongha@vinhuni.edu.vn |
| II. | **Các tổ chức Đảng, Đoàn , Công đoàn** | | | | | | |
| 1. | Bí thư Đảng ủy BP | Trần Ngọc Long | 1977 | | PGS.TS | 0913973392 | longtn@vinhuni.edu.vn |
| 2. | Bí thư CBCB | Lê Thanh Hải | 1979 | | TS | 0912248948 | haidhvinh@vinhuni.edu.vn |
| 3. | Bí thư CBSV | Phan Xuân Thục | 1991 | | Ths | 0965294096 | xuanthucdhv@vinhuni.edu.vn |
| 4. | Chủ tịch CĐ | Nguyễn Tuấn Anh | 1990 | | Ths | 0912411799 | tuananh[xd@vinhuni.edu.vn](mailto:duykhanhxd@vinhuni.edu.vn) |
| 5. | Bí thư LCĐ | Nguyễn Mạnh Hùng | 1992 | | Ths | 0942514892 | hungmanh.dhxd@gmail.com |
| III. | **Các phòng, ban** | | | | | | |
| 6. | Văn phòng khoa | Nguyễn Thị Hà Hạnh | 1983 | | Ths | 094999393 | hahanhdhv@vinhuni.edu.vn |
| 7. | Trợ lý QLSV | Đoàn Thị Minh Huyền | 1977 | | Ths | 0972811855 | huyendtm@vinhuni.edu.vn |
| 8. | Trợ lý đào tạo | Doãn Thị Hương | 1989 | | Ths | 0981130398 | doanhuongdhv@gmail.com |
| 9. | Trợ lý đào tạo | Nguyễn Xuân Hiệu | 1994 | | Ths | 0961978787 | xuanhieu@vinhuni.edu.vn |
| 10. | Cố vấn học tập | Nguyễn Thị Thu Hiền | 1988 | | Ths | 0904868328 | thuhien.tvna@gmail.com |
| 11. | Cố vấn học tập | Phạm Ngọc Minh | 1989 | | Ths | 0904792939 | minhkxd@vinhuni.edu.vn |
| 12. | Cố vấn học tập | Nguyễn Thị Thanh Tùng | 1983 | | Ths | 0982102584 | Ntttung@gmail.com |
| IV. | **Các bộ môn** | | | | | | |
| 1. | Cơ sở xây dựng | Phạm Hồng Sơn | 1977 | | TS | 0983567298 | hongsonkxd@vinhuni.edu.vn |
| 2. | Xây dựng | Nguyễn Duy Duẩn | 1985 | | PGS.TS | 0942317087 | duyduankxd@vinhuni.edu.vn |
| 3. | Cầu đường | Nguyễn Trọng Hà | 1980 | | TS | 0942809698 | trongha@vinhuni.edu.vn |

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 3

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 3

39. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Có | Không |
| Chính quy | ☒ | ☐ |
| Không chính quy | ☒ | ☐ |
| Từ xa | ☐ | ☐ |
| Liên kết đào tạo với nước ngoài | ☐ | ☐ |
| Liên kết đào tạo trong nước | ☐ | ☐ |

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 3

**IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

| **STT** | **Phân loại** | **Nam** | **Nữ** | **Tổng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| I | **Cán bộ cơ hữu**  *Trong đó:* | 29 | 13 | 42 |
| I.1 | Cán bộ trong biên chế | 29 | 13 | 42 |
| I.2 | Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn | 0 | 0 | 0 |
| II | **Các cán bộ khác** |  |  |  |
|  | Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng) | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng số** | **29** | **13** | **42** |

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).*

34. Thống kê, phân loại giảng viên

34. Thống kê, phân loại giảng viên

Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Xây dựng

theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2021-2022 (tính đến tháng 04/2022)

| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Số lượng GV** | **GV cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng trong nước** | **GV quốc tế** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy*** | ***GV hợp đồng dài hạn[[1]](#footnote-2) trực tiếp giảng dạy*** | ***GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 03 | 03 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 18 | 18 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 29 | 29 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cao đẳng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Trình độ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số | **42** | **42** | **0** | **0** | **0** | **0** |

*(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)*

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 45 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Hệ số quy đổi** | **Số lượng GV** | **GV cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng** | **GV quốc tế** | **GV quy đổi** |
| **GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy** | **GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy** | **GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
|  | Hệ số quy đổi |  |  | 1,0 | 1,0 | 0,3 | 0,2 | 0,2 |  |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 5,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 3,0 | 1 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3,0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 3,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 2 | 14 | 14 | 0 | 0 | 0 | 0 | 28 |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 30 | 28 | 0 | 4 | 0 | 0 | 28 |
| 6 | Đại học | 0,5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng |  | **45** | **45** | **0** | **0** | **0** | **0** | **49.0** |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

| **TT** | **Trình độ / học vị** | **Số lượng,**  **người** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **Phân loại theo giới tính (ng)** | | **Phân loại theo tuổi (người)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nam** | **Nữ** | **< 30** | **30-40** | **41-50** | **51-60** | **> 60** |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 1 | 2.2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 14 | 31.1 | 13 | 1 | 0 | 5 | 9 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 30 | 66.7 | 18 | 12 | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **45** | **100** | **22** | **13** | **2** | **30** | **15** | **0** | **0** |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35.8 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 31.1%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 66.7%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tần suất sử dụng** | **Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học** | |
| ***Ngoại ngữ*** | ***Tin học*** |
| 1 | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc) | 100 | 100 |
| 2 | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc) |  |  |
| 3 | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc) |  |  |
| 4 | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc) |  |  |
| 5 | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) |  |  |
|  | **Tổng** | **100** | **100** |

**V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)**

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)** | **Số trúng tuyển**  **(người)** | **Tỷ lệ**  **cạnh tranh** | **Số nhập học**  **thực tế (người)** | **Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm** | **Điểm trung bình của sinh viên được tuyển** | **Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)** |
| 2019 | 35 | 19 | 25.71 | 19 | 15.50 | 16 | 3 |
| 2020 | 55 | 12 | 21.82 | 12 | 14.00 | 15 | 0 |
| 2021 | 30 | 13 | 43.33 | 13 | 14.00 | 15 | 1 |
| 2022 | 17 | 3 | 17.65 | 3 | 15.00 | 15 | 0 |
| 2023 | 38 | 11 | 28.95 | 11 | 16.00 | 17 | 0 |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

| **Các tiêu chí** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Nghiên cứu sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2. Học viên cao học | 18 | 31 | 20 | 15 | 23 |
| 3. Sinh viên đại học  Trong đó: | 493 | 234 | 159 | 70 | 111 |
| + Hệ chính quy | 448 | 234 | 138 | 70 | 53 |
| + Hệ không chính quy | 45 | 0 | 21 | 0 | 58 |

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

|  | **Năm học** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| Số lượng (người) | 3 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học | 33.33% | 0 | 7.39% | 0 | 0 |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m2) | 4928 | 4928 | 4928 | 6008 | 8258 |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người) | 3/9 | 2/12 | 3/13 | 0/3 | 2/11 |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người) | 3/9 | 2/12 | 3/13 | 0/3 | 2/11 |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m2/người) | 5,3 m2 | 5,3 m2 | 5,3 m2 | 5,3 m2 | 5,3 m2 |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học** | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| Số lượng (người) | 10 | 12 | 8 | 6 | 10 |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên | 20,83% | 25% | 16 % | 12,5% | 20,83% |

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số SV nhập học** | **Số SV TN đúng thời hạn** | **Tỷ lệ (số SV TN đúng thời hạn so với số SV nhập học) (%)** | **Ghi chú** |
| 2019 | 79 | 61 | 62.43% |  |
| 2020 | 62 | 52 | 71.30% |  |
| 2021 | 85 | 75 | 57.95% |  |
| 2022 | 63 | 47 | 58.06% |  |
| 2023 | 61 | 39 | 64.00% |  |

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| **Các tiêu chí** | **Năm tốt nghiệp** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người). | 187 | 87 | 68 | 16 | 11 |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%). | 984.2% | 725.0% | 523.1% | 533.3% | 100.0% |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:  A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này 🡪 chuyển xuống câu 4  B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này 🡪 điền các thông tin dưới đây: | - | - | - | - | - |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). | - | - | - | - | - |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). | - | - | - | - | - |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp | - | - | - | - | - |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này 🡪 chuyển xuống câu 5  B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này 🡪 điền các thông tin dưới đây: | - | - | - | - | - |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). |  |  |  |  |  |
| - Sau 6 tháng tốt nghiệp. | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| - Sau 12 tháng tốt nghiệp. |  |  |  |  |  |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%). | - | - | - | - | - |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm. | 8.500.000 | 8.500.000 | 9.500.000 | 9.500.000 | 9.500.000 |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này 🡪 chuyển xuống kết thúc bảng này.  B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này 🡪 điền các thông tin dưới đây: | - | - | - | - | - |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%). | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%). | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%). | - | - | - | - | - |

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại đề tài** | **Hệ số**  **\*\*** | **Số lượng** | | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1,0 | 1 | 1 | 0 | 1 | 2 | 4 |
| 3 | Đề tài cấp trường | 0,5 | 2 | 5 | 5 | 3 | 2 | 8,5 |
| 4 | **Tổng** |  |  |  |  |  |  | **12,5** |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

*\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: 10,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 10,5/45

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| **STT** | **Năm** | **Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)** | **Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)** | **Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2019-2020 | 125 | 2.08% | 4.17 |
| 2 | 2021-2022 | 200 | 3.33% | 6.67 |
| 3 | 2022-2023 | 250 | 4.17% | 8.33 |
| 4 | 2023-2024 | 500 | 8.33% | 16.67 |
| 5 | 2024-2025 | 600 | 10.00% | 20.00 |

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| **Số lượng đề tài** | **Số lượng cán bộ tham gia** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề tài cấp NN** | **Đề tài cấp Bộ\*** | **Đề tài cấp trường** |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0 | 18 | 24 |  |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 0 | 1 |  |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số cán bộ tham gia | 0 | 18 | 25 |  |

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại sách** | **Hệ số**  **\*\*** | **Số lượng** | | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023- 2024** | **Tổng**  **quy đổi** |
| 1 | Sách chuyên khảo | 02 | 0 | 0 | 1.0 | 0 | 1.0 | 0 |
| 2 | Sách giáo trình | 02 | 0 | 1.0 | 0 | 0 | 1.0 | 0 |
| 3 | Sách tham khảo | 01 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 4 | Sách hướng dẫn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  | 0 |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 05/45

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng sách** | **Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách** | | | |
| **Sách**  **chuyên khảo** | **Sách**  **giáo trình** | **Sách**  **tham khảo** | **Sách**  **hướng dẫn** |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách | 4 | 8 | 2 | 0 |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Trên 6 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ tham gia | 4 | 8 | 2 | 0 |

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại tạp chí** | **Hệ số**  **\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **Tổng**  **quy đổi** |
| 1 | Tạp chí khoa học quốc tế | 1,5 | 6 | 10 | 35 | 40 | 35 | 189 |
| 2 | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0 | 23 | 25 | 20 | 35 | 25 | 128 |
| 3 | Tạp chí / tập san của cấp trường | 0,5 | 3 | 4 | 4 | 3 | 5 | 9.5 |
| 4 | Tổng |  |  |  |  |  |  | **326.5** |

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 326.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 326.5/45

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí** | **Nơi đăng** | | |
| **Tạp chí khoa học quốc tế** | **Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước** | **Tạp chí / tập san cấp trường** |
| Từ 1 đến 5 bài báo | 12 | 60 | 30 |
| Từ 6 đến 10 bài báo | 04 | 0 | 0 |
| Từ 11 đến 15 bài báo | 0 | 0 | 0 |
| Trên 15 bài báo | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ tham gia | 16 | 60 | 30 |

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại**  **hội thảo** | **Hệ số**  **\*\*** | **Số lượng** | | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **Tổng**  **quy đổi** |
| 1 | Hội thảo quốc tế | 1.0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 30 | 35 |
| 2 | Hội thảo trong nước | 0.5 | 5 | 2 | 3 | 5 | 1 | 8 |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0.25 | 0 | 0 | 0 | 20 | 0 | 5 |
| 4 | Tổng |  |  |  |  |  |  | **48** |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)*

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 48

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 48/45

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| **Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo** | **Cấp hội thảo** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hội thảo quốc tế** | **Hội thảo  trong nước** | **Hội thảo ở trường** |
| Từ 1 đến 5 báo cáo | 36 | 6 | 0 |
| Từ 6 đến 10 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Từ 11 đến 15 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Trên 15 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ tham gia | 36 | 6 | 0 |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)*

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm học** | **Số bằng phát minh, sáng chế được cấp**  **(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)** |
| 2019-2020 | 0 |
| 2021-2022 | 0 |
| 2022-2023 | 0 |
| 2023-2024 | 01 |
| 2024-2025 | 0 |

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng đề tài** | **Số lượng người học tham gia** | | | **Ghi** **chú** |
| **Đề tài cấp NN** | **Đề tài cấp Bộ\*** | **Đề tài cấp trường** |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0 | 0 | 20 |  |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số người học tham gia | 0 | 0 | 20 |  |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

*(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)*

| **TT** | **Thành tích nghiên cứu khoa học** | **Số lượng** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| 1 | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo | 0 | 01 | 01 | 01 | 02 |
| 2 | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 0 | 01 | 01 | 01 | 03 |

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

1. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha

2. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m2): 180 m2

3. Diện tích sử dụng cho một số hạng mục (tính bằng m2):

- Nơi làm việc: 3.266 m2

- Phòng học: 51.054 m2

- Xưởng thực tập, thực hành: 8.368 m2

- Phòng thí nghiệm: 10,143 m2

- Phòng thực hành CNTT, ngoại ngữ, nhạc họa…: 7,886 m2

- Thư viện: 9,952 m2

- Sân chơi, bãi tập: Diện tích sân tập, thi đấu TDTT 26,823 m2: Diện tích nhà thi đấu đa năng: 2,766 m2

- Ký túc xá: 48,799 m2

4. Diện tích phòng học (tính bằng m2)

- Tổng diện tích phòng học: 51.054 m2

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m2/1 sv

5. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.793 đầu sách

6. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ SV chính quy của trường

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,057 máy tính/ 1 người học chính quy

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m2): 180 m2

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m2): Thống kê ở mục IV. Cơ sở vật chất, thư viện

59. Diện tích phòng học (tính bằng m2): Thống kê ở mục IV. Cơ sở vật chất, thư viện 60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: hơn 700

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): hơn 80 đàu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho văn phòng Viện: 06 bộ

- Dùng cho người học học tập: 1116 bộ cho SV chính quy toàn trường

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,06 máy tính/SV.

## VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 45

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 33%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 67%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 2541

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 2541/53

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 88,64%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 93%;

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 7%;

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 68,2%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 31,8%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6,5 triệu/tháng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 86,7%;

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 34%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10,5/45

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8,5/45

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 325,5/45

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 325,5/45

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.057 máy tính/1 người học chính quy

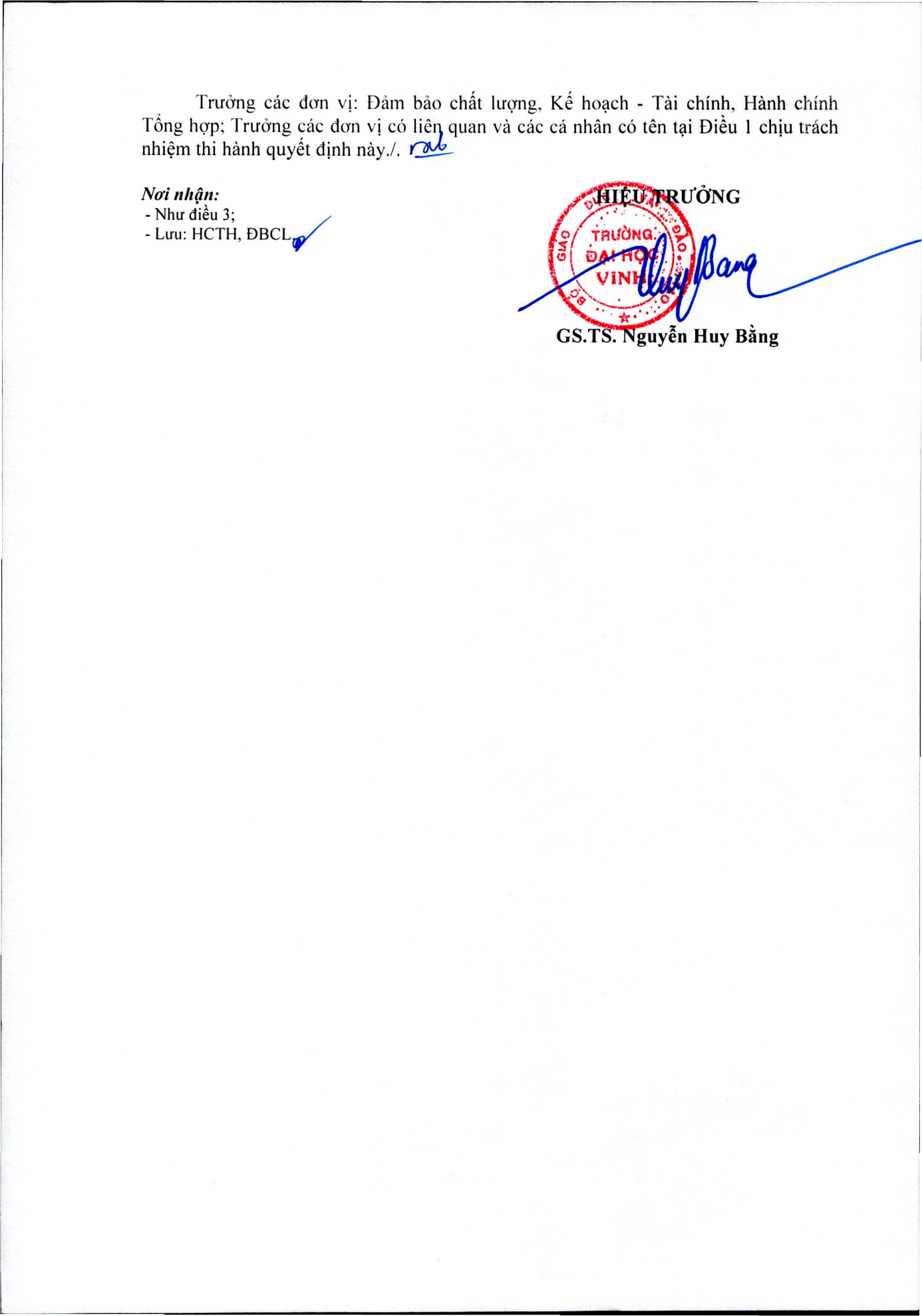
Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m2/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,3 m2 / người

**Phụ lục 2. Các văn bản liên quan**

**A paper with text on it

Description automatically generated**

****

**A document with a stamp on it

Description automatically generated**

**A document with numbers and letters

Description automatically generated**

**A paper with text and images

Description automatically generated**

A white sheet with black text

Description automatically generated

1. Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn. [↑](#footnote-ref-2)